

CONVERSATIONAL VIETNAMESE

VIỆT NGỮ ĐÀM THOẠI

LEVEL 1 – CẤP 1

Tác giả: Trần Văn Minh

Ấn bản 2017

Địa chỉ liên lạc: tranvminh77@gmail.com

LỜI TỰA

Bộ sách Việt Ngữ Đàm Thoại được ra đời trước nhu cầu học Tiếng Việt một cách mau chóng với khả năng đọc và nói, dành cho học sinh không có điều kiện sống trong môi trường nói Tiếng Việt hàng ngày.

Bộ sách có thể dùng trong các trường Việt Ngữ cộng đồng dành cho học sinh bắt đầu học Việt Ngữ ở tuổi thiếu niên.

Trước hoàn cảnh trẻ em sinh ra ở Hoa Kỳ ngày càng nhiều nên việc học Tiếng Việt cần uyển chuyển để tạo sự hấp dẫn trong việc học. Bộ sách mong ước mang lại hứng thú cho học sinh bằng cách chỉ chú trọng vào ngôn ngữ đàm thoại và đọc, mà không đặt nặng vấn đề viết văn, từ đó giảm bớt chất từ chương của môn học.

Nội dung các bài học xoay quanh những sinh hoạt thường nhật quen thuộc để mang lại những kiến thức tổng quát hữu dụng. Tuy nhiên, kỹ năng đánh vần vẫn được coi trọng và dành cho một phần đáng kể trong bài học. Khi đánh vần đúng thì sẽ phát âm đúng, mà phát âm là điểm khó vượt qua nhất cho học sinh không quen nói Tiếng Việt.

Ngoài vấn đề kỹ thuật ngôn ngữ, bộ sách cũng không quên chú tâm đến nguyên tắc căn bản trong giáo dục của người Việt Nam là “Tiên học lễ hậu học văn” hàm chứa trong nội dung các bài học. Vì lễ ban biên soạn tin rằng lễ phép và đạo đức làm người là mục tiêu cuối cùng của giáo dục, và việc học Tiếng Việt là một phần của giáo dục.

Ban biên soạn hy vọng bộ sách tạo được hứng thú cho học sinh trong việc học Tiếng Việt và thành thật cảm ơn các trường hay cơ sở sử dụng bộ sách này.

Ban biên soạn

Trần Văn Minh

CONVERSATIONAL VIETNAMESE

VIỆT NGỮ ĐÀM THOẠI

LEVEL 4 – CẤP 4

BÀI 1 – LESSON 1	CHÀO HỎI - “Tiếng chào cao hơn mâm cỗ”
BÀI 2 – LESSON 2	GIA ĐÌNH VIỆT NAM - Vietnamese Family
BÀI 3 – LESSON 3	LÒNG HIẾU THẢO - Piety
BÀI 4 – LESSON 4	TINH THẦN TRÁCH NHIỆM – Responsibility
BÀI 5 – LESSON 5	LÒNG BIẾT ƠN – Gratitude
BÀI 6 – LESSON 6	LÒNG VỊ THA – Altruism
BÀI 7 – LESSON 7	SỰ ĐOÀN KẾT – Solidarity
BÀI 8 – LESSON 8	LÒNG KHIÊM NHƯỜNG – Humility
BÀI 9 – LESSON 9	LÒNG TRUNG THỰC – Honesty
BÀI 10 – LESSON 10	LÒNG YÊU NƯỚC – Patriotism

BÀI 1 - LESSON 1

CHÀO HỎI

“Tiếng chào cao hơn mâm cỗ”



A. KIẾN THỨC TỔNG QUÁT VỀ “VĂN HÓA CHÀO HỎI”

1. Những điều cần biết về văn hóa chào hỏi

“Chào hỏi” is very important to the Vietnamese. A mistaken way of “chào hỏi” can make the other person offended. There are differences between the two cultures, Vietnamese and American, that we need to notice:

- For a younger person, he has to “chào” the elder first and the right gesture is to bow down a little bit and/or arms crossed at the same time. One should not wave hands or say “Hi”. For two persons of the same age or status, just bow down a little bit, and then shake hands

with a smile. The usual sayings are: “chào bác”, “chào cô”, “chào anh”, “chào chị”, “chào cháu”, “chào em”.

- If the other person is about your parent's age, you should use “bác” for people who look older than your parents, and “chú”, “cô” for people who look younger than your parents. For both cases, refer yourself as “cháu”.
- It's polite to address a person as if he (she) is older than yourself. Say “chị Mai”, “anh Thu” instead of just “Mai” or “Thu” even though that person is of the same age. Only in close acquaintance, then we can address another person by name.
- When the name is not known, use “chào em” for a younger person. Use “chào anh, chào chú, chào cô, chào chị” for an older person.
- When the Vietnamese meet each other, they don't hug or kiss. They just “chào”, bow down head and/or shake hands.
- When “chào hỏi” a woman, a man should not compliment about the beauty of the woman, since that is considered impolite.
- For respect to the elder, a younger person should not mention the name of the elder, but it's acceptable in the case of intimate relationship.
- Vietnamese people in social situations do not ask for each other's name since it is considered impolite, especially between a male and a female. Instead, the name is acquired through a third person.
- To address oneself, “tôi” is used when you and the other person is at the same age. Use “em” when you are younger. Use “anh” or “chị” when you are older.

2. Cách xưng hô

Mình

em

Người kia

anh, chị, thầy (giáo), cô (giáo)

cháu chú, dì, cậu, cô, ông, bà
con ba, má, cha (linh mục), sơ (nữ tu), sư (Phật giáo)
tôi bạn bè hay người ngang hàng

3. Cách ăn nói lễ phép

say:	instead of:
Kính chào bác!	Chào bác!
Chào bác ạ!	
Kính chào thầy! Kính chào cô!	Chào thầy! Chào cô!
Mời bác dùng trà.	Bác dùng trà.
Mời ông ngoại ra ăn cơm.	Ông ngoại ra ăn cơm.
Xin lỗi, anh nói gì?	Anh nói gì?
Xin lỗi, đây là ghế của tôi.	Ghế này là của tôi.
Làm ơn cho tôi mượn cây viết.	Cho tôi mượn cây viết.
Làm ơn mở cửa giùm tôi.	Mở cửa giùm tôi.
Ba chở con đi thư viện nghe ba.	Ba chở con đi thư viện.
Hoa giúp tôi làm bài tập nghe!	Hoa giúp tôi làm bài tập!
Đi chơi banh với tôi nhé!	Đi chơi banh với tôi!
Các anh chờ chút nhé!	Các anh chờ chút!
Anh đi đâu thế?	Anh đi đâu?
Các chị đang ăn gì thế?	Các chị đang ăn gì?
Hôm nay ăn món gì vậy mẹ?	Hôm nay ăn món gì?
Ba đang đọc sách gì vậy ba?	Ba đang đọc sách gì?
Tại sao em bé khóc vậy mẹ?	Tại sao em bé khóc?
Ba muốn con làm gì?	Ba muốn gì?
Xin hỏi xe buýt này đi đâu?	Xe buýt này đi đâu?
Xin hỏi ông ấy là ai vậy?	Ông ấy là ai?

Anh có thấy cây viết của tôi ở đâu không?	Cây viết của tôi đâu rồi?
---	---------------------------

B. CẤU TRÚC CÂU ĐÀM THOẠI

Cách sử dụng từ ngữ: “chính, tự, cứ, để”

1. “chính”

- Đây là nghề **chính** của tôi.
- Đây là một trong những môn học **chính** của tôi.
- Món **chính** trong bữa tiệc hôm nay là tôm hùm xào tỏi ớt.
- Nhân vật **chính** trong cuốn phim xưa này là Tổng thống Reagan.
- **Chính** tôi là người đã giúp ông ấy mua căn nhà này.
- Đây **chính** là nơi đã xảy ra tai nạn chết người tuần trước.

2. “tự”

- Tuấn biết sửa xe đều là do **tự** học hết.
- **Tự** tay cô ấy chăm sóc những cây hoa lan này đây!
- Các anh có biết **tự** đi chợ nấu ăn không?
- Hãy để **tự** nó đi làm kiếm tiền (rồi) mới biết sự quý giá của đồng tiền.
- Thằng bé này đã lớn 10 tuổi rồi mà chưa biết **tự** mình cột dây giày.
- Nếu không có sự giúp đỡ của cha mẹ mà phải **tự** vừa học vừa làm thì không biết bao giờ tôi mới ra trường.

3. “cứ”

- Các bạn cần gì **cứ** gọi tôi một tiếng nhé!
- Các em muốn ăn gì **cứ** tự nhiên gọi món ăn.
- Dù nhiều bạn bè hỏi lý do nhưng nó vẫn **cứ** không chịu mở miệng.
- Anh **cứ** đi thẳng tới cuối đường sẽ thấy ngôi nhà thờ lớn màu trắng.
- Người gì mà **cứ** ăn mặc quần áo sặc sỡ thật khó coi.

- **Cứ** hỏi đi chứ! làm gì phải sợ?

4. “để”

- Tôi ngồi đây **để** chờ một người bạn tới đón.
- Mục đích chính của sự học là **để** trở thành người tốt.
- Hãy **để** cuốn sách đó ở chỗ này sau khi xem xong.
- **Để** tôi giúp các bạn mua lô ao thun này và chắc chắn sẽ kiếm được giá rẻ hơn.
- Đừng **để** tôi phải nhắc lại lần thứ hai.
- **Để** được khỏe mạnh, chúng ta phải điều độ trong việc ăn uống và ngủ nghỉ.

Ngữ vựng

nghề	occupation	lô	batch
xào	to stir fry	nhắc	to remind
sự quý giá	value	điều độ	to balance
sắc sỡ	colorful		

C. HỌC VẦN

1. Vần “oac, oăc, oat, oăt”

oac	toac	xoac			
oăc	hoăc	ngoăc			
oạc	hoạc	ngoạc			
oăt	loăt	soăt	toăt	thoăt	
oạt	đoạt	hoạt	loạt	soạt	thoạt

oắt	choắt	hoắt	thoắt		
oặt	ngoặt				

2. Tập đặt câu với những chữ mang vần “oac, oat”

- a) Tối mùa Đông rồi, chúng ta cần mua áo **khoác** mới.
- b) Xem chúng nó kìa, ai cũng cười **ngoác** miệng thì chắc là đang rất vui vẻ.
- c) Cánh cửa mở toang **toác** thế kia thì cả nhà không bị cảm lạnh sao được.
- d) Con làm gì mà áo bị rách **toạc** thành hai mảnh vậy?
- e) Khi tập động tác thể dục này thì phải **xoạc** chân ra càng xa càng tốt.
- f) Coi chừng em bé nghịch mấy con dao nhọn **hoắc (hoắt)** này nhé!
- g) Hình như người mặc áo xanh đằng kia đang **ngoắc** tay gọi anh kìa.
- h) Anh có thể giúp tôi khiêng vật nặng **hoặc** sắp xếp đồng sách này lên kệ sách.
- i) Một nhiệm vụ của **ngoặc** đơn là giải thích câu **hoặc** chữ đứng trước nó.
- j) Tôi nghe nói anh lớn của bạn nói lưu **loát** 7 thứ tiếng phải không?
- k) Cảnh sát bỗng dưng đặt trạm kiểm **soát** giao thông ngay ở ngã tư gần đây.
- l) Vừa bước xuống phi trường tôi đã **toát** mồ hôi vì khí hậu nóng và ẩm ở đây.
- m) Gia đình chúng tôi đã chạy **thoát** khỏi chế độ cộng sản năm 1975.
- n) Cô Loan là cầu thủ bóng bàn xuất sắc và đã **đoạt** nhiều giải vô địch.
- o) Ngoài việc đi học, chúng tôi thường tham gia các sinh **hoạt** từ thiện do giáo xứ tổ chức.

- p) Có hàng **loạt** những căn nhà đã bị gió lốc tàn phá vào tối qua.
- q) Tôi chắc chắn tiếng sột **soạt** trong ga-ra là từ một con chuột đã lên vào đây.
- r) **Thoạt** đầu tôi tưởng tuổi nó chỉ cỡ học sinh trung học nhưng không ngờ nó đã là sinh viên năm thứ ba rồi.
- s) Liêm tuy bé **choắt** nhưng là đứa gan dạ nhất trong đám bạn của nó.
- t) Con của bà nhanh thoăn **thoắt** thể này thì khi lớn lên chắc sẽ lanh lợi lắm.
- u) Chú Bông nói bước **ngoặt** quan trọng nhất trong cuộc đời chú là qua được Mỹ.

Ngữ vựng

áo khoác	coat	trạm kiểm soát	checking point
cười ngoác miệng to	laugh out loud	toát mồ hôi	to transpire
mở toang toác	open widely	đoạt	to gain, get
rách toạc	ripped	giải vô địch	championship award
động tác	action	từ thiện	charity
xoạc chân	split (legs)	bé choắt	very small
ngịch	to play (with things)	nhanh thoăn thoắt	very fast
ngoắc tay	to wave hand (to call)	lanh lợi	sharp
lưu loát	fluently	bước ngoặt	turning point

3. Vần “oan, oăn”

oan	hoan	loan	ngoan	soan	toan
oán	đoán	hoán	khoán	soán	toán
oàn	đoàn	hoàn	toàn		
oản	đoản	khoản	toản		
oăn	hoăn	ngoăn			

oạn	đoạn	hoạn	loạn	soạn	
oăn	khoăn	thoăn			
oản	xoản				
oần	ngoần				

4. Tập đặt câu với những chữ mang vần “oan, oăn”

- a) Các anh chị nhớ tham dự tiệc liên **hoan** ăn mừng ca đoàn được 5 tuổi vào Thứ Bảy tuần tới nhé!
- b) Em vừa **loan** báo cho cô chú Thuần biết tin ông bà nội sắp từ Việt Nam qua.
- c) Cô Thảo dạy con rất kỹ lưỡng nên con cô đứa nào cũng **ngoan ngoãn**.
- d) Tin thời tiết của đài truyền hình số 9 tiên **đoán** cơn bão lớn sẽ đổ vào đất liền đêm nay.
- e) Chú Lâm ở Việt Nam phải đi làm **khoán** cho các công ty xây dựng chứ không có việc làm thường trực.
- f) Anh có giải được bài **toán** số 10 trong phần bài tập không?
- g) Tài **khoản** ngân hàng của nó chưa bao giờ lên tới một ngàn đô la thì làm sao có tiền mua xe mới.
- h) Tôi nghĩ nên **hoãn** lại kế hoạch mua nhà để chờ tiền lời xuống thấp hơn một chút.
- i) Từ đây xuống phố Việt Nam chỉ có 10 dặm nhưng có một **đoạn** đường lúc nào cũng kẹt xe nên phải đi sớm một chút.
- j) Cậu Nam đi dự đám tang của một người bạn thân từng chia sẻ **hoạn** nạn với cậu khi còn ở Việt Nam.

- k) Xem cảnh **loạn** lạc vì chiến tranh ở Syria trên TV sao thấy thương tâm quá!
- l) Tôi thật bần **khoăn** không biết trả lời ông ấy ra sao vì sợ ổng giận.
- m) Tôi thật hết vía khi thấy một con rắn **xoắn** quanh cành cây khi đi bộ lên núi.
- n) Con đường **ngoằn** ngoèo này là lối duy nhất đi tới nhà của thầy Quy.

Ngữ vựng

tham dự	to participate, join	hoãn	to delay
tiệc liên hoan	party	kế hoạch	plan
ăn mừng	to celebrate	tiền lời	interest
loan báo	to notify, report	đoạn	part (length)
tin thời tiết	weather news	hoạn nạn	tribulation
tiên đoán	to forecast, predict	cảnh loạn lạc	chaos situation
đổ vào	to land	thương tâm	deplorable, pitiful
làm khoán	to work by the job	bần khoản	fret, uneasy
công ty xây dựng	construction	hết vía	chickened out
company		xoắn	to wrap around
tài khoản	account	ngoằn ngoèo	winding
ngân hàng	bank	duy nhất	only

D. BÀI TẬP ĐỌC

(Chú thích: học sinh phải đọc rõ ràng, trôi chảy và cố gắng đạt tốc độ nhanh)

Sự Tranh Cãi giữa Gió và Mặt Trời

Gió và Mặt Trời tranh cãi với nhau để xem ai mạnh hơn. Trong khi họ tranh cãi kịch liệt thì



có một khách bộ hành khoác áo choàng đang đi trên đường.

Mặt Trời nói, “Bây giờ để xem ai hơn ai, tôi đề nghị ai làm cho người khách bộ hành kia cởi áo choàng ra thì là kẻ thắng.”

Gió trả lời, “Đồng ý!” Và ngay lập tức Gió thổi ra một cơn gió lạnh buốt nhắm vào người khách bộ hành.

Cơn gió mạnh thổi đến muốn kéo bay chiếc áo choàng của người bộ hành, nhưng ông ta nhanh tay giữ lại và quấn chặt áo quanh mình; gió càng thổi, ông ta càng giữ chặt. Gió giận giữ gia tăng cường độ nhưng bao cố gắng cũng đều vô ích.

Tới phiên Mặt Trời. Ban đầu, Mặt Trời tỏa ra các tia sáng ấm áp. Khi thấy không khí ấm lên sau những cơn gió lạnh trước đây, người bộ hành bắt đầu cởi hết nút áo choàng ra. Tia nắng trở nên mỗi lúc một nóng hơn, ông ta gỡ nón ra và lấy tay lau mồ hôi trên trán. Cuối cùng sức nóng tăng tới mức ông phải cởi chiếc áo choàng ra, và đi tìm một bóng cây bên đường để tránh cơn nóng.

***Bài học:** Sự khuyên nhủ tận tình và dịu dàng sẽ chiến thắng ở những nơi mà sức mạnh không thành công.*

Giải thích chữ khó:

tranh cãi: *to argue*; kịch liệt: *vehemently*;
khoác: *to wear (coat)*; đề nghị: *to suggest*;
quấn, cuốn quanh: *to wrap around*; cường độ:
intensity; vô ích: *useless*; phiên: *turn*; tia
sáng: *sunlight*; khuyên nhủ: *advice*; tận tình:
heartful



D. TRẢ LỜI CÂU HỎI

(1) Gió và Mặt Trời tranh cãi với nhau về chuyện gì?

(2) Gió và mặt trời thánh đồ nhau chuyện gì khi gặp người khách bộ hành?

(3) Gió làm gì với người khách bộ hành?

(4) Mặt Trời làm gì với người khách bộ hành?

(5) Lý do gì làm người khách bộ hành phải cởi áo choàng?

E. BÀI TẬP

1. Viết một đoạn đối thoại gồm ít nhất 6 dòng giữa hai người bạn:

Tân: _____

Lan: _____

Tân: _____

Lan: _____

Tân: _____

Lan: _____

2. Đặt câu với chữ cho sẵn.

(chào) _____

(kính chào) _____

(xin lỗi) _____

(xin lỗi) _____

(làm ơn) _____

(làm ơn) _____

(thề) _____

(thề) _____

(nhé) _____

(nhé) _____

(nghe) _____

(nghe) _____

(vậy) _____

(vậy) _____

(mời) _____

(xin hỏi) _____

(xin hỏi) _____

3. Đặt câu với chữ cho sẵn.

(chính) _____

(chính) _____

(tự) _____

(tự) _____

(cứ) _____

(cứ) _____

(để) _____

(để) _____

4. Đặt câu với chữ cho sẵn.

(áo khoác) _____

(hoặc) _____

(kiểm soát) _____

(thoát) _____

(hoạt động) _____

(bé choắt) _____

5. Đặt câu với chữ cho sẵn.

(loan báo) _____

(ngoan ngoãn) _____

(bài toán) _____

(tiên đoán) _____

(đoạn) _____

(sửa soạn) _____

6. Tập đọc bài “Sự Tranh Cãi giữa Gió và Mặt Trời” với sự trôi chảy và tốc độ nhanh.

Ghi chú:

1. Để có thể tiến bộ trong khả năng đọc, học sinh phải đọc từng câu cho tới khi quen lười rồi mới tiếp tục đọc câu sau. Cuối cùng phải đọc lại toàn bài vào lần cho thành thuộc.
2. Hai vấn đề khó của tập đọc là nhận diện chữ để phát âm cho đúng và uồn lười cho kịp nhanh. Một người không quen nói tiếng Việt thường bị khựng lại với những vần khó và sự lên xuống của các dấu.

7. Viết chính tả bài “Sự Tranh Cãi giữa Gió và Mặt Trời”.

Ghi chú: Có thể lấy ra một phần của bài để viết.

BÀI ĐỌC THÊM

Thế Nào Là Lễ Phép?

Nguyên tắc giáo dục của người Việt Nam khởi đầu từ câu châm ngôn “Tiên học lễ, hậu học văn”, có nghĩa là một người phải học cách cư xử với mọi người chung quanh trước khi học chữ nghĩa. Đặt lễ phép trước học thuật nhằm nhấn mạnh vai trò quan trọng của giáo dục nhằm đào tạo một người tốt trước một người giỏi. Từ nguyên tắc này, chuyện lễ phép thường là bài học đầu tiên mà các bậc cha mẹ dạy cho con cái, ngay từ lúc bắt đầu biết nói. Vì thế một đứa trẻ hay người trẻ lễ phép thường được đánh giá là một người có giáo dục.

Vậy lễ phép là gì và phải thực hành lễ phép thế nào?

Lễ phép là phương cách cư xử đúng chuẩn mực đối với người khác. Vài bài học lễ phép tiêu biểu thường được áp dụng như sau đây:

- Biết “dạ thưa”: Một người dưới nói chuyện với một người trên bao giờ cũng bắt đầu bằng “dạ thưa”. Một câu tục ngữ điển hình cho bài học

này là “Gọi dạ bảo vâng”; gọi thì phải “dạ” và sai bảo thì phải “vâng”. Không bao giờ câu trả lời có thể là “Ừ” hay “O.K.”;

- Nói lời cảm ơn: khi nhận quà hay hàm ơn bất cứ ai cũng phải khoanh tay cúi đầu và/hay nói cảm ơn;
- Vâng lời cha mẹ, ông bà, thầy cô: Ở nhà phải vâng lời cha mẹ, ông bà. Ở trường phải vâng lời thầy cô. Nguyên tắc này rất quan trọng và được xem như bốn phần của một người con trong trật tự gia đình và học sinh nơi trường học;
- Thái độ kính trọng người trên: Sự kính trọng đối với người lớn tuổi hay người trên được thể hiện nhiều trong tục ngữ Việt Nam và câu điển hình là “Kính lão đắc thọ”. Ngoài xã hội, một người học trò sau khi thành danh trở về trường học xưa hay gặp lại thầy giáo cũ vẫn phải một mực “dạ thưa” với thầy.
- Biết xin lỗi: Biết xin lỗi thể hiện sự tế nhị và quan tâm đến người khác cũng như một hình thức rèn luyện chính bản thân mình;
- Thật thà, không nói dối: Thật thà đối với gia đình, với thầy cô, với bạn bè là bước thể hiện đầu tiên của một người tốt, có đức hạnh.
- Biết chào hỏi khi gặp người khác: Chào hỏi đúng cách là một nghệ thuật trong cách cư xử của người Việt Nam và là cánh cửa dẫn một người tới với xã hội. Một người có được sự kính trọng của người khác hay không bắt nguồn từ điểm này.

Tuy nhiên, lễ phép không phải là độc quyền của người Việt Nam. Đây là những nguyên tắc giao tiếp căn bản của mọi nơi trên thế giới. Như tại một lớp học đặc biệt ở trường Thorplands, Northampton ở Anh, có một bảng in 10 câu châm ngôn như sau: dùng lời lẽ nhã nhặn, giúp đỡ người khác khi có thể, chia sẻ và xếp hàng, lắng nghe người khác, trung thực và thật thà, suy nghĩ trước khi phát biểu, ghi nhớ cách ứng xử, biết kìm nén sự nóng giận, quan tâm đến hoàn cảnh của người khác và không gian lận khi chơi và làm việc.

Một vài thí dụ về các hành vi lễ phép có thể được diễn tả như sau đây:

- Trong gia đình, trẻ em phải biết kính trên nhường dưới: dâng ông tách trà, dâng bà chén nước, giúp mẹ làm việc nhà, biết giữ yên lặng khi cần thiết cho mọi người nghỉ ngơi, không mở cửa mạnh tay, không nghịch phá lúc anh chị đang học...
- Với trường hợp khi có khách đến nhà, trẻ em phải biết chào hỏi, biết rót nước mời khách. Khi khách nói chuyện, trẻ em không ngắt ngang lời khách, không được xen vào chuyện của người trên.

Với ý nghĩa và nội dung của lễ phép thì hẳn lễ phép không phải là những quy tắc hành xử bề ngoài mà là một trong những phương cách rèn luyện của một người tốt, có đức hạnh. Hành xử một cách lễ phép rõ ràng là phương tiện để giúp một người trở nên tốt và có nhân đức. Bởi thế, lễ phép là điều cần học và áp dụng vào cuộc sống. Còn hơn thế nữa, lễ phép phải đi đầu như câu “Tiên học lễ, hậu học văn”.

Ngữ vựng

nguyên tắc	principle	đào tạo	to train
giáo dục	education	tiêu biểu	to represent
khởi đầu	to begin, to start	điển hình	typical
châm ngôn	maxim	thể hiện	to appear
tiên	trước	thành danh	to be famed
hậu	sau	tế nhị	subtlety, peace
cách cư xử	conduct, behavior	nhã nhặn	genteel, gentlemanly
chữ nghĩa	(means) academic	hoàn cảnh	situation
học thuật	academic		

BÀI 2 - LESSON 2

GIA ĐÌNH VIỆT NAM Vietnamese Family



A. CÁCH CƯ XỬ TRONG GIA ĐÌNH

1. Phong cách ăn uống

Phong cách ăn uống trong gia đình Việt Nam là điều rất quan trọng và thường được dạy cho trẻ em từ khi còn bé để trở thành thói quen. Sau đây là những điểm cần chú ý về cách hành xử tại bàn ăn:

- Người trẻ phải chờ cho người lớn tuổi ngồi vào bàn trước khi ngồi xuống.
- Khi ngồi vào bàn, người trẻ phải mời tất cả những người lớn tuổi hơn mình ăn cơm. Đây là thủ tục “mời cơm”. Thủ tục này được thực hiện theo thứ tự, với người nhỏ tuổi nhất phải tự biết mình nhỏ tuổi nhất và

mời người khác trước. Kể đến là người nhỏ tuổi tiếp theo mời và cứ tiếp tục như thế cho đến người lớn tuổi nhất.

Ghi chú: Trên thực tế, thứ tự mời cơm bắt đầu từ tuổi nhỏ nhất đã trở nên khó thực hiện và vì thế thứ tự đi từ nhỏ đến lớn không nên coi là sự bắt buộc.

- Sau khi mọi người mời cơm xong, người trẻ phải chờ cho người lớn gấp thức ăn trước mới được gấp thức ăn vào chén của mình, hoặc khi người trẻ được cho phép ăn trước.
- Khi đĩa thức ăn chung có thìa để múc thì mỗi người nên dùng thìa chung này để lấy thức ăn, không nên dùng đũa riêng của mình. Dùng đũa của mình sẽ bị xem là bất lịch sự hay mất vệ sinh. Nếu trường hợp không có thìa chung thì có thể dùng đũa của mình nhưng phải đảo ngược đầu lại để gấp thức ăn.

Ghi chú: trong gia đình thân mật, thủ tục này thường bị xem là rườm rà hay câu nệ và được bỏ qua; do biết không có ai bị mang bệnh, tuy nhiên, bên ngoài gia đình, vẫn phải luôn tuân theo.

- Khi gấp thức ăn trong đĩa chung, không nên nhìn chăm chú vào miếng muốn gấp mà nên gấp miếng gần mình nhất, như một cử chỉ nhường nhịn.
- Khi lấy canh hay súp, không nên vừa cầm thìa múc canh và vừa cầm đũa của mình.
- Không nên chơi nghịch với đôi đũa hay bỏ mỗi chiếc một nơi hay dùng đũa đâm vào thức ăn.
- Nên đưa chén cơm lên ngang miệng để và cơm vào miệng.
- Không nên lấy miếng ăn cuối cùng trong đĩa chung nếu không xin phép người chung quanh trước.
- Chén cơm phải được ăn sạch không còn hột cơm nào trước khi đưa chén cho người khác bôi cơm mới. Khi ăn xong bữa cơm cũng như vậy.

- Khi ăn súp, nên ăn một cách yên lặng. Không nên để gây tiếng động “xùm xụp”.

Ngữ vựng

phong cách	way, style	và cơm	to eat rice
cách hành xử	behavior	gắp	to take food by using
thủ tục	procedure		chopsticks
thực hiện	to do, perform	nhìn chăm chú	look closely
múc, xúc	to scoop	bới cơm	to scoop up rice

2. Bữa ăn thông thường của người Việt Nam

Một bữa ăn thông thường của người Việt Nam gồm có 3 món:

- Món mặn là món chính trong bữa ăn. Các món mặn thông thường là các món kho như thịt heo kho, thịt gà kho, cá kho, tôm kho. Món mặn được dùng để ăn nhiều cơm và rau.

Ghi chú: món thịt chính trong bữa ăn được gọi là “món mặn” vì theo truyền thống từ xưa, do thiếu thốn, các món thịt cá luôn được “kho mặn” để ăn cơm. Tuy nhiên, thời nay món mặn không nhất thiết phải “mặn” mà ám chỉ món chất đạm chính trong bữa ăn.

- Món canh là món “súp” rất đặc biệt của Việt Nam. Canh được chan vào cơm để ăn thay vì ăn riêng. Món canh thường được nấu với chút ít chất đạm (như thịt, cá, tôm) và rau, nên thường có tên với loại rau dùng để nấu như canh rau đay, canh bầu, canh khổ qua. Người Việt thường không uống nước trong lúc ăn cơm vì đã có món canh.
- Món rau thường là rau xào, là món gồm rau được nấu với chút ít dầu và một ít thịt cá. Tên vài món rau xào là rau muống xào, bắp cải xào, đậu que xào. Món rau xào cũng có thể được thay thế bằng món rau luộc, rau sống (rau ăn sống) hay các loại rau cải muối.

Ngữ vựng

phổ thông	popular	chan	to pour (“canh”) over
chất đạm	protein	xào	stir fry
truyền thống	tradition	rau sống	salad
không nhất thiết	not necessarily	rau cải muối	pickled vegetables

3. Một câu chuyện ở bàn ăn

a. Trong gia đình 5 người gồm bà nội, bố mẹ và hai con Lan và Thi.

Thi	Con xin mời bà nội, bố mẹ và chị Lan ăn cơm.
Lan	Con mời bà nội, bố mẹ ăn cơm.
Mẹ	Mời mẹ ăn cơm. Mời anh ăn cơm.
Bố	Mời mẹ ăn cơm.
Bà nội	Thôi mời cả nhà ăn cơm. Tất cả hãy cầm đũa lên. Lan và Thi ăn trước đi các cháu.
Lan, Thi	Dạ, cháu xin mời bà nội.

b.

Mẹ	Mời cả nhà ăn thử món canh khổ qua xem có ngon không?
Bố	Anh thích nhất món này. Khổ qua này đắng và ngon quá!
Lan	Khổ qua hôm nay đắng quá con ăn không được?
Mẹ	Con thử ăn, dần dần sẽ quen và thấy ngon.
Thi	Mẹ ơi, con ăn thấy ngon.
Bà nội	Món cá kho ngon lắm, rất vừa ăn. Món rau muống xào cũng ngon nữa.
Mẹ	Con biết cả nhà sẽ thích mà. Chỉ tội cho bé Lan không thích canh khổ qua. Thôi để ngày mai mẹ làm canh bí bù lại nhé.

Lan Cảm ơn mẹ. Con sẽ tập ăn canh khổ qua cho quen. Con thích đồ ăn Việt Nam.

B. CẤU TRÚC CÂU ĐÀM THOẠI

Cách sử dụng từ ngữ: “thôi, xem, tội”

1. “thôi”

Thôi	(bây giờ)	(tôi)	mời	cả nhà	ăn cơm.
		tôi	muốn	đi về.	
			muốn	ở nhà	học bài.
	để ngày mai	tôi	sẽ trả	tiền	cho anh.
			sẽ	lái xe tới	rước anh.
		mẹ	làm	canh bí	bù lại.

2. “xem”

Mời cả nhà	ăn thử món canh khổ qua	xem có ngon không.
	uống thử nước sinh tố bơ	
Mời các bạn	đi tắm biển Huntington Beach	xem có thích không.
	tham gia giúp người không nhà	
Các em	thử đọc qua bài báo này	xem có hiểu không.
	thử an ủi bạn Hoa	xem có được không.

3. “tội”

Tội cho	bé Lan	không thích món canh khổ qua.
	chú Kỳ	vừa bị mất việc.

	anh Bảo	không được nhận vào trường y khoa.
	những người không nhà	phải ngủ ngoài đường giữa trời lạnh Mùa Đông.
	những trẻ em ở Phi Châu	không có cơ hội đi học.
	những con gấu trắng ở Bắc Cực	không kiếm được đồ ăn vì băng đá đã tan gần hết.

C. HỌC VẦN

1. Vần “oang, oanh, oach”

oang	choang	hoang	loang	toang	
oáng	choáng	khoáng	loáng	thoáng	toáng
oàng	choàng	hoàng	xoàng		
oảng	choảng	hoảng	khoảng	thoảng	
oăng	loăng				
oạng	choạng	soạng			
oanh	khoanh	loanh			
oành	hoành				
oảnh	khoảnh	ngoảnh			
oạch	hoạch				
oạch	hoạch				

2. Tập đặt câu với những chữ mang vần “oang, oanh, oach”.

- a) Tôi nghe nói gần nhà bạn có căn nhà **hoang** và người ta thường thấy ma ở đó vào ngày Halloween phải không?
- b) Trời lạnh mà cửa sổ mở **toang** toác thế này thì không cảm lạnh sao được.
- c) Không hiểu sao dạo này mỗi lần ngồi xuống đứng lên là đầu óc thấy **choáng** váng.
- d) **Khoáng** chất can-xi (calcium) rất cần cho sự tăng trưởng của xương.
- e) Ba má tôi chọn mua căn nhà này vì nằm ở địa thế cao và **thoáng** mát.
- f) Khí hậu ở Nam California ít có ngày lạnh đến mức cần tới áo **choàng** nên chúng ta không cần sắm làm gì.
- g) **Hoàng** hôn là khoảng thời gian từ lúc mặt trời lặn tới khi trời tối.
- h) Những thứ nữ trang này chỉ là loại **xoàng** thôi đâu có quý giá gì.
- i) Con bão lớn tới thật nhanh làm mọi người **hoảng** hốt lo thu xếp quần áo để di tản.
- j) Dạo này thỉnh **thoảng** mới có một phim hay chứ không rầm rộ như mấy năm trước đây.
- k) Nếu tôi không đoán lầm thì anh ấy cỡ **khoảng** trên dưới 30 tuổi.
- l) Nước chanh này cần nên pha **loãng** một chút thì sẽ dễ uống hơn.
- m) Ngày nào tôi cũng đi làm từ lúc mặt trời chưa mọc, nhưng khi về đến nhà thì trời đã chập **choạng** tối.
- n) Con hãy **khoanh** tay cúi đầu chào các bác trước khi đi về.
- o) Từ sáng đến giờ tôi chỉ **loanh** quanh dọn dẹp trong nhà chứ chưa đi đến đâu.
- p) Mấy tuần nay mưa bão **hoành** hành Bắc Cali gây lụt lội và làm thiệt hại nhiều đường xá.
- q) Trong **khoảnh** khắc, tôi chợt nhớ lại tên của các anh.

- r) Chúng ta không nên **ngoảnh** mặt trước những kẻ hoạn nạn cần sự giúp đỡ.
- s) Chị đừng **hoạnh** hộc nữa vì anh ấy đã nhận lỗi rồi.
- t) Tân tổng thống vừa thông báo kế **hoạch** cải tổ hệ thống chăm sóc sức khỏe.

Ngữ vựng

nhà hoang	abandoned house	hoảng hốt	panic
ma	ghost	rầm rộ	noisily, loudly
cảm lạnh	cold	pha loãng	diluted
dạo này	recently	chập choạng	close
mở toang toác	open widely	loanh quanh	around
choáng váng	dizzy	hoành hành	to rage
khoáng chất	mineral	khoảnh khắc	short moment
tăng trưởng	growth	kẻ hoạn nạn	the needy
địa thế	location	hoạnh hộc	nagging
thoáng mát	airy, cool	kế hoạch	plan
áo choàng	coat	cải tổ	to reform
sắm	to buy	hệ thống	system
nữ trang	jewelry	chăm sóc sức khỏe	healthcare

D. BÀI TẬP ĐỌC

Mạnh hay Yếu

(Chú thích: học sinh phải đọc rõ ràng, trôi chảy và cố gắng đạt tốc độ nhanh)



Trong khu rừng nọ có một cây gỗ tẻch rất tự phụ. Nó cao vút và to lớn trông rất hùng dũng. Trong khi đó cũng có một cây húng nhỏ dưới gốc cây tẻch.

Cây tẻch nói, “Tôi là một cây tẻch đẹp trai và khỏe mạnh. Không ai có thể đánh đổ tôi được.” Nghe được điều này, cây húng trả lời: “Này anh bạn thân mến, coi chừng tự hào quá sẽ có hại. Ngay cả cây cứng nhất cũng có ngày bị đổ.”

Cây tẻch lơ đi những lời nói của cây húng. Nó tiếp tục tự khoe mình.

Một cơn gió mạnh thổi đến. Cây tẻch vẫn đứng vững. Ngay cả khi trời mưa, tẻch vẫn hiên ngang xoải dài các tầng cây rậm lá.

Trong khi đó, cây húng cúi rạp xuống đất. Cây tẻch chế giễu cây húng.

Bỗng một hôm, có một cơn bão lớn thổi đến. Cây húng cúi rạp xuống đất. Còn cây tẻch, như thường lệ, không muốn cúi đầu.

Cơn bão trở nên mỗi lúc mạnh hơn. Tẻch cảm thấy không thể chịu đựng được nữa. Sức mạnh của nó không còn nghĩa lý gì.

Tẻch bị đánh đổ. Thế là kết thúc cuộc đời của một cây tự phụ. Khi cơn bão đi qua, mọi sự bình thường trở lại và cây húng đứng thẳng dậy. Nó nhìn chung quanh và thấy cây tẻch tự phụ đã bị đổ.

Giải thích chữ khó:

cây gỗ tẻch: *teak*; tự phụ: *arrogant*; cao vút: *very high*; hùng dũng: *heroic*; cây húng: *herb*; hiên ngang: *proud*; xoải: *to expand*; rậm: *thick*; cúi: *to bow down*; chế giễu: *to make fun of*; nghĩa (lý): *meaning*; kết thúc: *to end*; bình thường: *normal, peaceful*

Đ. TRẢ LỜI CÂU HỎI

(1) Cây gì trong khu rừng rất tự phụ?

(2) Cây tetch trông thế nào?

(3) Cây tetch khoe khoang sức mạnh của mình thế nào?

(4) Khi có cơn gió thổi đến thì cây húng thế nào?

(5) Khi có cơn bão mạnh thổi đến thì cây tetch thế nào?

(6) Bài học của bài tập đọc là gì?

E. BÀI TẬP

1. Trả lời các câu hỏi sau đây một cách đầy đủ.

a) Trong thủ tục mời cơm, ai phải mời ai?

b) Trong bàn ăn khi chưa có ai ăn trước nhưng một người trẻ muốn ăn trước thì anh ta nên làm gì?

c) Giả sử một người không thích gặm xương nhưng miếng xương gà là miếng nằm về hướng anh ta trong đĩa thịt gà chung, anh ta nên làm gì để tránh phải ăn miếng xương gà?

d) Tại sao phải dùng thìa chung để lấy thức ăn từ đĩa chung?

e) Khi muốn ăn miếng thức ăn cuối cùng trong đĩa chung thì phải làm sao?

f) Khi đưa chén cho người khác lấy thêm cơm hay ăn xong, chén cơm của mình phải thế nào?

g) Hãy kể tên 3 món mặn trong các món ăn Việt Nam?

h) Người Việt thường nấu rau thế nào?

i) Hãy kể tên ba món canh Việt Nam?

2. Đặt câu với chữ cho sẵn.

(thôi) _____

(thôi) _____

(xem) _____

(xem) _____

(tội) _____

(tội) _____

3. Đặt câu với chữ cho sẵn.

(khoáng chất) _____

(thoáng mát) _____

(hoàng hôn) _____

(hoảng hốt) _____

(thỉnh thoảng) _____

(khoảng) _____

(loãng) _____

(khoanh tay) _____

(ngoảnh mặt) _____

(kế hoạch) _____

4. Tập đọc bài “Mạnh hay yếu” với sự trôi chảy và tốc độ nhanh.

Ghi chú:

1. Để có thể tiến bộ trong khả năng đọc, học sinh phải đọc từng câu cho tới khi quen lười rồi mới tiếp tục đọc câu sau. Cuối cùng phải đọc lại toàn bài vào lần cho thành thuộc.

2. Hai vấn đề khó của tập đọc là nhận diện chữ để phát âm cho đúng và uốn lưỡi cho kịp nhanh. Một người không quen nói tiếng Việt thường bị khựng lại với những vấn đề khó và sự lên xuống của các dấu.

5. Viết chính tả bài “Mạnh hay Yếu”.

Ghi chú: Có thể lấy ra một phần của bài để viết.

BÀI ĐỌC THÊM

Sự Cần Thiết của Bữa Cơm Gia Đình

Trước cuộc cách mạng tin học, người ta cho rằng khi con người có thể liên lạc hay tìm kiếm thông tin nhanh hơn thì cuộc sống cũng sẽ đỡ vất vả hơn. Tuy nhiên tới giờ này thì thực tế thế nào? Điều rõ ràng là chẳng mấy ai cảm thấy ung dung hay có nhiều thì giờ cho gia đình hơn. Lý do là khoa học càng tiến bộ thì người ta lại càng phải chạy theo sự tiến bộ để không bị bỏ lại phía sau; vì bị bỏ lại phía sau đồng nghĩa với sự thất bại và sẽ bị loại ra khỏi con đường tiến thân.

Bận rộn là một thực tế không thể tránh khỏi, nhưng không vì vậy mà sao lãng hai vấn đề quan trọng nhất của một gia đình là giáo dục con cái và bảo vệ hạnh phúc vợ chồng. Để thực hiện hai công việc này thì không thể không nêu lên một sinh hoạt rất hữu ích là bữa cơm gia đình.

Trong thời buổi hiện nay, một gia đình chỉ có một khoảnh khắc gặp mặt nhau đầy đủ là bữa cơm tối hay bữa cơm gia đình. Tại bữa cơm này, tình cảm liên đới giữa các thành viên trong gia đình được vun xới và thắt chặt thêm. Nếu không có nét văn hóa này, gia đình sẽ khó có thể tồn tại và công

việc giáo dục con cái sẽ không được hoàn hảo. “Học ăn, học nói, học gói, học mở” là một câu tục ngữ diễn tả hết tiến trình giáo dục trẻ em, mà từ đó, chuyện học ăn là bài học đầu tiên. Vì vậy mà tại bàn ăn, trẻ em học được rất nhiều về những lãnh vực không đâu dạy như luân lý, cách cư xử, đạo đức, tình gia đình...

Ngày xưa ở Việt Nam, với một gia đình lớn bao gồm ba, bốn thế hệ từ ông bà đến con cháu, bữa cơm gia đình thường đông đúc, vui vẻ nhưng có trật tự theo khuôn phép Nho Giáo. Ngày nay, đa số gia đình chỉ còn cha mẹ và con cái, cộng thêm một cuộc sống tất bật với sinh kế. Ở xứ Mỹ cũng vậy, mỗi gia đình của người Mỹ gốc Việt cũng không thoát khỏi ngoại lệ của một thời khóa biểu bận rộn này. Vì vậy, việc duy trì truyền thống bữa cơm gia đình xem ra khó thực hiện và nhiều trường hợp là không thể. Vậy phải hy sinh bữa cơm gia đình chăng?

Với những lợi ích của bữa cơm gia đình trong vấn đề giáo dục con cái và bảo vệ hạnh phúc vợ chồng, sự cần thiết của bữa cơm gia đình là không thể phủ nhận, nhưng chuyện sinh kế cũng không thể bỏ qua. Vậy thì cách giải quyết vấn đề chính là sự dung hòa. Nhưng dung hòa không có nghĩa là đặt giá trị của hai vế bằng nhau mà phải nâng giá trị gia đình lên hơn sinh kế mới có thể tạo được sự bền vững cho gia đình.

Thế hệ người Việt tỵ nạn đầu tiên trên đất Mỹ là một thế hệ không thể có hay ít có lựa chọn để có nhiều thì giờ cho sinh hoạt gia đình, khi mà cha mẹ phải phải đặt vấn đề sinh kế lên hàng đầu để con cái có thể tiếp bước lên cao hơn trên đường đời sau này. Thực tế này đã tạo ra không ít thảm kịch trong nhiều gia đình khi có con cái lớn lên không hề biết tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, đôi khi con cái còn chối bỏ hay khinh rẻ ngay cả cha mẹ, ông bà, là những người còn ôm những giá trị “lỗi thời” đó.

Tuy nhiên, theo thời gian, thế hệ thứ hai sinh đẻ tại Mỹ bắt đầu có gia đình, có con cái và cũng phải đối mặt với hai vấn đề căn bản là giáo dục con cái và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Điều may mắn của thế hệ mới này là

không phải quá chật vật với chuyện kiếm sống nên có thể giành thì giờ nhiều hơn cho gia đình.

Và vấn đề ở đây chỉ còn là chọn lựa sự ưu tiên giữa gia đình và sự nghiệp.

Nếu ưu tiên được đặt trên gia đình thì hiển nhiên bữa cơm gia đình là một nét văn hóa không thể bỏ qua.

Ngữ vựng

cách mạng	revolution	tiến trình	process
tin học	information technology	tất bật	busy
thông tin	information	sinh kế	living
ung dung	comfortable, relax	sự dung hòa	compromise
con đường tiến thân	career road	thế hệ	generation
sao lãng	to neglect	chật vật	struggling
khoảnh khắc	short moment	ưu tiên	priority
hiển nhiên	clearly, obviously		



BÀI 3 - LESSON 3

LÒNG HIẾU THẢO

Piety



A. TỔNG QUÁT VỀ HIẾU THẢO

1. Ý nghĩa của lòng hiếu thảo

a. Hiếu thảo là gì?

“Hiếu” là biết ơn người sinh ra mình bao gồm cha mẹ, ông bà, tổ tiên. “Thảo” là mở tấm lòng ra, nghĩa bóng là biết chia sẻ những thứ mình có với người thân. Hiếu thảo là sự biết ơn kèm theo hành động chia sẻ đối với người sinh ra mình. Lòng hiếu thảo không chỉ biểu hiện qua lời nói hay thái độ mà phải thực hiện công việc ghi ơn các đấng sinh thành bằng tấm lòng thành thực.

b. Tại sao phải hiếu thảo?

Theo quan điểm thực tiễn của Tây Phương, lịch sử con người là sự tiếp nối từ đời này tới đời kia như một định mệnh. Bốn phận của cha mẹ là phải nuôi nấng và dạy dỗ con cái thành người hữu dụng cho xã hội. Cha mẹ không đòi hỏi sự báo đáp ngược lại; nếu có thì chỉ là sự quan tâm, nể trọng hay tôn kính. Như vậy “chữ hiếu” của con cái đối với cha mẹ không bao gồm phần báo đáp và những hành động thực tiễn.

Khi nhìn về Đông Phương thì con cái bắt buộc phải gánh một trách nhiệm từ khi mới sinh ra là chữ hiếu. Con không nghe lời cha mẹ, cãi lại cha mẹ, gây tiếng xấu cho cha mẹ là bất hiếu. Khi cha mẹ về già cũng vẫn phải có thái độ cung kính với cha mẹ như thế và còn thêm một bước nữa là phải phụng dưỡng cha mẹ về vật chất lẫn tinh thần. Tuy nhiên, với thời thế thay đổi và điều kiện an sinh xã hội tốt hơn, quan điểm xưa cũ này có thể chỉ còn tồn tại chút ít ở Việt Nam ngày nay. Đối với người Việt tại xứ Mỹ, chữ hiếu vẫn còn được giữ gìn nhưng với một phương cách thể hiện bớt khắt khe hơn.

Với hệ thống an sinh xã hội đầy đủ ở Mỹ, vấn đề cấp dưỡng khi cha mẹ về già trở nên không còn cần thiết, nhưng bốn phận chăm lo về tinh thần đối với cha mẹ Việt Nam vẫn còn phải duy trì. Tuy các bậc cha mẹ Việt Nam thuộc thế hệ thứ nhất, sống và làm việc ở Mỹ, nhưng lối suy nghĩ và cách sống chưa hẳn đã biến đổi như người Mỹ. Phương cách nuôi nấng con cái của họ có một sự quan tâm đặc biệt và hy sinh đến tận cùng để con cái được nên người và thành tài. Nhiều khi sự hy sinh đi đến mức không chừa lại gì cho mình ở tuổi già. Ngay cả trong cuộc sống cũng hy sinh mọi sự cho con, vui khi con vui, buồn khi con buồn, chẳng có một thứ vui nào cho bản thân mình. Vì sự tận hiến tột cùng như thế nên khi con cái trưởng thành và phải rời xa, nhiều cha mẹ trở nên hụt hẫng, như thể cuộc đời đã mất hết ý nghĩa. Trong hoàn cảnh thế này, chỉ với tình người hay sự công bằng cũng đủ để con cái thấy được bốn phận của mình là phải đáp đền công ơn dưỡng

dục. Không có cha mẹ thì mình sẽ không được như ngày nay. Bất cứ ai có lòng trắc ẩn cũng không thể chối bỏ chữ hiếu được.

c. Phải thực hành hiếu thảo thế nào?

Hiếu là biết ơn và thảo là sự quan tâm. Hiếu thảo là tỏ lòng biết ơn bằng hành động. Hiếu được ý nghĩa của hiếu thảo thì sẽ biết phải làm những gì. Một vài việc tiêu biểu để tỏ lòng hiếu thảo là nghe lời dạy dỗ, không làm điều xấu để cha mẹ phiền lòng, vâng lời, cố gắng học hành, phụ giúp cha mẹ... Hiếu thảo không phải là sự đền đáp khi cha mẹ về già mà nên thực hành ở bất cứ thời điểm nào. Một người con hiếu thảo bắt đầu từ lúc còn nhỏ, với tấm lòng luôn quan tâm cho cha mẹ.

Tuy lòng hiếu thảo có vẻ như bổn phận của con cái đối với cha mẹ, nhưng thực ra, nó đem đến lợi ích cho con cái trong việc thực tập lòng biết ơn. Con cái sẽ học và thực tập làm một người có nhân bản từ trong gia đình. Một người biết yêu cha mẹ thì mới có lòng nhân với bạn bè, xã hội và yêu quê hương đất nước.

Ngữ vựng

sự biểu hiện	expression	khắc khe	rigorous
quan điểm	standpoint	cấp dưỡng	to support
thực tiễn	practical	tận hiến	sacrifice
định mệnh	fate	hoàn cảnh	situation
sự báo đáp	repayment	lòng trắc ẩn	compassion,
sự quan tâm	concern		sympathy
phụng dưỡng	to take care	tiêu biểu	sample
an sinh xã hội	social security	nhân bản	humanity
thể hiện	to show		

2. Cách thức thực hiện lòng hiếu thảo

a. Tập có tinh thần trách nhiệm với những việc của mình. Cha mẹ đi làm cả ngày cực khổ để cho mình được đi học và có một cuộc sống đầy đủ, thì mình có một số việc cần làm để thực hiện lòng hiếu thảo, như:

- Cố gắng học hành: Tận dụng mọi cơ hội và thời gian để học. Khi có dịp thì không từ chối học thêm điều mới và khi có thì giờ cũng không để mất vào những chuyện vô ích.
- Phụ giúp cha mẹ làm những việc trong nhà như giữ gìn nhà cửa cho sạch sẽ, ngăn nắp; tự dọn dẹp phòng mình sạch sẽ hay tự giặt giũ quần áo của mình; phụ giúp cha mẹ nấu cơm hay làm vườn; trông chừng và dạy dỗ em nhỏ (nếu có).
- Ý thức về những yêu cầu cha mẹ đặt cho mình là cho chính lợi ích của mình. Chẳng hạn như khi cha mẹ muốn mình cố gắng học để lấy điểm cao hay muốn mình học thêm các môn phụ như nhạc lý hay thể thao là để mình trở thành một người giỏi, đa tài.

b. Không có thái độ bất kính như cãi lời, hỗn láo, to tiếng... với cha mẹ.

Một điều khó khăn cho người trẻ là phải sống và cư xử trong hai môi trường: Mỹ và Việt. Ở trường học thì hành xử theo phong cách Mỹ, nhưng về nhà thì phải theo phong cách Việt. Có những hành vi chấp nhận được ở bên môi trường Mỹ nhưng lại là điều cấm kỵ trong môi trường Việt Nam; chẳng hạn như tranh cãi to tiếng với cha mẹ. Yếu tố quan trọng nhất trong cách cư xử của người Việt là vấn đề lễ phép, có nghĩa là phải biết chào hỏi và nói năng đúng cách. Không được cãi lời, nói to tiếng hay hỗn láo, không vùi vĩnh, tập sống tự lập với những việc cá nhân của mình. Thực hành lễ phép vừa tỏ lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và vừa chứng tỏ mình là người Việt Nam có giáo dục, có tư cách. Điều này sẽ chỉ làm người khác kính phục và tin tưởng mình thêm.

Ngữ vựng

tận dụng	to take advantage of	hỗn láo	insolent
cơ hội	opportunity	điều cấm kỵ	taboo
ý thức về	to be aware of	vòi vĩnh	to complain and
nhạc lý	music	insist on getting something	
bất kính	disrespectful	tự lập	independent

B. CẤU TRÚC CÂU ĐÀM THOẠI

1.

Tôi	tính	đi	mua	quạt máy	cho	bác Tân.
	phải		tìm	cái kìm		ba tôi.
	định		hỏi	cách nuôi chim		bạn Tâm.
	muốn		mua	quà Giáng Sinh		em Hoa.

2.

Tôi	tính	đi	mua	cho	bác Tân	cái quạt máy.
	phải		tìm		ba tôi	cái kìm.
	định		hỏi		bạn Tâm	cách nuôi chim
	muốn		mua		em Hoa	quà Giáng Sinh

3.

Tôi	tính	gửi	một món quà	cho	chị Lisa.
	muốn	mua	ti vi mới		gia đình.
Anh	nhớ	trả	cuốn truyện này		thư viện.
Chị	định	nấu	cháo gà		em.

4.

Tôi		tính	gửi	cho	chị Lisa	một món quà
		muốn	mua		gia đình	ti vi mới
Anh		nhớ	trả		thư viện	cuốn truyện này.
Chị		định	nấu		em	cháo gà

C. HỌC VẦN

1. Vần “oam, oăm, oao, oap, oai, oay”

oàm	ngồm ngoàm		xồm xoàm		
oạm	ngoạm				
oăm	sâu hoắm				
oao	ngoao ngoao				
oáo	ngoáo ộp				
oai	choai	khoai	ngoai	thoai	
oái	đoái	khoái	ngoái	toái	thoái
oài	đoài	hoài	loài	ngoài	xoài
oải	thoải	xoải			
oại	hoại	loại	ngoại	toại	thoại
oay	hoay	loay	xoay		
oáy	khoáy	toáy	xoáy		

2. Tập đặt câu với những chữ mang vần “oam, oăm, oao, oap, oai, oay”.

- a. Nó có tật ăn uống ngồm **ngoàm** như chết đói ấy!
- b. Ông già có râu ria xồm **xoàm** đó là người thích cuộc sống tự do mà tôi muốn nói.
- c. Con chó tham ăn vừa **ngoạm** một miếng đùi gà chạy đi rồi.
- d. Nhịn ăn như cô Thanh không thấy đẹp ở đâu mà chỉ thấy thân hình gầy ốm và đôi mắt sâu **hoắm**.
- e. Tiếng kêu của con mèo thường được diễn tả là **ngoao ngoao** hay meo meo.
- f. Mấy đứa cỡ tuổi **choai choai** này thường hay cãi bướng và cứng đầu lắm đấy.
- g. Nói thật, tôi chưa từng thấy ai nấu món canh **khoai** mỡ ngon như chị nấu.
- h. Những ngọn đồi **thoai thoai** với lác đác những cây sồi là biểu tượng của phong cảnh California.
- i. Năm **ngoái** tôi đã không có thời gian đi du lịch vì quá bận với công việc.
- j. Nuôi chó sẽ phiền **toái** lắm đấy vì phải chăm sóc nó và nhất là mỗi khi đi chơi xa phải kiểm chỗ gửi.
- k. Tui nói **hoài** mà nó không nghe, vẫn tính ngang bướng để tới bây giờ bị đuối việc.
- l. Nhớ mặc áo ấm cho em bé khi ra **ngoài** chơi vì trời hôm nay đang đổ lạnh.
- m. Cuối tuần này trời sẽ nắng ấm nên mình muốn mời các bạn đi dạo lên núi chơi cho **thoải** mái.

- n. Tôi thích nhất là táo nhât vì không có **loại** táo nào ngọt và thơm hơn nó.
- o. Tôi không thể tới đón anh được **ngoại** trừ xe của tôi được sửa xong đúng ngày.
- p. Tôi dùng cái điện **thoại** thông minh này 5 năm rồi nhưng vẫn còn tốt lắm.
- q. Cả buổi sáng tôi chỉ **loay hoay** mấy chuyện lật vật trong nhà và chưa đi đến đâu.
- r. Hãy **xoay** cái loa đó về hướng bên trái để những người bên kia nghe rõ hơn.
- s. Năm nay Ông Trời mang tai ương tới khắp nơi trên thế giới; nơi thì mưa bão, nơi thì lốc **xoáy**, nơi thì ngập lụt.

Ngữ vựng

tật	habit	biểu tượng	symbol
ăn uống ngồm ngoàm	eating with	du lịch	travel
lots of food in the mouth		phiền toái	annoying
râu ria xồm xòa	bearded	đổ lạnh	to become cold
ngoạm	to bite	điện thoại thông minh	smart
sâu hoắm	very deep	phone	
diễn tả	to describe	loay hoay	to be busy
choai choai	teenage	xoay	to turn
thoai thoải	slopy	tai ương	disaster
lác đác	sporadically	lốc xoáy	tornado
cây sồi	oak tree		

D. BÀI TẬP ĐỌC

Cái Chén Gỗ

Một ông già ốm yếu phải dọn đến ở với con trai, con dâu, và cháu trai bốn tuổi. Ông đã yếu: hai tay run rẩy, mắt mờ và chân bước không vững. Cả gia đình thường ăn cơm chung với nhau mỗi ngày. Nhưng đôi tay run rẩy và mắt



kém của ông làm cho việc ăn uống khó 45auk. Những hạt cơm thường văng vãi rơi xuống sàn nhà. Khi ông với tay lấy ly sữa thì sữa đổ tung tóe ra bàn.

Người con trai và con dâu rất bức mình với cảnh/ tượng này. Người con trai nói với vợ, “Chúng ta phải làm một cái gì đó với ba. Anh không thể chịu nổi việc đổ sữa, ăn uống ngổn ngoàm, và thức ăn rơi ra nhà như vậy”. Sau đó, cặp vợ chồng đặt một cái bàn nhỏ khác trong góc phòng. Tại đây, ông nội ngồi ăn một mình, tách biệt với phần còn lại của gia đình trong các bữa cơm tối. Ông nội vẫn tiếp tục làm bể chén đĩa nên sau đó chén đĩa dành cho ông được thay thế bằng chén gỗ! Khi ngồi ăn một mình, thỉnh thoảng ông tủi thân nhỏ những giọt nước mắt. Tuy nhiên, hai vợ chồng người con trai chẳng để tâm, và vẫn la rầy khi ông đánh rơi đĩa hay làm đổ thức ăn.

Thằng bé bốn tuổi luôn quan sát mọi sự trong im lặng.

Vào một buổi tối nọ trước bữa ăn, người cha thấy đứa con đang chơi với mấy miếng gỗ vụn trên sàn nhà. Anh ta dịu dàng hỏi đứa bé, “Con đang làm gì đấy?” Cậu bé cũng nhẹ nhàng trả lời: “Ồ, con đang làm một cái chén nhỏ cho ba và mẹ để ba mẹ ăn khi về già.” Rồi cậu bé vui cười tiếp tục công việc.

Những lời nói đó làm cho cặp vợ chồng ngỡ ngàng không nói nên lời. Họ liền cảm thấy hối hận vì những hành động họ đã làm đối với ông nội.

Ngay buổi tối hôm đó, người chồng cầm lấy tay ông nội và cẩn thận đưa ông trở lại bàn ăn chung. Từ đó, ông không còn phải ngồi ăn riêng nữa, và vợ chồng người con trai dường như không còn quan tâm đến chuyện đùa rởi, sữa đổ hay cơm rớt ra nhà nữa.

Bài học luân lý: Gieo nhân nào gặt quả nấy. Bất kể tình cảnh giữa bạn và cha mẹ thế nào, bạn sẽ buồn nhớ khi họ lìa khỏi cõi đời. Vậy hãy luôn kính trọng, quan tâm và yêu mến cha mẹ bạn.

Giải thích chữ khó:

gỗ: *wood*; ốm yếu: *frail*; con dâu: *daughter-in-law*; cháu trai: *grandson*; run rẩy: *trembling*; văng vãi: *to fall out*; với tay: *to reach out by hand*; tung tóe: *all over*; cảnh tượng: *spectacle, situation*; ăn uống ngồm ngoàm: *to eat noisily*; tách biệt: *to separate*; tủi thân: *to feel sad for oneself*; nhỏ: *to drop*; để tâm: *to take notice, concern*; quan sát: *to watch, observe*; sự im lặng: *silence*; gỗ vụn: *wood scrap*; tiếp tục: *to continue*; công việc: *work, job*; ngỡ ngàng: *shocked*; hối hận: *to regret*; hành động: *action*; bất kể: *regardless*; tình cảnh: *situation*

Đ. Trả lời câu hỏi

(1) Ông già ốm yếu có những tật gì?

(2) Khi ăn cơm, ông già thường gây ra những chuyện gì?

(3) Vợ chồng người con làm gì khi thấy khó chịu với ông già?

(4) Sau khi ông nội vẫn làm bể chén đĩa thì người con trai cho ông ăn cơm với chén gì?

(5) Đứa bé 4 tuổi làm gì với những miếng gỗ?

(6) Người con trai làm gì sau khi nghe những lời nói của con trai nhỏ của mình?

E. BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi một cách đầy đủ

a) Trong trường hợp của em, để thực hành hiếu thảo với cha mẹ, em nên làm những gì?

b) Tại sao thực hành hiếu thảo cũng đem lại lợi ích cho mình? Lợi ích gì?

c) Có câu nói “Đạo Hiếu cũng là đạo làm người”, em hiểu thế nào về câu nói này?

2. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

a) Tôi tính đi _____

b) Tôi muốn đi _____

c) Tôi định đi _____

d) Tôi muốn mua _____

d) Tôi tính gửi _____

e) Tôi định nhờ _____

3. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(ngồi ngoài) _____

(ngoại) _____

(khai lòng) _____

(năm ngoài) _____

(thoải mái) _____

(ngoại trừ) _____

(điện thoại) _____

4. Tập đọc

Tập đọc bài “Cái Chén Gỗ” với sự trôi chảy và tốc độ nhanh.

Ghi chú:

1. Để có thể tiến bộ trong khả năng đọc, học sinh phải đọc từng câu cho tới khi quen lười rồi mới tiếp tục đọc câu sau. Cuối cùng phải đọc lại toàn bài vào lần cho thành thuộc.

2. Hai vấn đề khó của tập đọc là nhận diện chữ để phát âm cho đúng và uồn lười cho kịp nhanh. Một người không quen nói tiếng Việt thường bị khựng lại với những vần khó và sự lên xuống của các dấu.

5. Viết chính tả bài “Cái Chén Gỗ”.

Ghi chú: Có thể lấy ra một phần của bài để viết.

BÀI ĐỌC THÊM

Đạo Hiếu

Tột cùng sự Thiện không gì bằng có hiếu, tột cùng sự Ác không gì bằng bất hiếu. Đó là đạo làm người. Dù là người sống tu trì hay cuộc sống đời thường, từ kẻ cùng đinh trong xã hội tới người có quyền lực cao nhất, trước tiên người ta phải “làm người”, tức là có Đạo Làm Người. Không giữ Đạo Làm Người thì kẻ đó phải bị nguyên rửa.

Kinh thánh dạy: “Mỗi người phải kính sợ cha mẹ” (Lv 19:3), “Bất cứ người nào nguyên rửa cha mẹ, thì phải bị xử tử. Nó đã nguyên rửa cha mẹ, thì máu nó đổ xuống đầu nó” (Lv 20:9), và “Đáng nguyên rửa thay kẻ khinh khi cha mẹ!” (Đn 27:16). Với người Công Giáo, nhà có người qua đời được

gọi là “Nhà Hiếu”. Chắc hẳn không phải ngẫu nhiên mà tiền nhân đã dùng hai chữ đó! Và Hiếu cũng là một đạo: Đạo Hiếu. Đạo là đường ngay nẻo chính mà ai cũng phải bước theo suốt đời!

Có một câu chuyện thật thương tâm về tình mẫu tử.

Bà cụ năm nay đã 81 tuổi, ở Hà Nội. Chồng bà đã mất lâu. Bà một mình nuôi 3 đứa con: Đứa con trai lớn là con nuôi, 53 tuổi; đứa con thứ hai 45 tuổi; và đứa con gái thứ ba 42 tuổi. Các con bà đã có gia đình riêng. Đứa con nuôi và cô con gái út không có vấn đề gì. Đứa con trai 45 tuổi do bà đẻ ra lại có vấn đề nghiêm trọng. 19 năm anh ta lấy vợ thì bà ăn riêng 18 năm, dù ở chung nhà. Vì tuổi cao sức yếu, nay ốm mai đau, bà mới ăn chung và lệ thuộc vào vợ chồng anh ta khoảng một năm nay. Khi bà nằm bệnh viện, anh ta thường xuyên vào thăm và rỉ tai khiến bà ký giấy cho xong, vì bà quá mệt mỏi cả tinh thần lẫn thể xác. Thế là anh ta tráo trở, sang tên nhà và tách hộ khẩu, đất đai do anh ta đứng tên. Anh ta đã lừa chính mẹ ruột mình! Chuyện không chỉ vậy. Hàng ngày, anh ta luôn “kiểm chuyện” la hét bà, mọi thứ đều đổ lỗi cho bà, thậm chí là đánh đập bà như cơm bữa mà không hề thương tiếc. Cô con dâu là giáo viên cấp I, đã không can ngăn chồng làm ác mà còn “đổ dầu vào lửa”. Cô ta cũng kiểm chuyện “đá thúng đụng nia, đá mèo khoèo rế”, vào hùa với chồng để hành hạ mẹ. Cứ đến bữa cơm thì cô ta lại la rầy đứa con: “Già rồi còn ngu”. Mới đây, không biết cô con dâu giáo viên “to nhỏ” với chồng thế nào mà anh ta tức tốc về nhà tát bà cụ mấy cái, rồi đuổi bà cụ ra khỏi nhà.

Cô con gái út nhiều lần khuyên can anh nhưng vô ích. Anh ta còn dõng dạc tuyên bố: “Quyền ở tay ông, lời thôi ông đuổi khỏi nhà. Có tiền không chịu bỏ ra, chết ông bỏ thối”. Nghe những lời anh ta nói mà “nổi da gà” và “rợn tóc gáy”. Vì tham lam mà anh ta bất chấp đạo lý làm người, đạo

làm con với mẹ mình! Thật vậy, lòng tham không có đáy, “dù đá có biến thành vàng thì lòng người vẫn không thỏa mãn” (Ngạn ngữ Trung Hoa).

Người ta có thể chọn nhiều thứ nhưng không thể chọn cha mẹ, dù cha mẹ có thể nào thì vẫn là người sinh thành và dưỡng dục, dù con có lớn mấy (thành cha mẹ, thành ông bà) thì cũng vẫn là con của cha mẹ mình. Công lao sinh dưỡng lớn lao lắm:

Công cha nặng lắm, ai ơi!

Nghĩa mẹ bằng Trời chín tháng cưu mang

Người ta có thể tìm lại được nhiều thứ đã mất, nhưng không bao giờ tìm lại được cha mẹ đã mất. Khi các ngài qua đi, không còn trên cõi đời này, chúng ta sẽ cảm thấy hụt hẫng, trống vắng, để rồi...

Chiều chiều ngó ngược ngó xuôi

Ngó không thấy mẹ, bùi ngùi nhớ thương!

(Bài của tác giả Trầm Thiên Thu, trích từ trang điện tử Vietcatholic.net và đã được rút ngắn gọn lại)

Ngữ vựng

thiện	good	hộ khẩu	household list
tu trì	to study to be a priest	tách hộ khẩu	take name out of
kẻ cùng đinh	the poor	a household list	
quyền lực	power	đá thúng đựng nia	to get
nguyền rủa	to curse	angry	
xử tử	to execute	nia	big flat bamboo basket
ng nghiêm trọng	serious	dõng dạc	loudly

BÀI 4 – LESSON 4

TINH THẦN TRÁCH NHIỆM

Responsibility



A. TỔNG QUÁT VỀ TINH THẦN TRÁCH NHIỆM

1. Ý nghĩa của trách nhiệm

a. Trách nhiệm là gì?

Trách nhiệm là bổn phận phải hoàn tất một công việc gì.

b. Sự quan trọng của tinh thần trách nhiệm

Tinh thần trách nhiệm là một trong những ý thức căn bản để tạo nên một xã hội hài hòa. Người dân tuân theo luật pháp hay thể hiện lòng yêu nước không phải do sự bắt buộc hay hình phạt của luật pháp mà chính do ý thức về bổn phận của mỗi cá nhân đối với xã hội. Hành động xếp hàng mua

đồ là ý thức về giữ gìn trật tự và tôn trọng người khác. Nhặt một cọng rác bên đường là ý thức về vệ sinh công cộng và môi trường. Vì thế, tinh thần trách nhiệm là bài học rất quan trọng và cần phải dạy cho mọi người từ thuở nhỏ.

c. Trách nhiệm của một người trẻ:

- Ở trường học, phải nghiêm chỉnh tuân theo kỷ luật nhà trường, vì kỷ luật nhà trường cũng nhằm mục tiêu giáo dục, để tạo nên một con người tương lai biết tôn trọng luật pháp.
- Phải kính trọng và nghe lời dạy bảo của thầy cô giáo. Thầy cô giáo là những người mang hết tâm huyết ra để truyền lại cho học sinh kiến thức cũng như những kinh nghiệm cuộc đời, với ước mong mọi học sinh được thành đạt và trở nên người tốt. Một người không kính trọng và nghe lời thầy cô thì người đó sẽ chẳng thể thành công trên đường đời.
- Ở nhà phải vâng lời cha mẹ trong vai trò của một người con hiếu thảo. Một người tốt thường bắt đầu từ một đứa trẻ biết vâng lời cha mẹ.
- Đối với bản thân phải chăm lo giữ gìn sức khỏe, rèn luyện những tính tốt và sửa đổi những tính xấu. Trách nhiệm với bản thân là một phần của việc tu thân, tức tự luyện chính mình. Muốn thành đạt trên đường đời thì phải nâng cao những ưu điểm và loại trừ bớt những khuyết điểm của cá tính. Một người không thể thắng chính bản thân mình thì không thể thắng bất cứ ai hoặc công việc nào. Một khi có thể thắng chính mình thì làm việc gì cũng có thể thành công.
- Đối với bạn bè thì quan trọng nhất là phải có chữ tín. Trong việc giao kết với những bạn bè, chữ tín là điểm khởi đầu. Nếu ta không có chữ tín thì cuối cùng sẽ chỉ gặp những bạn xấu, vì chẳng có người tốt nào muốn kết thân với kẻ bội tín cả.

Kết luận:

Tinh thần trách nhiệm là một đức tính không thể thiếu của một người tốt. Việc tạo cho mình ý thức trách nhiệm về mọi vấn đề trong cuộc sống không phải là chuyện dễ. Vì thế, việc học hỏi và tập luyện tinh thần trách nhiệm không chỉ giới hạn trong thời gian còn ở trường học mà còn phải mang theo mình suốt đời. Vì tinh thần trách nhiệm cần phải trở thành một bản tính cho một người.

2. Trách nhiệm của người con trong gia đình

Một người con có trách nhiệm là người con phải biết chia sẻ gánh nặng gia đình với cha mẹ. Cha mẹ cực khổ đi làm kiếm tiền để nuôi con cái ăn học. Để đáp lại, con cái phải có bốn phận:

- Tự chăm lo cho bản thân mình như tắm rửa sạch sẽ, đánh răng rửa mặt kỹ lưỡng. Về việc học, phải tự biết trách nhiệm trong việc học bài, làm bài tập mà không cần phải có sự nhắc nhở của cha mẹ. Phải tự biết không nên lãng phí thời gian mà dùng thời gian của mình một cách hiệu quả, bằng việc tìm tòi và học hỏi không ngừng.
- Phụ giúp cha mẹ làm những công việc trong nhà như nấu cơm, rửa chén, giặt giũ quần áo hay làm vườn. Làm những việc này cũng là cách để học hỏi những công việc cần bản mà một ngày nào đó khi đi học xa nhà sẽ phải tự làm.
- Phụ giúp cha mẹ dạy dỗ, coi sóc các em nhỏ. Anh chị lớn thì phải làm gương và đôi khi thay mặt cha mẹ dạy dỗ các em.

3. Mẫu đối thoại về tinh thần trách nhiệm

Lân và Tính bàn thảo về bốn phận và trách nhiệm.

- Lân Chào anh Lân. Hôm nay mình học về “Tinh thần trách nhiệm” và tôi chỉ mới hiểu sơ sơ. Hình như là trách nhiệm trong bài học bao gồm cả bốn phần, chứ không chỉ là phải hoàn tất công việc được trao phó.
- Tính Tôi cũng nghĩ như anh. Có vẻ như đối với người Việt Nam, chữ trách nhiệm mang nhiều ý nghĩa hơn là “responsibility” của tiếng Anh. Người Mỹ dùng chữ “trách nhiệm” ở thể thụ động, tức là cá nhân được giao cho công việc nào đó và phải có bốn phần chu toàn. Còn người Việt dùng chữ “trách nhiệm” ở thể chủ động, tức một người không những phải hoàn thành những công việc được trao phó mà còn phải sống sao cho xứng đáng với vai trò mà công việc đem tới.
- Lân Như được nói tới trong phần trách nhiệm của người con, người học sinh hay của một công dân phải không?
- Tính Đúng vậy. Khi đóng một vai trò nào đó trong xã hội, một người có tinh thần trách nhiệm là phải làm và sống xứng đáng với vai trò đó.

B. CẤU TRÚC CÂU ĐÀM THOẠI – Dialog patterns

1. “chuyên”

- Cái gì trong nhà chú Thu cũng biết sửa và đặc biệt chú rất **chuyên** về chuyện đồ xi măng.
- Anh hãy thử thử thuốc **chuyên** trị bệnh ho này xem có đỡ hơn không?
- Cô ấy học về kinh doanh và đi **chuyên** ngành tài chính với hy vọng sẽ dễ kiếm việc làm.
- Ngọc chỉ **chuyên** trêu chọc người khác, rồi có ngày sẽ bị đánh cho mà coi.
- Nếu không **chuyên** thì đừng nhúng tay vào kéo sẽ làm hư chuyện.

2. “miễn”

- Các bạn vui chơi thể nào cũng được, **miễn** là đừng để hư hại những đồ vật trong phòng này.
- Ông bà ấy nói sẽ vẫn làm việc để kiếm tiền gửi về Việt Nam cho người thân **miễn** là còn sức khỏe.
- Học sinh nào làm đầy đủ các bài tập về nhà sẽ được **miễn** khỏi phải học hè.
- Thời còn ở Việt Nam, chú Lai được **miễn** đi lính vì là con trai út trong gia đình.
- Số tiền này **miễn** tính nhé vì chẳng đáng bao nhiêu.

3. Hai tính từ đơn đi liền nhau, mang ý nghĩa giảm bớt cường độ của tính từ đó.

- Chúng ta hãy làm **nhANH NHANH** một chút vì cơn mưa có vẻ đang tới gần.
- Xin làm ơn đi **chẬM chẬM** một chút vì tôi đã mệt quá rồi.
- Đáng lẽ nghỉ hè là phải vui nhưng không hiểu tại sao tôi lại cảm thấy **buỒN buỒN**.
- Gặp các bạn tôi thấy **vui vui** sao ấy.
- Thật là cảnh tượng đẹp mắt với cánh cò trắng chơ vơ giữa cánh đồng **xanh xanh** một màu.

C. HỌC VẦN

1. Vần “oen, oeo, oet, uân, uâng, uôm”

oen	khoen	ngoen ngoẻn	xoẻn xoẻt

oeo	móc ngoéo		ngoẻo đầu	
oet	toe toét	lở loét	đục khoét	lòe loẹt

uân	huân	luân	quân	tuân	Xuân
uần	huần	quần	tuần		
uân	quần	tuần	thuần		
uẩn	chuẩn	quẩn	xuẩn		
uấn	quấn	tuấn	thuấn		
uận	luận	nhuận	quận	thuận	
uâng	bâng khuâng				
uồm	nhuồm				
uồm	buồm				
uộm	nhuộm	luộm thuộm			

2. Tập đặt câu với những chữ mang vần “oen, oeo, oet, uân, uâng, uôm”.

- Tôi mua chiếc **khoen** chìa khóa này nhân dịp qua New Orleans chơi năm ngoái.
- Miếng nó **ngoen ngoén** thế kia thì ai mà cãi cho lại.
- Ông ngoại mài dao nghe **xoèn xoẹt** thấy muốn nổi da gà.
- Nhớ hồi nhỏ bạn bè hay **móc ngoéo** thế giữ bí mật một chuyện gì đó.
- Họ đang **ngoẻo đầu** ngủ mê mịch trên ghế xô pha.

- f) Các anh có gì vui mà cười **toe toét** thế?
- g) Vết thương bị trầy trụa thế này mà nếu không được bôi thuốc và băng kỹ lại thì sẽ rất dễ bị **lở loét**.
- h) Những lỗ hổng mà anh thấy ở chân tường là do chuột **đục khoét** đấy.
- i) Người ta chỉ mặc những loại màu **lòe loẹt** như thế này vào dịp Tết.
- j) Bác Bảo thường đem những **huân chương** mà bác có được từ thời đi lính ra khoe với mọi người.
- k) Lâm phải **tuân lệnh** chị Mai không được thức khuya quá 10 giờ đêm.
- l) Ở dưới khu Little Saigon có tới mấy trường **huấn luyện** về nghề móng tay.
- m) Đám trẻ **quần quýt** bên ông hồ để xem ông làm trò và không màng tới cha mẹ chúng.
- n) Hạnh thường đi quyên góp **quần áo** cũ của bạn bè để cho các cơ quan từ thiện.
- o) Các động tác đô ga (yoga) này chỉ cần tập vài lần là **thuần thục**.
- p) Chúng ta chỉ đi chơi có vài ngày nên không cần **chuẩn bị** kỹ lưỡng lắm.
- q) Tôi dự tính thực hiện vài chuyến đi xa mùa hè này nhưng cứ **luẩn quẩn** chuyện sửa nhà nên chưa đi đâu được.
- r) Tôi nghe nói gia đình bác Vinh ở Việt Nam sau năm 1975 rất **túng quẩn** phải không?
- s) Các bạn nhớ vỗ tay **hậu thuẫn** khi tôi lên phát biểu ý kiến nhé!
- t) Nhớ hồi xưa đi học tôi rất sợ viết **luận văn** và luôn đứng hạng bét về môn này.
- u) Sống **hòa thuận** giữa anh chị em hay bạn bè với nhau rất khó nhưng phải luôn luôn cố gắng để giữ sự đoàn kết.
- v) Tôi cảm thấy **bâng khuâng** một cách kỳ lạ như không muốn chia tay với các bạn.

- w) Chú Thu mới khoảng 40 tuổi mà tóc đã **nhuộm màu** hoa râm.
x) Cô Mai không còn trẻ mà vẫn cứ thích **nhuộm tóc** nay màu này mai màu kia như những đứa học sinh.
y) Không mấy khi thấy quần áo của nó không **luộm thuộm**.

Ngữ vựng:

khoen: *ring*; nhân dịp: *on occasion*; ngoen ngoén: *talk a lot*; ngoẻo đầu: *turn head to one side*; cười toe toét: *to laugh with mouth wide opened*; trầy trụa: *scratched*; lở loét: *infected, sore*; huân chương: *medal*; tuân lệnh: *to follow order*; huấn luyện: *to train*; quần quýt: *to be around*; quỳên góp: *to ask for donation, to collect*; cơ quan từ thiện: *charity*; thuần thực: *well practiced*; thực hiện: *to do, perform*; luẩn quẩn: *to get stuck*; túng quẫn: *hardship, needy*; hậu thuẫn: *to support*; phát biểu: *to say, to announce*; hòa thuận: *getting along with each other*; băng khuâng: *the state of mind about missing something*; nhuộm màu: *to catch the color of*

D. BÀI TẬP ĐỌC

Người Nông Dân Lười Biếng

Thần Mưa đã mỉm cười suốt đêm qua, làm cho đường sá, tất cả đều lầy lội và các ổ gà ngập đầy nước. Hôm nay là ngày họp chợ,



nông dân Raju cưỡi xe ngựa đầy rơm nặng trĩu trên đường ra chợ. Ông phải tới chợ sớm để bán hết số rơm. Tuy nhiên, đường lầy lội đã làm con ngựa phải rất cực nhọc để kéo chiếc xe. Trên đường đi, bỗng nhiên một bánh xe ngựa bị lết hố.

Con ngựa càng cố gắng kéo xe ra khỏi hố thì bánh xe càng bị lún sâu hơn. Raju leo xuống xe ngựa để xem. Ông đi tìm người chung quanh tới giúp kéo chiếc xe lên khỏi vũng bùn nhưng chẳng thấy ai. Ông cho rằng mình bị xui và tỏ ra thất vọng. Ông không muốn làm gì cả, ngay cả một hành động nhỏ như cúi người xuống kéo bánh xe lên. Thay vào đó, ông than trách số phận kém may mắn của mình. Sau đó ông nhìn lên trời và hét lên, “Tôi thật kém may mắn! Tại sao chuyện này xảy ra với tôi? Ôi Ông Trời ơi, xin hãy xuống đây giúp tôi”.

Một lúc sau, Ông Trời hiện ra với Raju. Ông hỏi Raju, “Người có nghĩ rằng có thể di chuyển chiếc xe ngựa chỉ bằng cách nhìn nó và than phiền không? Không ai giúp người nếu người không bỏ ra một chút công sức để tự giúp mình. Người đã tự mình tìm cách kéo chiếc xe ra khỏi ổ gà chưa? Bây giờ hãy đứng dậy, dùng vai đẩy bánh xe tới trước và người sẽ sớm thấy kết quả”.

Raju cảm thấy xấu hổ về mình. Ông ta bèn cúi xuống, đặt vai vào bánh xe và thúc ngựa kéo về phía trước. Ngay lập tức, bánh xe ngựa lăn ra khỏi vũng lầy. Raju đã học được bài học. Ông cảm ơn Trời và tiếp tục lên đường trong tinh thần phấn khởi và vui vẻ.

Bài học luân lý: *Trời chỉ giúp những người biết tự giúp mình.*

Giải thích chữ khó:

lầy lội: *muddy*; ổ gà: *pothole*; rảo: *to walk about*; xui: *bad luck*; than trách: *to curse*; số phận: *fate*; than phiền: *to complain*; công sức: *effort*; xấu hổ: *to be ashamed of*; thúc: *to urge*; phấn khởi: *energetic*

Đ. TRẢ LỜI CÂU HỎI

(1) Trời mưa làm cho đường xá thế nào?

(2) Nông dân Raju đem gì ra chợ bán?

(3) Trên đường đi, xe ngựa bị tai nạn gì? (*tai nạn: accident*)

(4) Raju nghĩ gì về tai nạn?

(5) Raju than phiền thế nào?

(6) Ông Trời hiện ra nói Raju phải làm gì?

(7) Raju làm gì sau khi nghe Ông Trời nói?

(8) Bài học luân lý của câu chuyện là gì?

E. BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi một cách đầy đủ

(xem phần A)

a) Tại sao chúng ta nên xếp hàng khi mua đồ hay giữ gìn vệ sinh công cộng?

b) Tuân theo kỷ luật nhà trường giúp ta điều gì?

c) Kính trọng thầy cô giáo giúp gì cho ta?

d) Hãy cho biết hai trách nhiệm của bản thân mà mình cần phải có? Giải thích lý do tại sao phải cần.

e) Cho biết lý do tại sao bốn phận làm con là phải chia sẻ công việc trong gia đình với cha mẹ? Hãy đưa ra 3 việc nên chia sẻ với gia đình.

2. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần B)

(chuyên) _____

(chuyên) _____

(miễn) _____

(miễn) _____

(lớn lớn) _____

(mờ mờ) _____

3. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần C)

(khoen chìa khóa) _____

(cười toe toét) _____

(lòe loẹt) _____

(mùa xuân) _____

(tuần tú) _____

(chuẩn bị) _____

(hòa thuận) _____

(nhuộm tóc) _____

4. Tập đọc

Tập đọc bài “Người Nông Dân Lười Biếng” với sự trôi chảy và tốc độ nhanh.

Ghi chú:

1. Để có thể tiến bộ trong khả năng đọc, học sinh phải đọc từng câu cho tới khi quen lười rồi mới tiếp tục đọc câu sau. Cuối cùng phải đọc lại toàn bài vào lần cho thành thuộc.

2. Hai vấn đề khó của tập đọc là nhận diện chữ để phát âm cho đúng và uốn lười cho kịp nhanh. Một người không quen nói tiếng Việt thường bị khựng lại với những vần khó và sự lên xuống của các dấu.

5. Viết chính tả bài “Người Nông Dân Lười Biếng”.

Ghi chú: Có thể lấy ra một phần của bài để viết.

BÀI ĐỌC THÊM

Tinh thần trách nhiệm

Tinh thần trách nhiệm là gì?

Tinh thần trách nhiệm là ý thức về những việc cần phải làm và sẵn sàng chấp nhận hậu quả từ những việc làm đó. Thí dụ: Khi đi học đúng giờ là một trách nhiệm, thì trách nhiệm này là phải tới trường đúng giờ mỗi ngày. Một thí dụ nữa, thầy giáo yêu cầu ta phải làm bài tập và nộp bài đúng hạn.

Vì thế trách nhiệm của ta là phải làm bài đầy đủ và nộp bài đúng hạn. Trách nhiệm còn có nghĩa là ta nên hành động như được mong đợi. Chẳng hạn, khi ta vào một thư viện, ta không nên nói chuyện ồn ào hay gây tiếng động lớn làm phiền hà những người chung quanh.

Hậu quả là gì?

Hậu quả là kết quả từ hành động của mình. Hậu quả có thể là tốt hay xấu. Như việc, nếu chúng ta chịu khó học hành ngày hôm nay thì cuộc sống tương lai của chúng ta sẽ tươi sáng hơn, và ngược lại.

Tại sao phải có tinh thần trách nhiệm?

Khi chúng ta có tinh thần trách nhiệm, chúng ta sẽ gặt hái những thành quả tốt. Nếu chúng ta không có tinh thần trách nhiệm, chúng ta sẽ mang lại những hậu quả xấu cho chính mình. Ngoài ra, có tinh thần trách nhiệm cũng sẽ chiếm được sự tin tưởng của người khác, đóng góp cho sự thăng tiến bản thân trên đường sự nghiệp.

Thí dụ về trách nhiệm và hậu quả:

Thí dụ một: hút bụi phòng ngủ của mình mỗi ngày

Hút bụi mỗi ngày sẽ giúp phòng ngủ được sạch sẽ và phòng ngừa bệnh tật. Thứ hai, khi thấy bạn hút bụi phòng ngủ đều đặn mỗi ngày, cha mẹ sẽ tin tưởng và sẽ cho phép bạn có tự do hơn trong việc sắp xếp thời giờ của mình.

Ngược lại khi không chịu hút bụi phòng ngủ thì chính bạn sẽ phải ở chung với dơ bẩn và bạn có thể dễ bị bệnh. Thứ hai, cha mẹ bạn sẽ cho rằng bạn thiếu ý thức, hay trốn tránh trách nhiệm nên sẽ canh chừng bạn trong mọi sinh hoạt hàng ngày.

Thí dụ thứ hai: qua nhà bạn và về nhà đúng giờ

Khi có công việc đi qua nhà bạn và trở về nhà đúng giờ như đã hứa với cha mẹ, bạn sẽ được cha mẹ tin tưởng và sẽ dễ dàng chấp thuận cho bạn đi qua nhà bạn lần kế tiếp.

Ngược lại, nếu bạn về tới nhà trễ hơn giờ đã hứa, bạn làm cho cha mẹ lo lắng và mất tin tưởng nơi bạn. Lần sau, khi bạn xin phép đi sang nhà bạn thì chắc chắn sẽ khó khăn hơn.

Thí dụ thứ ba: giữ vệ sinh nơi công cộng

Giữ vệ sinh, không xả rác nơi công cộng sẽ giúp cho những nơi mình sinh hoạt được sạch sẽ, không bị hư hao, giúp giữ gìn phòng ốc để người khác cũng có chỗ sinh hoạt. Mặt khác, chúng ta sẽ có được sự tôn trọng của người khác khi họ nhìn thấy hành vi tốt của mình.

Ngược lại, việc xả rác bừa bãi nơi công cộng sẽ làm cho nơi sinh hoạt chung của chúng ta dơ bẩn và chính mình cũng bị ảnh hưởng bởi sự dơ bẩn đó. Việc không góp phần bảo trì nơi sinh hoạt chung này cũng là tự cắt đứt một phương tiện chung cho mình và người khác. Mặt khác, hành vi không giữ vệ sinh cũng gián tiếp trưng bày ra cho người khác tư cách thấp kém của mình và sẽ bị khinh chê.

Ngữ vựng

trình thần trách nhiệm	responsibility	trốn tránh	to hide from
ý thức	consciousness	canh chừng	to watch
hậu quả	consequence	chấp thuận	to approve
làm phiền hà	to bother	giữ vệ sinh	to keep clean, neat
gặt hái	to harvest	công cộng	public
sự thăng tiến	advancement	phương tiện	mean
chiếm	to acquire	tư cách	personality
phòng ngừa	to prevent		

BÀI 5 – LESSON 5

LÒNG BIẾT ƠN Gratitude



A. TỔNG QUÁT VỀ LÒNG BIẾT ƠN

1. Ý nghĩa của sự biết ơn

a. Lòng biết ơn là gì?

Lòng biết ơn là sự nhận biết và ghi nhớ những điều tốt mà người khác đem đến cho mình. Biết ơn không chỉ là lời cảm ơn ngoài cửa miệng một cách máy móc mà phải in đậm trong tư tưởng và hành vi.

b. Tại sao nên có lòng biết ơn?

- Có lòng biết ơn để tự rèn luyện bản thân: khi ta nhìn tất cả những gì mình có được đều phải có nguồn gốc, tức là chúng đến với ta từ bên ngoài chứ không phải tự nhiên mà có. Từ đó ta nhận thức được khả

năng hạn chế của mình mà bớt tính kiêu căng và sống với phong cách khiêm nhường hơn.

- Có lòng biết ơn giúp ta sống hòa đồng với mọi người chung quanh:
Lòng biết ơn mang tới sự ứng xử tử tế và dễ cảm thông với những khuyết điểm của người khác. Vì khi có lòng biết ơn, ta sẽ nghĩ rằng sở dĩ mình không có hay ít khuyết điểm cũng là do người khác chỉ bảo cho mình những sai lầm trước đây. Lòng biết ơn còn giảm thiểu cảm giác ganh ghét, tự hiềm với người giỏi hơn mình; do ý thức mình không phải giỏi nhất nên sẽ dễ dàng có thái độ học hỏi khi gặp người giỏi hơn.
- Lòng biết ơn giúp ta dễ thành công trên đường đời: Người có lòng biết ơn là người hiểu rõ tiềm năng và khuyết điểm của mình, vì thế có con mắt khách quan trước các vấn đề. Từ đó họ sẽ có những quyết định sáng suốt và sẽ dễ dẫn đến thành công.
- Người có lòng biết ơn sẽ cảm thấy hài lòng với những gì mình có. Ngày nay, tình trạng trẻ em được chăm sóc một cách đầy đủ thường gây nên cho đứa trẻ tâm lý “có đặc quyền”, như có quyền có đồ chơi, có quyền ăn bất cứ món ăn gì. Những đứa trẻ này không hề quan tâm đến những món đồ đang có là từ đâu đến hay ai cho. Vì thế hậu quả từ tâm lý này nảy ra tính vơ vẩn và ỷ lại. Một đứa trẻ có kiểu tính khí này sẽ không thể thành công trên đường đời được. Nếu được tập luyện về lòng biết ơn, trẻ em sẽ hiểu được sự phụ thuộc lẫn nhau giữa người với người. Từ đó trẻ em sẽ biết tôn trọng những người chung quanh.
- Lòng biết ơn giúp thăng tiến các mối quan hệ. Khi mình nhớ ơn người khác làm cho mình thì mình sẽ được tiếp tục giúp đỡ và được yêu mến. Không ai muốn giúp đỡ hay yêu mến kẻ vô ơn cả.
- Canh chừng tính ích kỷ của mình để giảm bớt cường độ mỗi ngày.

Kết luận: Lòng biết ơn chính là chìa khóa giúp ta trở thành người tốt và thành công trên đường đời.

2. Thực tập lòng biết ơn

- a.** Nói lời cảm ơn: hãy cố gắng nói lời cảm ơn trong mọi trường hợp, cho dù với chỉ một hành động làm ơn nhỏ nhất hay chỉ là vô tình của người khác. Nói lời cảm ơn còn là cơ hội thực hành tính khiêm nhường.
- b.** Tỏ lòng biết ơn không chỉ giới hạn trong lời nói mà còn phải kèm theo hành động, bằng cách cố gắng sống xứng đáng với những gì người khác mong mỏi nơi mình, hoặc noi gương người giúp đỡ mình để sau này chính mình cũng có thể giúp đỡ người khác như vậy.
- c.** Thực tập thói quen quan tâm đến người khác như: không xả rác để người khác phải đi nhặt; nên tập sống nhường nhịn, vì nếu mình không thể nhường nhịn thì sẽ chẳng làm ơn cho ai được; giúp đỡ người khác khi có thể.
- d.** Không bao giờ có thái độ vô ơn đối với người làm ơn cho mình. Tuy không bắt buộc phải trả lại ơn được giúp, nhưng người có lòng biết ơn không bao giờ bỏ qua cơ hội đền ơn.
- e.** Nhận biết và cảm ơn Thượng Đế với tất cả những gì mình đang có. Ý thức về thân phận yếu hèn của mình và nhận biết sự bao la, vô cùng của vũ trụ sẽ dẫn tới việc cảm nhận Thượng Đế. Đời sống tâm linh và lòng biết ơn đi liền với nhau.
- g.** Tập làm những công việc giúp đỡ người khác hay tham gia những công việc phục vụ trong cộng đồng. Khi tiếp xúc với sự đau khổ, ta sẽ dễ dàng nhận biết những đặc ân mình đang có để không xem thường chúng, như gia đình, sức khỏe, bạn bè.

Ngữ vựng

sự nhận biết	recognition	đặc quyền	privilege
ghi nhớ	to remember	quan tâm	to care
một cách máy móc	mechanically	vòi vĩnh	demanding
tư tưởng	thought	ỷ lại	to rely on others
hành vi	behavior	thăng tiến	to promote
đức tính	virtues	kẻ vô ơn	ungrateful
tạo	to create	lạc quan	optimism
cảm giác	feeling	đời sống tâm linh	spirituality
yêu đời	to enjoy life	đặc ân	favor
thái độ	attitude		

3. Mẫu đối thoại về lòng biết ơn

John và Peter nói chuyện về lòng biết ơn.

- John Chào Peter. Hôm nay mình học về lòng biết ơn thật là hay.
Càng nghĩ càng thấy đây là một đức hạnh mà mình cần phải tập.
- Peter Đúng vậy. Lòng biết ơn là đức tính căn bản mà mình đã được dạy từ nhỏ rồi chứ đâu phải tới bây giờ. Tôi nhớ mình đã học các câu tục ngữ như “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” hay “uống nước nhớ nguồn”.
- John Lòng hiếu thảo cũng là sự biết ơn đối với cha mẹ hay lòng yêu nước là sự biết ơn đất nước của mình hay những người đã góp phần tạo nên đất nước này.
- Peter Điều quan trọng là lòng biết ơn phải xuất phát từ đáy lòng chứ không phải chỉ là lời cảm ơn hay những cử chỉ đạo đức giả hay lịch sự bề ngoài.
- John Đồng ý với bạn một trăm phần trăm!

Ngữ vựng

ghi nhớ	remembrance	tiềm năng	potential
rèn luyện	to train	vô ơn	ungrateful
nhận thức	to realize	đền ơn	to repay
hạn chế	limited	đức hạnh	virtue
phong cách	way, attitude	xuất phát	to originate
khiêm nhường	humble	đạo đức giả	hypocrite
hòa đồng	in harmony		

B. CẤU TRÚC CÂU ĐÀM THOẠI

1. “thôi”

- **Thôi** chúng ta nghỉ tay ăn cơm.
- **Thôi** không chạy nữa, mệt quá rồi.
- **Thôi** bỏ qua đi, chuyện nhỏ mà!
- **Thôi** chết rồi, tôi bỏ quên điện thoại cầm tay ở tiệm ăn rồi.
- **Thôi** rồi, thế là mất toi 5 đồng. (do làm bể cái bình sành)

2. “cách”

- Đọc sách là **cách** giải trí của tôi.
- **Cách** trồng cây của bác hay thiệt!
- Tôi đã thử nhiều **cách** trồng cây hoa lan nhưng đều không thành công.
- Anh có **cách** nào mở con ốc bị kẹt cứng này không?
- Có **cách** nào giúp nó tìm ra chiếc ví bị mất không?

3. “cái”

- Anh nói **cái** gì?
- **Cái** anh này nói chuyện vô duyên.
- **Cái** cô này làm tôi bị dập tay nè!

- Nó mở miệng làm như **cái** gì cũng biết.
- **Cái** anh kia, tại sao còn đứng đó!

C. HỌC VẦN

1. Vần “uôi, uộc, uột, uôn, uông, uơ”

uôi	chuôi	đuôi	nuôi	ngươi	xuôi
uối	cuối	chuối	đuối	muối	nuối
uôi	ruôi				
uối	buối	đuối	ruối	tuối	
uôi	chuối	đuối	muối		
uội	cuội	muội	ngүй		

uộc	cuộc	đuộc	ruộc	thuộc	
uộc	buộc	cuộc	luộc	thuộc	
uột	buột	chuột	nuột	suột	vuột
uột	chuột	ruột	tuột	vuột	
uôn	buôn	khuôn	luôn	muôn	tuôn
uốn	cuốn	muốn			
uồn	buồn	chuồn	luồn	nguồn	
uộn	cuộn	muộn			
uông	buông	chuông	suông	tuông	vuông
uổng	cuổng	luổng	xuổng		
uồng	buồng	cuồng	luồng	ruồng	xuồng
uổng	thuổng	xuổng			

uống	muống				
uộng	chuộng	ruộng			
uơ	thuở				

2. Tập đặt câu với những chữ mang vần “oen, oeo, oet, uân, uâng, uôm”.

- a) Anh có biết ở đâu bán loại cá vàng có **đuôi** thật dài không?
- b) Những nhà ở khu vực này thường **nuôi** gà để ăn thịt và lấy trứng.
- c) Hồi lớp Tám, tôi học rất dở và thường xếp hạng gần **cuối** lớp.
- d) Khi nấu ăn phải rất cẩn thận với **muối** vì rất dễ lỡ tay làm món ăn trở nên quá mặn.
- e) Mùa hè sẽ có rất nhiều **ruồi** nên phải giữ gìn nhà cửa sạch sẽ.
- f) Ông ấy chỉ biết ngày hai **buổi**, sáng xách ô đi chiều xách ô về chứ chưa hề đi ra khỏi thành phố này.
- g) **Tuổi** các anh còn trẻ và con đường tương lai còn dài, đừng nôn nóng mà hãy đi từng bước một.
- h) Trong nhà có nhiều **muỗi** hay sao mà tôi bị đốt tới hai nhát tôi qua.
- i) Mỗi lần gặp mẹ tôi, không bao giờ bà cụ không nhắc nhở phải năng lần **chuối** Mân Côi.
- j) Xin mời mọi người ra dùng cơm kéo thức ăn bị **nguội** sẽ mất ngon.
- k) Mấy hôm nay sao tôi thấy thèm ăn cháo với **ruộc** quá.
- l) Tôi bị cúm nên phải nằm nhà uống **thuốc** và nghỉ ngơi vài ngày để mau khỏi bệnh.
- m) **Cuộc** đời lúc nào cũng có những khó khăn nhưng phải cố gắng vượt qua nếu muốn thành công.
- n) Tôi đã hát bài (hát) này nhiều lần nhưng vẫn không thể nào **thuộc** lời được.

- o) Trời lạnh **buốt** thế này mà ăn mặc phong phanh kiểu đó thì không bị cảm lạnh sao được.
- p) Đã học hành cực khổ **suốt** năm mà mùa hè không được nghỉ học đi chơi thì chắc sẽ điên mất.
- q) Họ là anh chị em **ruột** với nhau mà trông chẳng ai giống ai.
- r) Các chị không nên để **vuột** mắt cơ hội mua chiếc áo hiệu này vì đây là hàng hiếm.
- s) Đây là cái **khuôn** bánh chưng mà ông nội thường dùng để gói bánh chưng vào dịp Tết.
- t) Các cô thí sinh hoa hậu này, **muôn** người **muôn** vẻ khó mà đoán ai sẽ thắng.
- u) Đây là **cuốn** tiểu sử Abraham Lincoln mà tôi rất yêu thích và đã đọc nhiều lần.
- v) Tôi cảm thấy hơi **buồn** vì nghe tin bạn Thanh dọn nhà đi tiểu bang khác.
- w) Gia đình bác Tám chỉ có gian hàng bán quần áo cũ ở chợ trời làm **nguồn** sống duy nhất.
- x) Tôi cần đi Home Depot mua một **cuộn** dây để dùng cho chuyến đi cắm trại sắp tới.
- y) Bộ **chuông** của nhà thờ này chắc có lẽ phải nặng hơn một tấn.
- z) Hộp bánh hình **vuông** màu đỏ đó là loại bánh mà bà ngoại rất thích.
- aa) Ở đây người ta trồng dâu theo từng **luống** dài trông thật đẹp.
- bb) Hải phải nhốt con chó của anh trong **chuồng** mỗi khi có khách đến nhà vì sợ nó cắn bậy.



- cc) Bác Thọ có một bức hình về **xuồng** ba lá truyền thống ở miền Nam Việt Nam.
- dd) Các anh đừng **uổng** phí mà bỏ những thức ăn này đi vì tôi muốn xin lại để cho một người bạn nghèo.
- ee) Chúng tôi cần mua một ít **muỗng** nhựa cho buổi picnic tuần tới.
- ff) Đây là một trong những bản nhạc một thời được ưa **chuộng** trước năm 1975.
- gg) Từ **thưở** học trung học, tôi đã thích thú đọc những cuốn sách về triết lý và chính trị.

Ngữ vựng

cá vàng	goldfish	hiếm	scarce
lỡ tay	accidentally	khuôn	mold
ô	umbrella	muôn người	muôn vẻ every
nôn nóng	impatient	person has her own beauty	
năng	to do frequently	tiểu sử	autobiography
ruốc	shredded dry pork	nguồn	source
cúm	flu	luống (rau)	vegetable bed
ăn mặc phong phanh	to wear	xuồng	small boat
light clothes		truyền thống	traditional
để vuột mất	to slip away	uổng phí	to waste
cơ hội	opportunity	thích thú	to like
hiệu	brand name		

D. BÀI TẬP ĐỌC

Giúp Đỡ Người Khác

Ngày xưa, có một cậu bé tên là Shankar thuộc một gia đình nghèo khó. Một hôm, cậu đi ngang qua một khu rừng với một bó củi trên vai. Cậu

bỗng thấy một ông lão đang đói lả. Shankar muốn cho ông ta một ít đồ ăn, nhưng cậu không có. Cậu đành phải tiếp tục lên đường mà không giúp được gì cho ông lão. Đi được một quãng, cậu thấy một con nai đang khát nước. Cậu muốn cho nó một ít nước nhưng cậu cũng không có. Vì thế, cậu lại tiếp tục lên đường.



Một lát sau, cậu thấy một người đàn ông đang muốn đóng một túp lều nhưng ông ta không có gỗ. Shankar hỏi thăm ông ta và đưa cho ông ta ít củi của mình. Đổi lại, người đàn ông cho lại Shankar một ít thực phẩm và nước uống. Shankar liền quay trở lại đưa cho ông lão thức ăn và con nai nước uống. Ông lão và con nai rất vui mừng. Shankar cũng rất vui và sau đó quay trở lại con đường của mình.

Một ngày khác, trong lúc đi nhặt củi trong rừng thì Shankar bị vấp té lăn xuống sườn núi. Cậu ta bị thương không thể đứng dậy được và không thấy ai chung quanh để cầu cứu. Nhưng may mắn thay, ông lão mà cậu cho thức ăn hôm trước tình cờ đi ngang qua trông thấy cậu. Ông liền nhanh chân chạy đến kéo cậu ra khỏi hố sâu. Cậu bị nhiều vết thương ở chân. Con nai mà Shankar cho nước uống trước đây thấy cậu bị thương liền phóng vào rừng kiếm thảo dược mang lại. Sau một lúc vết thương của cậu bớt đau và lành dần. Shankar, ông lão và con nai đều vui vẻ vì có thể giúp đỡ lẫn nhau.

Bài học luân lý: Nếu ta giúp người khác thì sẽ được người khác giúp lại.

Giải thích chữ khó:

đói lả: *very hungry*; tiếp tục: *to continue*; quãng (đường): *a short distance*; vấp té: *to fall*; lăn: *to roll*; di động: *to move*; kêu cứu: *to call for help*; thảo mộc: *herb*

D. TRẢ LỜI CÂU HỎI

(1) Cậu bé Shankar gặp ai trước tiên ở trong rừng?

(2) Khi Shankar gặp con nai thì con nai đang thế nào?

(3) Người đàn ông mà Shankar gặp đang làm gì?

(4) Ông ta cho cậu gì khi cậu đưa cho ông ta bó củi của cậu?

(5) Cậu Shankar làm gì với thức ăn và nước uống có được?

(6) Ai đã cứu Shankar khi cậu bị rơi xuống hố?

(7) Bài học luân lý của bài tập đọc là gì?

E. BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi một cách đầy đủ

(xem phần A)

a) Tập sống với lòng biết ơn để tập luyện bản thân là thế nào?

b) Tại sao ta nên thông cảm với những khuyết điểm của người khác?

c) Lòng biết ơn liên quan tới khả năng thành công trên đường đời thế nào?

d) Cho biết hai việc làm thể hiện lòng biết ơn và giải thích ý nghĩa của hành động đó.

2. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần B)

(thôi) _____

(thôi) _____

(thôi) _____

(cách) _____

(cách) _____

(cách) _____

(cái gì) _____

(cái anh này) _____

(cái cô này) _____

3. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần C)

(nuôi nấng) _____

(cuối cùng) _____

(buổi chiều) _____

(tuổi) _____

(muối) _____

(cơm nguội) _____

(thuộc) _____

(suốt) _____

(chuột) _____

(nói suông) _____

(bông chuối) _____

(ưa chuộng) _____

4. Tập đọc

Tập đọc bài “Giúp Đỡ Người Khác” với sự trôi chảy và tốc độ nhanh.

Ghi chú:

1. Để có thể tiến bộ trong khả năng đọc, học sinh phải đọc từng câu cho tới khi quen lười rồi mới tiếp tục đọc câu sau. Cuối cùng phải đọc lại toàn bài vào lần cho thành thuộc.
2. Hai vấn đề khó của tập đọc là nhận diện chữ để phát âm cho đúng và uồn lười cho kịp nhanh. Một người không quen nói tiếng Việt thường bị khựng lại với những vần khó và sự lên xuống của các dấu.

5. Viết chính tả bài “Giúp Đỡ Người Khác”.

Ghi chú: Có thể lấy ra một phần của bài để viết.

BÀI ĐỌC THÊM

Đừng Bao Giờ Vô Ôn

Vào một buổi trưa giữa mùa hè, dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời, có hai du khách đi trên một con đường đầy bụi không một bóng cây. Đang lúc tìm kiếm một bóng mát để tránh cơn nắng nóng, họ thấy ở đằng xa có một cây lớn với tàng cây trải dài ra như một cái dù.

Họ đi vội đến cây lớn đó, đặt hành lý xuống đất và ngồi nghỉ mệt dưới bóng mát của tàng cây. Sau khi nghỉ ngơi một lúc, một du khách nói với người kia, “Thật là một cái cây vô dụng! Không có quả gì ăn được.”

Nghe được câu nói này, cái cây cảm thấy bị xúc phạm và la lên, “Các ông là những kẻ vô ơn! Một mặt, các ông trú ẩn dưới bóng râm mát của tôi để không bị nắng nóng mặt trời thiêu đốt và mặt khác, các ông gọi tôi là vô dụng. Các ông hãy đứng dậy và rời khỏi nơi đây ngay lập tức để bị nắng mặt trời thiêu đốt một lần nữa.”



Giải thích chữ khó:

vô ơn: *ungrateful* – gay gắt: *very hot* – du khách: *traveler* – bụi: *dust* – tìm kiếm: *to look for* – tạm: *temporarily* – tàng cây: *branch* – vội: *hurriedly* – hành lý: *luggage* – nghỉ mệt: *to take a rest* – vô dụng: *useless* – bị xúc phạm: *to be offended* – trú ẩn: *to take shelter* – thiêu đốt: *to burn* – rời khỏi: *to leave*

BÀI 6 – LESSON 6

LÒNG VỊ THA

Altruism



A. TỔNG QUÁT VỀ LÒNG VỊ THA

1. Ý nghĩa về lòng vị tha

a. Lòng vị tha là gì?

Vị tha là quan tâm đến lợi ích của người khác. Người có lòng vị tha dễ dàng tha thứ những lỗi lầm mà người khác làm cho mình. Lòng vị tha cũng biểu hiện qua các hành động giúp đỡ người khác mà không mong đợi được trả ơn.

b. Những đặc điểm của lòng vị tha:

- Vị tha là tha thứ những lỗi lầm của người khác.
- Vị tha là luôn mở lòng giúp đỡ người khác khi họ cần.
- Vị tha là biết quan tâm đến hoàn cảnh khó khăn của người khác.
- Vị tha không chỉ là hành động hướng về người khác mà còn không nên làm những gì gây phiền hà cho người khác.
- Vị tha trái ngược với ích kỷ.
- Lòng vị tha phải được tập luyện và thực hành.
- Lòng vị tha là đức hạnh căn bản của một người tốt.
- Lòng vị tha là một đức tính nền tảng của các tôn giáo.

Ngữ vựng

quan tâm	to concern	gây phiền hà	to annoy
lợi ích	benefit	ích kỷ	selfish
mong đợi	to expect	nền tảng	foundation
đặc điểm	characteristic		

2. Những biểu hiện của lòng vị tha

a. Tha thứ, không chấp nhứt lỗi lầm của người khác và nhất là không mang ý tưởng trả thù. Người đời thường xem sự tha thứ như biểu hiện của sự yếu đuối hay sợ hãi, nhưng thực ra, tha thứ mới chính là can đảm.

b. Giúp đỡ người nghèo. Khi gặp những người nghèo khổ, ta nên cảm thông cho họ như những người kém may mắn. Nghèo không phải do định mệnh mà có thể là do kém may mắn. Nếu ta rơi vào hoàn cảnh kém may mắn, ta có thể trở thành nghèo như vậy.

c. Thực hành sự nhường nhịn đối với những người chung quanh. Việc này mang ý nghĩa bỏ qua tự ái cá nhân để mang lại hòa khí. Nhường có nghĩa để cho người khác có ưu tiên hơn mình, chẳng hạn như nhường cho người khác

đi trước, tới nơi hẹn đúng giờ để người khác không phải chờ đợi mình. Nhịn là tránh đối đầu hay tranh cãi để mọi chuyện được êm đẹp.

d. Vị tha còn đồng nghĩa với thương người. Luôn đối xử hòa nhã và cảm thông với nỗi buồn vui của người thân hay bạn bè. Giúp đỡ kẻ khốn cùng. Nhìn người khác dưới lăng kính “nhân chi sơ tính bản thiện”, con người sinh ra đều tốt, để có thái độ mở lòng thay vì ngờ vực hay đề phòng người khác như kẻ xấu.

Ngữ vựng

tôn giáo	religion	hoàn cảnh	situation, case
biểu hiện	sign, appearance	tự ái cá nhân	ego
chấp nhất	to keep in mind	hòa khí	peaceful situation
cảm thương	to have sympathy	ưu tiên	priority
định mệnh	fate	lăng kính	prism
nhân chi sơ tính bản thiện		men was originally good in nature	

3. Mẫu đối thoại về lòng vị tha

Châu và Thắng nói chuyện về bài học “lòng vị tha” .

- Châu Thầy Hạnh hôm nay nhấn mạnh lòng vị tha như đức tính cao quý nhất phải không?
- Thắng Tôi cũng thấy vậy, nhưng chưa hiểu rõ tại sao thầy coi nặng như thế.
- Châu Dường như thầy coi vị tha là đức tính nền tảng của một người tốt và cũng là yếu tố then chốt để thành công trên đường sự nghiệp.
- Thắng Phải chăng người có lòng vị tha là người khiêm tốn? Vì biết mình cũng có nhiều khuyết điểm nên không dám phê phán người khác.

- Châu Đúng vậy! Người khiêm tốn hẳn là người tốt rồi. Nhưng người khiêm tốn sao lại dễ thành công?
- Thắng Tôi nghĩ có lẽ người khiêm tốn thì không tranh cãi hay phê phán người khác nên dễ được yêu mến. Một khi được yêu mến thì cũng dễ được sự giúp đỡ hay hỗ trợ của người khác.
- Châu Chắc có lẽ thế. Vậy vị tha đâu có thiệt thòi phải không?

Ngữ vựng

nhấn mạnh	to emphasize	khiêm tốn	humble
then chốt	key	phê phán	to criticize
sự nghiệp	career		

B. CẤU TRÚC CÂU ĐÀM THOẠI

1. “mang ý nghĩa”

- Đêm giao thừa **mang ý nghĩa** linh thiêng của sự chuyển đổi sang năm mới.
- Hoa hồng đỏ trong ngày Valentine **mang ý nghĩa** của tình yêu lãng mạn, vẻ đẹp hay can đảm
- Hành động treo cờ rũ tại các cơ quan công quyền **mang ý nghĩa** tưởng niệm một biến cố đau thương.
- Giỗ tổ Hùng Vương **mang ý nghĩa** nhắc nhở mọi người Việt Nam đều có cùng một tổ tiên.
- Người Việt gặp nhau thì cúi đầu chào **mang ý nghĩa** tôn trọng nhau.

2. “như”

- Nó học **như** vẹt thì làm sao qua được kỳ thi ra trường.
- Vẻ mặt nó lúc nào cũng làm **như** vẻ khờ khạo nhưng nó khôn lắm đấy!
- Lá cây này trông giống **như** húng quế nhưng chẳng có mùi gì cả.

- Căn nhà góc đường xây giống **như** tòa lâu đài, coi thật là dị hợm.
- Theo **như** tôi biết, muốn làm giàu ở xứ này thì phải thật lanh lợi và chịu khó học hỏi.

3. “riêng”

- Anh Nam vừa được thăng chức ở công ty và có một phòng **riêng** để làm việc.
- Việc **riêng** của tôi cũng không đủ giờ làm thì còn đâu giờ để làm việc chung.
- Phần của **riêng** anh là 20 vé để đi bán.
- Bé Thi đã ngủ **riêng** một mình từ khi mới vừa một tuổi.
- Tôi muốn tham dự chuyến cắm trại chung với các bạn nhưng tôi muốn ăn **riêng**.

Ngữ vựng

mang ý nghĩa	to mean	tưởng niệm	memorial
linh thiêng	sacred	biến cố	incident
chuyển đổi	turning point	khờ khạo	dummy
lãng mạn	romantic	dị hợm	weird
cơ quan công quyền	government	thăng chức	promoted
offices			

C. HỌC VẦN

1. Vần “ươm, ươn, ương”

ươm	bướm bướm		gươm		
ướm					
ưỡm	cưỡm	gưỡm	lưỡm		
ượm	đượm	lượm			

ươn	lươn				
uốn	muồn	ruồn			
uồn	suồn	vuồn			
uõn	uõn ngực				
uợn	lượn	mượn	vượn		
ương	cương	chương	đương	lương	thương
uống	chướng	hướng	nướng	sướng	vướng
ường	cường	đường	giường	nhường	thường
uởng	chởng	hởng	tởng	thởng	trởng
ưỡng	cưỡng	dưỡng	lưỡng	ngưỡng	
ượng	dượng	lượng	ngượng	tượng	sượng

2. Tập đặt câu với những chữ mang vần “ươn, uốn, ương”.

- Thời gian gần đây ít thấy **bướm bướm** nên có lẽ vì thế mà rau cỏ trông ít bị sâu ăn.
- Tiệm bán đồ cổ này có cái **gương** Nhật đẹp quá nhưng tôi cảm thấy giá hơi mắc.
- Anh nói gì mà cô ấy **lườm** anh kìa.
- Không biết có ai **lượn** được xâu chìa khóa tôi để quên đâu đó không?
- Mấy chị đi mua cá phải coi chừng mua phải cá **ươn**.
- Tôi đọc báo thấy công ty làm dụng cụ y khoa gần đây đang **muồn** người.
- Kim vừa mới học được cách làm món **sườn** ram mặn của bác Thanh.

- h) Hấn khoe khoang và **ưỡn** ngực tự hào như mình là cầu thủ bóng bàn vô địch của thành phố vậy.
- i) Các bạn muốn thấy cảnh chim én bay **lượn** thì chiều nay đi với tôi ra bờ sông.
- j) Tôi chỉ có thể cho anh **mượn** cửa máy này trong vòng một tuần vì tôi cần để cắt cái cây lớn sau nhà.
- k) Tôi cần các anh chị giúp cho một tay trong **chương** trình tổ chức tiệc tất niên vào tuần tới.
- l) Chú Tín vừa kiếm được việc làm mới với đồng **lương** cao hơn nên sẽ đãi chúng ta một bữa ăn thịnh soạn vào cuối tuần này.
- m) Đây là **hướng** đi về nhà; còn **hướng** kia sẽ dẫn đến khu phố Việt Nam.
- n) Bác Phụng dạo này chắc đã đỡ **vướng** bận chuyện con cái vì các con bác đều đã ra trường đại học cả.
- o) Hãy nhìn thân thể **cường** tráng của anh Thu cũng đủ biết ảnh siêng năng tập tạ thể nào.
- p) Người dân ở thành phố này thật lịch sự vì biết **nhường** đường khi lái xe.
- q) Con trai chị đã có vợ con rồi mà tôi cứ **tưởng** nó chỉ mới khoảng mười mấy tuổi.
- r) Cô hiệu **trưởng** mới của **trường** Việt ngữ chúng tôi vừa giỏi vừa hiền lành.
- s) Chúng ta cần luôn nhớ rằng nhờ công ơn **dưỡng** dục của cha mẹ mà chúng ta được nên người ngày nay.
- t) Anh mới bước vào **ngưỡng** cửa của chính trị nên cần phải quan sát và học hỏi một thời gian.
- u) Bỗng dưng trong buổi tiệc bị kêu lên giới thiệu làm tôi hơi **ngượng** ngừng vì chưa kịp chuẩn bị.

v) Có phải khoai lang luộc còn hơi **sượng** không vì tôi thấy hơi cứng cứng?

Ngữ vựng

đồ cổ	antique	bữa ăn thịnh soạn	hearty meal
lườm	to look out of the corner of one's eyes with disapproval	hướng	direction
lượm	to pick up	vướng bận	to be busy with
(cá) ươn	spoiled	(thân thể) cường tráng	robust
dụng cụ	equipment	tập tạ	weight lifting
y khoa	medical	nhường	to yield
ưỡn ngực	to throw out one's chest	dưỡng dục	to raise
chim én	sparrow	ngưỡng cửa	threshold
bay lượn	to glide	chính trị	politics
cưa máy	chain saw	quan sát	to observe
chương trình	program	giới thiệu	to introduce
		ngượng ngùng	shy, awkward
		chuẩn bị	to prepare
		sượng	uncooked

Đ. BÀI TẬP ĐỌC

Trái Tim Đẹp Nhất

Một ngày nọ, tại một nơi rất đông người, có một chàng thanh niên đứng hét to trước đám đông.

“Mọi người hãy xem này. Tôi có trái tim đẹp nhất thế giới”.



Đám đông quay nhìn chàng thanh niên và rất ngạc nhiên khi thấy trái tim của anh ta thật đẹp, với hình dạng hoàn hảo, không một chút tỳ vết, trông thật tuyệt vời. Hầu hết những người nhìn thấy trái tim của chàng thanh niên đều mê mẩn với vẻ đẹp của trái tim và khen ngợi anh ta.

Bỗng nhiên, có một ông lão tiến lên và thách thức chàng thanh niên, “Không phải vậy cậu nhỏ, ta mới có trái tim đẹp nhất thế giới!”

Chàng thanh niên hỏi, “VẬY ông cho tôi xem trái tim của ông!”

Ông lão cho anh ta xem trái tim của ông. Trái tim rất thô, bề mặt lồi lõm, và có những vết sẹo cùng khắp. Ngoài ra, trái tim cũng không mang hình dạng một trái tim lành lạnh, như vẻ có nhiều mảnh khác màu ghép lại với nhau. Có những góc cạnh thô kệch và một phần của trái tim được lấp vá bằng những miếng nhỏ.

Trái tim của ông lão đơn giản chỉ là nhiều mảnh tim ghép lại để tạo thành trái tim.

Chàng thanh niên bật cười trước trái tim của ông lão, “Cụ ơi, cụ có khùng không? Cụ hãy xem trái tim của tôi này! Thật là xinh đẹp và hoàn hảo. Cụ không thể tìm thấy ngay cả một chút tỳ vết nào. Cụ hãy xem trái tim của cụ kìa. Nó có đầy các vết sẹo, vết thương và lỗ hổng. Làm sao cụ có thể nói trái tim của cụ đẹp được?”

“Cậu trẻ à, trái tim của tôi trước đây cũng đẹp như trái tim của cậu. Cậu có nhìn thấy những vết sẹo không? Mỗi vết tượng trưng cho tình yêu mà tôi đã chia sẻ với người khác. Tôi chia một phần trái tim cho người khác khi tôi chia sẻ tình yêu và ngược lại tôi nhận lại được một phần trái tim, mà tôi dùng để vá lại những nơi bị trống!” Ông lão nói.

Chàng thanh niên nghe thế liền giật mình.

Ông lão tiếp tục nói, “Bởi vì các mảnh tim mà tôi cho đi và nhận được không đồng đều, cũng như không có cùng hình dạng hoặc kích thước, nên trái tim của tôi đầy góc cạnh lồi lõm và các mảnh vá lỗ chỗ”.

“Trái tim của tôi không cân đối bởi vì đôi khi tình yêu cho đi không được trả lại. Như vậy, cậu thấy vẻ đẹp thực sự ở đâu? Trái tim của cậu trông như mới và căng tròn với không một vết sẹo là điều cho thấy cậu chưa bao giờ chia sẻ tình yêu với ai. Phải không?”

Chàng thanh niên đứng lặng người và không nói được lời nào. Nước mắt lăn dài trên má. Anh bước đến gần ông lão, xé một mảnh tim của mình và đưa cho ông lão.

Bài học luân lý: *Nhiều người coi trọng và kính nể vẻ đẹp thể chất. Tuy nhiên, hình thể bề ngoài không phải là vẻ đẹp thực sự!*

Giải thích chữ khó:

hoàn hảo: *perfect* – tỳ vết: *blemish* – tuyệt vời: *wonderful, great* – mê mết: *fascinated* – thách thức: *to challenge* – thô: *rough* – lồi lõm: *uneven* – lấp vá: *to mend, fill in* – mảnh: *piece* – vết sẹo: *scar* – tượng trưng: *to represent* – giật mình: *shocked* – kích thước: *dimension* – lỗ chỗ: *uneven, lot of holes* – đứng lặng: *to stand still* – xé: *to tear*

Đ. TRẢ LỜI CÂU HỎI

(1) Trái tim của chàng thanh niên thế nào?

(2) Trái tim của ông lão thế nào?

(3) Tại sao trái tim ông lão có nhiều vết sẹo?

(4) Trái tim đẹp đẽ của cậu thanh niên cho thấy chuyện gì?

(5) Bài tập đọc dạy ta bài học thể nào?

E. BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi một cách đầy đủ

(xem phần A)

a) Hãy kể hai đặc điểm của lòng vị tha và cho biết lý do tại sao.

b) Đặc điểm nào làm cho lòng vị tha trở thành một đức tính nền tảng của các tôn giáo? Giải thích lý do.

c) Giúp đỡ người nghèo hay người sa cơ thay vì khinh khi họ giúp cho bản thân ta điều gì?

d) Nhường nhịn thường bị xem là thua thiệt hay yếu thế, nhưng bài học ở đây cho là điều cần phải thực hành. Hãy cho biết lý do tại sao.

2. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần B)

(mang ý nghĩa) _____

(mang ý nghĩa) _____

(như) _____

(như) _____

(như) _____

(riêng) _____

(riêng) _____

(riêng) _____

3. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần C)

(bướm bướm) _____

(lượm) _____

(mướn) _____

(vườn) _____

(mượn) _____

(thương) _____

(sung sướng) _____

(tường) _____

(thưởng) _____

(cưỡng lại) _____

(tượng) _____

4. Tập đọc

Tập đọc bài “Trái Tim Đẹp Nhất” với sự trôi chảy và tốc độ nhanh.

Ghi chú:

1. Để có thể tiến bộ trong khả năng đọc, học sinh phải đọc từng câu cho tới khi quen lười rồi mới tiếp tục đọc câu sau. Cuối cùng phải đọc lại toàn bài vào lần cho thành thuộc.
2. Hai vấn đề khó của tập đọc là nhận diện chữ để phát âm cho đúng và uồn lười cho kịp nhanh. Một người không quen nói tiếng Việt thường bị khựng lại với những vần khó và sự lên xuống của các dấu.

5. Viết chính tả bài “Trái Tim Đẹp Nhất”.

Ghi chú: Có thể lấy ra một phần của bài để viết.

BÀI ĐỌC THÊM

Câu Chuyện về Tình Yêu và Thời Gian

Ngày xưa ngày xưa, có một hòn đảo, nơi mà tất cả các cảm giác sinh sống, như Hạnh Phúc, Buồn Phiền, Kiến Thức, và tất cả những cảm giác khác, bao gồm cả Tình Yêu. Một ngày nọ, có một tin báo rằng hòn đảo sẽ bị chìm và khuyên tất cả cảm giác nên bắt đầu đóng thuyền và rời khỏi.



Tình Yêu là người duy nhất còn ở lại. Tình Yêu muốn nán lại đến giây phút cuối cùng. Nhưng khi hòn đảo gần như chìm hẳn, Tình yêu đành phải kêu cứu.

Anh Giàu Sang đi ngang đảo trên một chiếc thuyền lớn. Tình Yêu hỏi, “Thưa anh Giàu Sang, anh có thể mang tôi theo anh được không?”

Giàu Sang trả lời, “Không, tôi không thể. Thuyền tôi có rất nhiều vàng bạc. Không còn chỗ cho anh”.

Tình Yêu quay sang hỏi Phô Trương, là người cũng đang đi ngang qua trên một chiếc thuyền tuyệt đẹp, “Anh Phô trương ơi, hãy cứu tôi!”

Phô Trương trả lời: “TìnhYêu, tôi không thể giúp anh. Anh đang ướm như chuột lột nên có thể làm hư thuyền của tôi”.

Thầy Buồn Phiền đang ở gần đó, Tình Yêu hỏi, “Anh Buồn Phiền ơi, cho tôi đi với anh”.

Buồn Phiền trả lời: “Ôi, Tình Yêu ơi, tôi đang rất buồn và tôi cần phải yên lặng một mình!”

Hạnh Phúc cũng đi ngang qua, nhưng cô ta đang trong trạng thái thật vui đến nỗi cô không nghe thấy tiếng kêu cứu của Tình Yêu.

Bỗng nhiên có một tiếng nói vang lên, “Hãy tới đây, Tình Yêu, tôi sẽ nhận bạn”. Đó là một lão ông.

Do quá vui mừng và cảm động, Tình Yêu quên cả hỏi lão ông sẽ đưa mình đi đâu. Khi thuyền cập vào đất liền, lão ông liền bỏ đi ngay. Một lúc sau, Tình Yêu nhận ra mình đã mang nợ lão ông thật nhiều, anh ta bèn đi tìm Kiến Thức, là một lão ông khác, để hỏi, “Ai đã giúp tôi vậy?”

Kiến Thức trả lời, “Đó là Thời Gian”.

Tình Yêu ngạc nhiên hỏi: “Thời Gian hả? Nhưng tại sao Thời Gian lại giúp tôi?”

Kiến Thức mỉm cười với vẻ hiểu biết và trả lời, “Bởi vì chỉ có Thời Gian mới có khả năng hiểu Tình Yêu quý giá như thế nào”.

Giải thích chữ khó

Hòn đảo: *island* – cảm giác: *feeling* – hạnh phúc: *happiness* – kiến thức: *knowledge* – tin báo: *announcement* – chìm: *to sink* – khuyên: *to advise* – đóng thuyền: *to build boat* – ngoại trừ: *except* – Phô trương: *ostentation* – ướt như chuột lột: *very wet* – trạng thái: *status, condition* – lão ông: *elder, old man* – mang nợ: *to owe* – ngạc nhiên: *surprise* – quý giá: *valuable, precious*

BÀI 7 – LESSON 7

SỰ ĐOÀN KẾT

Solidarity



A. TỔNG QUÁT VỀ SỰ ĐOÀN KẾT

1. Ý nghĩa về sự đoàn kết

a. Đoàn kết là gì?

Đoàn kết là cảm giác hay hành động đồng lòng của một nhóm người có cùng lợi ích hay liên hệ; để có thể giúp đỡ, nương tựa lẫn nhau.

b. Lợi ích của đoàn kết

- Sự thật giản dị rằng chúng ta không thể sống tách rời với người khác mà lệ thuộc vào nhau. Vì vậy đoàn kết là điều cần thiết phải có để sống còn và thành công.

- Đoàn kết để bảo vệ quyền lợi cho nhau. Như các nghiệp đoàn công nhân, hợp cùng nhau thương lượng với giới chủ nhân để có được đồng lương công bằng.
- Một tổ chức đoàn kết sẽ là một tổ chức mạnh vì không bị suy yếu bởi những tranh cãi nội bộ.
- Đoàn kết là vũ khí để người dân chống lại hay đề phòng, ngăn ngừa một chính quyền độc tài.
- Căn bản của đoàn kết là sự chia sẻ. Có chia sẻ mới có sự cảm thông, dẫn tới chung sức làm việc và đạt thành công cho cả tập thể.
- Đoàn kết là yếu tố cần thiết để xây dựng một tập thể biết thương yêu nhau.

Ngữ vựng

cảm giác	feeling	nghiệp đoàn	union
lợi ích	benefit	thương lượng	to negotiate
liên hệ	relationship	tranh cãi	to argue
nương tựa	to rely on	nội bộ	internal
giản dị	simple, plain	độc tài	dictatorship
tách rời	separated	cảm thông	mutual understanding
lệ thuộc	to depend on	tập thể	group
quyền lợi	benefit, interest	yếu tố	element

2. Thực hiện đoàn kết thế nào?

a. Hòa nhập với tập thể trong cách ăn mặc. Sự hòa đồng trong phong thái bề ngoài giúp tránh sự nghi kỵ hay ganh ghét. Đây là lý do các trường học thực hành chính sách mặc đồng phục cho học sinh.

b. Hòa nhập với tập thể trong cách nói năng. Nên ăn nói hòa nhã. Tránh tranh luận hay nói nghịch ý người khác như cách để đề cao mình hay gây sự chú ý.

c. Hòa nhập trong mọi cách với tập thể. Sự hòa nhập là một đặc điểm của văn hóa Đông Phương. Văn hóa Đông Phương đặt căn bản xã hội trên gia đình hay tập thể chứ không phải cá nhân như Tây Phương. Cá nhân phải phục tùng tập thể và cá nhân phải đóng góp cho sự thăng tiến của tập thể.

d. Giúp đỡ hay nâng đỡ những người trong tập thể của mình để xây dựng tình đoàn kết. Hành động tốt đối với người chung quanh sẽ có tác động lây lan khuyến khích người khác cũng làm như vậy.

Ngữ vựng

hòa nhập	to mingle, blend in	ngghi kỵ	suspected, jealous
phong thái	appearance	đồng phục	uniform
thực hành	to practice	thăng tiến	progress

3. Mẫu đối thoại về sự đoàn kết

Hai bạn thân, Đức và Tuấn trao đổi với nhau về tình đoàn kết.

Đức Tôi muốn nói với bạn Tuấn một chuyện. Trong đội đá banh của mình, tôi thấy cần phải xây dựng tình đoàn kết khăng khít thì mới trở nên đội banh mạnh được.

Tuấn Tôi cũng suy nghĩ nhiều về chuyện này nhưng không biết làm sao để mọi người đoàn kết với nhau.

Đức Hay bạn xem thử ý tưởng này được không nhé. Thỉnh thoảng tôi và bạn thay phiên nhau tổ chức những buổi họp mặt cho cả đội, để mọi người có dịp tâm tình và thấu hiểu nhau hơn.

- Tuần Như vậy đội viên có được mang theo người thân hay bạn bè của họ tới dự không?
- Đức Tôi nghĩ là được, nếu số người tham dự không vượt quá khả năng của mình.
- Tuần Tôi xin bổ túc một chút. Nếu có thể, mình mời một số người của các đội mà mình thường đấu với họ tới tham dự để người mình có dịp chia sẻ kinh nghiệm với người ta. Bạn thấy thế nào?
- Đức Ý kiến hay! Cảm ơn bạn.

Ngữ vựng

trao đổi	to exchange	họp mặt	gathering
khăng khít	close, tight	tâm tình	talk to each other
thay phiên nhau	to take turn		privately

B. CẤU TRÚC CÂU ĐÀM THOẠI

1. “**phải, cần phải, chắc phải**” (degree of certainty: 100% – 70%)

- Tôi **phải** viết xong bài luận văn này ngày hôm nay.
- Tôi **cần phải** đi khám răng vì có cái răng hàm hơi bị nhức.
- Chúng ta **cần phải** cùng nhau giữ sạch sẽ sau khi dùng phòng họp này.
- Tôi **chắc phải** nghỉ làm ngày mai vì bệnh cúm chưa khỏi hẳn.
- Đông người tới dự tiệc thể này thì **chắc phải** gọi đặt thêm thức ăn.

2. “**chắc có thể, chắc có lẽ, có thể, có lẽ**” (degree of certainty: 60% – 40%)

- Tôi nghĩ **chắc có thể** sửa xong máy tính cho anh ngày mai.

- Tôi nghĩ **chắc có lẽ** phải hủy bỏ chuyến đi cắm trại ngày mai nếu trận mưa này không dứt.
- Anh nói vậy thì **chắc có lẽ** mình phải thay đổi kế hoạch.
- **Có thể** tôi sẽ tới dự sinh nhật của chị nếu tôi không bị gọi đi làm ngày cuối tuần.
- Anh ấy **có lẽ** sẽ không tham dự chuyến leo núi này được vì chân đau vẫn chưa khỏi.

3. “không chừng, chưa chắc, không lẽ, biết đâu, may ra” (degree of certainty: 30% – 10%)

- Nước trái cây này **không chừng** chữa được bệnh táo bón kinh niên.
- Trái bơ này ngon quá nhưng lấy hột trồng thì **chưa chắc** đã ngon.
- **Không lẽ** chị có bà con với ca sĩ Bích Thủy hay sao mà trông giống quá!
- **Biết đâu** con chị sẽ được nhận vào trường đại học Yale.
- **May ra** thì kiếm được việc làm lương cao, **biết đâu** được.

Ngữ vựng

đi khám răng	to visit dentist	bệnh táo bón	constipation
răng hàm	cheektooth	kinh niên	chronic
kế hoạch	plan	biết đâu được	who knows

C. HỌC VẦN

1. Vần “ước, ươt, ươp”

ước	bước	cước	chước	rước	thước
ược	duợc	đượ	lượ	ngượ	nhượ

ướt	lướt	mướt	sướt		
ướt	lướt	mướt	rướt	trướt	vướt
ướt	cướt	mướt			
ướt	nướm nướt				

2. Tập đặt câu với những chữ mang vần “ước, ướt, ướp”.

- Tôi **ước** mơ có thể đi thăm tất cả các nơi danh lam thắng cảnh của Mỹ.
- Nam muốn qua nhà bác Tính xem bác gói bánh chưng thể nào để bắt **chước**, rồi về nhà tự làm.
- Mai giỏi về môn hóa học thì có lẽ nên học **được** sĩ tốt hơn kỹ sư hóa học.
- Nhược** điểm của đội banh trường tôi là không có cầu thủ tiền vệ giỏi.
- Chị nên lấy tạp dề mặc vào để rửa chén chứ không sẽ bị **ướt** áo.
- Cô Sáu chỉ nhìn **lướt** qua thôi mà biết thằng bé đó là đứa lanh lợi nhất trong đám.
- Đừng quên hôm nay là tối **lướt** Nhưng phải rửa chén sau bữa ăn tối đó nghe!
- Nhất định tuần tới mình phải đi **trướt** tuyết vì trên núi đầy tuyết mịn sau trận bão tuần rồi.
- Ai **ướt** thịt nướng hôm nay mà ngon quá vậy?
- Hôm qua vừa xảy ra một vụ **cướt** tiệm vàng ở khu phố Việt Nam và cảnh sát đang truy lùng thủ phạm.
- Tiệm ăn này có người ra vô **nướm nướt** thể này thì chắc là các món ăn phải ngon lắm.

Ngữ vựng

ước mơ	to dream	lanh lợi	sharp
danh lam thắng cảnh	scenic	lượt	turn
bắt chước	to imitate	nhất định	definitely
hóa học	chemistry	trượt tuyết	to ski
nhược điểm	drawback	ướp	to marinate
cầu thủ	player	truy lùng	to search
tiền vệ	forward (position)	thủ phạm	culprit
tạp dề	apron	nườm nượp	crowded
lướt qua	to scan		

D. BÀI TẬP ĐỌC



Ba Người Con Trai và Bó Đũa

Ngày xưa ngày xưa, một ông lão sống với ba người con trai trong một ngôi làng. Tất cả ba người con của ông đều là những người cần cù làm việc. Tuy nhiên, chúng không bao giờ đồng ý với nhau và luôn luôn cãi nhau. Ông lão cố gắng khuyên răn ba người con nên hòa thuận với nhau nhưng không thành công. Trong khi đó, dân làng rất khâm phục sự cần cù và chăm chỉ làm việc của ba người con nhưng cũng chế giễu mỗi bất hòa của chúng.

Đến một ngày kia, ông lão ngã bệnh. Ông gọi các con lại và khuyên chúng hãy hòa thuận với nhau, nhưng không ai chịu nghe. Sau đó, ông quyết định dạy cho chúng một bài học thực tế để chúng bỏ qua sự khác biệt mà đoàn kết với nhau.

Ông liền gọi cả ba người con lại và nói: “Ta sẽ đưa cho các con mỗi người một bó đũa. Các con hãy bẻ từng chiếc đũa một. Ai bẻ nhanh nhất sẽ được thưởng”.

Ba người con đồng ý.

Nói xong, ông lão đưa cho mỗi người con một bó đũa gồm 10 chiếc đũa và bảo chúng hãy bẻ làm đôi từng chiếc một. Cả ba người con liền bẻ các que đũa trong nháy mắt.

Và lại một lần nữa, chúng bắt đầu tranh cãi ai là người bẻ xong trước.

Ông lão chen vào nói, “Này các con, trò chơi chưa kết thúc. Bây giờ ta sẽ đưa cho mỗi con một bó đũa khác. Các con sẽ phải bẻ cả bó đũa cùng một lúc, không được bẻ từng chiếc đũa”.

Ba người con đồng ý và bắt đầu bẻ cả bó đũa. Nhưng tiếc thay, chúng không thể bẻ gãy bó đũa được. Chúng cố gắng hết sức nhưng đều thất bại.

Ba người con chịu thua.

Ông lão trả lời, “Các con thấy không! Các con có thể dễ dàng bẻ từng chiếc đũa một, nhưng không thể bẻ cả bó đũa! Vì vậy, nếu các con đoàn kết với nhau, không ai có thể làm hại các con được. Nếu các con bất hòa với nhau, bất cứ ai cũng có thể dễ dàng đánh bại các con. Ta muốn các con phải luôn đoàn kết với nhau”.

Bây giờ ba người con mới hiểu được sức mạnh của sự đoàn kết và hứa với cha chúng rằng bất cứ điều gì xảy ra, chúng sẽ vẫn chung lòng với nhau.

Giải thích chữ khó:

bó đũa: *bundle of chopstick* – cần cù: *diligent* – đồng ý: *to agree* – cãi nhau: *to quarrel* – khuyên răn: *to ask* – hòa thuận: *to agree with each other* – khâm phục: *to admire* – chế giễu: *to make fun of* – bất hòa: *disagreement* – thực tế: *practical* – bỏ qua: *to put aside* – khác biệt: *difference* – đoàn kết: *to unite* – bẻ: *to break apart* – que: *stick* – nháy mắt:

very fast – tranh cãi: *to quarrel* – rủi thay: *unfortunately* – thất bại: *to fail* –
chung lòng: *to be together*

Đ. TRẢ LỜI CÂU HỎI

(1) Dân làng khen ba người con trai thế nào?

(2) Dân làng chế giễu ba người con trai thế nào?

(3) Khi ông lão ngã bệnh, ông khuyên ba người con thế nào?

(4) Lần đầu ông lão bảo ba người con bẻ dừa thế nào?

(5) Lần thứ hai, ông lão bảo ba người con bẻ dừa thế nào?

(6) Ba người con học được bài học gì?

E. BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi một cách đầy đủ

(xem phần A)

a) Hãy cho biết một thí dụ về "đoàn kết để sống còn".

b) Trước khi có đoàn kết thì mọi người trong một tập thể phải học cách chia sẻ và cảm thông với nhau. Hãy cho biết một cách thức để giúp các thành viên của tập thể biết chia sẻ cho nhau.

c) Theo ý em, muốn xây dựng đoàn kết trong một tập thể thì nên làm thế nào?

d) Một người nên có những cách hành xử hay đức tính thế nào để xây dựng tình đoàn kết trong một tập thể?

2. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần B)

(phải) _____

(cần phải) _____

(chắc phải) _____

(chắc có thể) _____

(chắc có lẽ) _____

(có thể) _____

(có lẽ) _____

(không chừng) _____

(chưa chắc) _____

(không lẽ) _____

(biết đâu) _____

(may ra) _____

3. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần C)

(bước) _____

(thuốc) _____

(lược) _____

(ngược) _____

(ướt) _____

(lượt) _____

(trượt) _____

(ướp) _____

(cuớp) _____

4. Tập đọc

Tập đọc bài “Ba Người Con Trai và Bó Đũa” với sự trôi chảy và tốc độ nhanh.

Ghi chú:

1. Để có thể tiến bộ trong khả năng đọc, học sinh phải đọc từng câu cho tới khi quen lười rồi mới tiếp tục đọc câu sau. Cuối cùng phải đọc lại toàn bài vào lần cho thành thuộc.

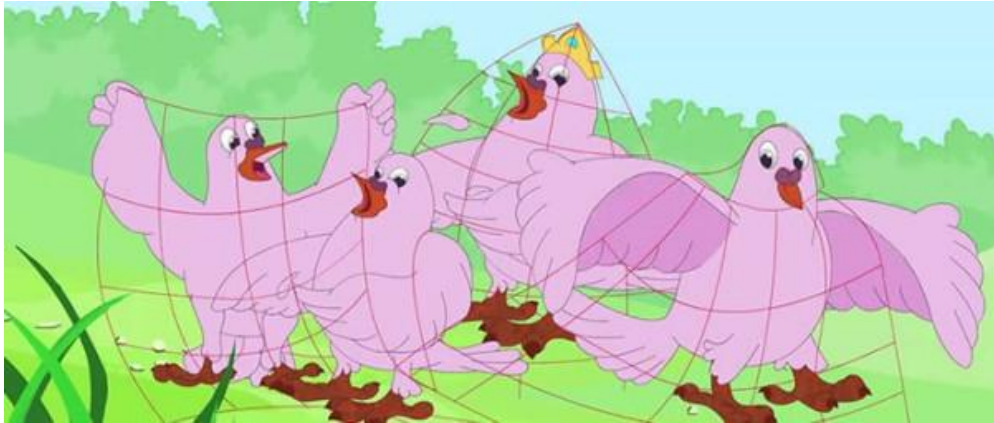
2. Hai vấn đề khó của tập đọc là nhận diện chữ để phát âm cho đúng và uốn lười cho kịp nhanh. Một người không quen nói tiếng Việt thường bị khựng lại với những vấn đề khó và sự lên xuống của các dấu.

5. Viết chính tả bài “Ba Người Con Trai và Bó Đũa”.

Ghi chú: Có thể lấy ra một phần của bài để viết.

BÀI ĐỌC THÊM

Đoàn Kết Là Sức Mạnh



Có một đàn bồ câu, với sự dẫn đầu của vua bồ câu, bay lượn tìm kiếm thức ăn. Một ngày nọ, đàn chim đã bay rất xa và đều rất mệt mỏi mà vẫn không tìm thấy thức ăn. Nhưng vua bồ câu khuyến khích cả đàn bay xa hơn một chút nữa. Con bồ câu nhỏ nhất bay nhanh lên phía trước và nhìn thấy một ít thóc nằm rải rác dưới gốc một cây đa. Đàn chim bồ câu liền đáp xuống ăn.

Đột nhiên một chiếc lưới phủ lên đầu cả đàn và tất cả bị dính bẫy. Sau đó chúng thấy một người thợ săn tiến tới với một chiếc lồng lớn. Những con chim bồ câu cố hết sức vỗ cánh bay thoát ra ngoài nhưng vô ích. Bỗng vua bồ câu nảy ra một ý nghĩ. Ông kêu tất cả bồ câu hãy bay lên cùng lúc mang theo chiếc lưới. Ông nhấn mạnh, sự đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh.

Mỗi chim bồ câu gánh một phần của lưới và cùng nhau bay lên mang theo lưới với chúng. Người thợ săn nhìn lên với sự kinh ngạc. Ông ta cố gắng chạy theo, nhưng đàn chim đã bay cao qua những ngọn đồi và thung lũng. Chúng bay tới một ngọn đồi gần thành phố, nơi có một con chuột có thể giúp chúng. Con chuột là một người bạn trung thành của vua bồ câu.

Khi chuột nghe tiếng thầy ồn ào của đàn chim đập xuống, nó bèn chạy trốn. Vua bồ câu khẽ gọi và chuột vui vẻ chạy ra gặp ông. Vua bồ câu kể chuyện họ bị mắc lưới và cần sự giúp đỡ của chuột bằng cách cắn đứt lưới để tất cả được thoát ra.

Chuột đồng ý giúp vua bồ câu được thoát trước tiên. Nhưng ông muốn cả bầy chim phải được giải thoát trước ông. Chuột hiểu được ý muốn của vua và làm theo lời. Chuột bắt đầu cắn lưới cho từng bồ câu đến khi tất cả được giải thoát.

Đàn bồ câu cảm ơn chuột và cùng nhau bay đi.

Bài học: khi cùng bắt tay nhau làm việc, chúng ta sẽ có thêm sức mạnh.

Giải thích chữ khó:

đoàn kết: *unity*; sức mạnh: *strength*; chim bồ câu: *dove*; sự dẫn đầu: *lead*; khuyến khích: *to encourage*; cây đa: *banyan tree*; nhấn mạnh: *to emphasize*; trung thành: *loyal*; giải thoát: *to set free*



BÀI 8 – LESSON 8

LÒNG KHIÊM NHƯỜNG

Humility



A. TỔNG QUÁT VỀ LÒNG KHIÊM NHƯỜNG

1. Ý nghĩa về lòng khiêm nhường

a. Khiêm nhường là gì?

Khiêm nhường là hạ mình hay nhún nhường đối với người khác. Sự nhún nhường còn bao hàm ý nghĩa không tranh giành hay khoe khoang, tự cao tự đại. Khiêm nhường không có nghĩa nhút nhát hay tự ti mặc cảm.

b. Lợi ích của khiêm nhường

- Khiêm nhường là cơ sở cho các đức hạnh khác. Trong chuyện tu luyện bản thân để loại bỏ những khuyết điểm của mình, chúng ta cần phải

nhận ra bản chất của chính mình. Muốn vậy thì bước đầu tiên phải là hạ mình, bỏ đi tính tự cao tự đại mà thành thực nhìn nhận những khuyết điểm của mình. Vì chỉ khi nhận ra những khuyết điểm thì mới tự sửa được. Nếu tự cao tự đại không nhìn nhận khuyết điểm thì sẽ không biết có khuyết điểm để sửa chữa.

- Khiêm nhường là con đường dẫn đến thành công trên đường đời. Người khiêm nhường là người luôn luôn học hỏi vì họ biết lắng nghe, thay vì ham nói. Trong giao tiếp xã hội, người khiêm nhường luôn được người khác yêu mến vì không xuất hiện như một người tranh giành. Và ngược lại, kẻ không khiêm nhường là kẻ kiêu căng thì luôn sống trong ảo tưởng sai lầm về khả năng không có thực của mình và không được người chung quanh yêu thích.
- Khiêm nhường, nếu được thực hiện rộng rãi sẽ mang lại hòa bình và cảm thông trong bất cứ tập thể nào. Một gia đình mà mọi người biết nhường nhịn nhau sẽ là một gia đình hạnh phúc, được gọi là “trên thuận dưới hòa”. Một tập thể mà mọi người biết khiêm nhường thì tập thể này sẽ đoàn kết gắn bó và làm gì cũng đạt tới mục đích.

2. Thực hiện khiêm nhường thế nào?

- a.** Không tranh tiếng với người khác: trong các cuộc nói chuyện giữa bạn bè hay người quen, chúng ta không nên tranh nhau lên tiếng nói để tỏ ra mình hiểu biết, mà nên biết lắng nghe người khác nói. Biết lắng nghe còn mang ý nghĩa tham gia vào câu chuyện của người khác, như để khuyến khích người nói chuyện. Hành động này không phải là biểu lộ sự kém cỏi mà, rộng hơn, chính là sự bao dung.
- b.** Không tự cao tự đại, khoe khoang, hay khinh chê người khác: tự cao tự đại là thái độ tỏ ra hiểu biết hơn khả năng thực sự của mình. Một người hiểu biết thực sự là người biết mình chưa biết tới đâu vì còn rất nhiều vấn đề mình không biết. Một kẻ tự cao tự đại giống như một đứa trẻ khi mới

biết được một chút đã lên mặt dạy dỗ người khác. Hành động thế này chỉ làm trò cười cho thiên hạ.

- c. Kiểm soát cái tôi ích kỷ: ích kỷ là bản chất của con người, nảy sinh từ bản năng sinh tồn. Tính ích kỷ giúp con người sống còn nhưng cũng gây hại cho xã hội nếu không biết giữ nó trong vòng kiểm soát. Sinh hoạt của một nhóm người chỉ có kết quả tốt khi mỗi người hãm bớt tính ích kỷ của mình mà chăm lo cho lợi ích tập thể. Khi kiểm soát tính ích kỷ thì mình sẽ cởi mở, bao dung và nhất là khiêm nhường hơn.
- d. Phải tự nhận biết sự giới hạn, yếu kém của mình: cho dù hiểu biết nhiều hay học cao tới đâu, phải luôn ý thức về khả năng có giới hạn của mình, vì điều này là sự thật. Khi nhận biết sự yếu kém của mình, thì tức khắc khiêm nhường sẽ tới.

3. Mẫu đối thoại về lòng khiêm nhường

Hai bạn thân, Lan và Thúy tình cờ gặp nhau ở Costco.

- Lan Chào Thúy. Bạn cũng đi chợ Costco hả?
- Thúy Có chứ! Đây là chợ tôi thích nhất vì mọi thứ hàng đều rẻ.
- Lan Thúy mua những gì mà đầy cả xe (chợ) vậy? Tôi vào đây để tìm mua máy xay sinh tố. Không biết máy xay sinh tố nằm ở đâu?
- Thúy Tôi đi chợ này thường xuyên nên biết mọi thứ nằm ở đâu. Để tôi dẫn Lan tới đó.
- Lan Không cần vậy đâu, chỉ cần Thúy chỉ máy nằm ở hàng nào là được rồi. Sợ mất thì giờ của Thúy.
- Thúy Không sao đâu. Nếu không chỉ thì Lan sẽ khó biết chọn hiệu nào tốt. Thúy kinh nghiệm chuyện này lắm vì đã sử dụng qua mấy hiệu rồi.
- Lan Thúy thật bình dân. Ở sở thì làm sếp nhưng với bạn bè thì như kẻ ngang hàng.

Thúy Ở sở chỉ là công việc thôi, chứ ra ngoài mình làm sếp với ai bây giờ. Họa chẳng chỉ có làm sếp ông xã thôi.

B. CẤU TRÚC CÂU ĐÀM THOẠI

1. Cách dùng “**nhưng nếu, nhưng mà**”

- Chúng tôi đã sửa soạn đủ các món ăn rồi **nhưng nếu** chị muốn mang thêm món nữa tối cũng không sao.
- Tôi vừa mua hai con gà đi bộ và đang trên đường về nhà, **nhưng nếu** chị thấy chưa đủ thì tôi quay trở lại mua thêm.
- Tôi vừa ăn xong đã no lắm rồi **nhưng nếu** anh mời thì tôi cũng đi theo cho vui.
- Anh ấy trông to lớn **nhưng mà** nhất gan.
- Anh ấy trông xấu trai **nhưng mà** rất tốt bụng.
- Mấy cây cam này có trái trông thật hấp dẫn **nhưng mà** rất chua.

2. Cách dùng “**hơn nhiều**”

- Chiếc xe này đang báo bán sẽ được giá **hơn nhiều**.
- Nếu muốn học giỏi như anh Lâm thì bạn phải cố gắng **hơn nhiều**.
- Nhà thờ dưới khu Little Saigon có đông giáo dân **hơn** ở đây **nhiều**.
- Mùa hè năm nay có lẽ sẽ nóng **hơn** năm ngoái **nhiều** vì năm nay ít mưa.
- Nghe nói chiếc điện thoại thông minh đời mới sẽ chụp hình đẹp **hơn** đời cũ rất **nhiều**.

3. Cách dùng “**thua xa, kém xa**”

- Khả năng viết văn của tôi vẫn còn **thua xa** mấy bạn.
- Máy tính này **thua xa** máy của tôi đang có nhưng vừa túi tiền.
- Nếu so sánh về phẩm chất thì hàng Trung Quốc **thua xa** hàng Mỹ.

- Tôi vẫn còn **kém xa** anh về tài ăn nói.
- Kỹ năng chụp hình của tôi còn **kém xa** anh.
- Tuổi của Nam **kém xa** mọi người ở đây nhưng suy nghĩ cũng trưởng thành lắm chứ.

Ngữ vựng

đăng báo	to put an ad in	so sánh	to compare
	newspaper	phẩm chất	quality
điện thoại thông minh	smart	vừa túi tiền	affordable
	phone	kỹ năng	skill
trưởng thành	mature		

C. HỌC VẦN

1. Vần “ươi, ươi, uêch, uênh”

ươi	mươi	ngươi	tươi	rươi	
ươi	cươi	lươi	rươi	tươi	
ươi	cươi	lươi	mươi	ngươi	(bỏ) sươi
ươi	bươi	sươi	(tức) tươi		
ươi	cươi	lươi	rươi		
ươi	(rũ) rươi				
ươi	nươi				
ươi	rươi				
uêch	khuêch	tuêch			
uêch	nguêch (ngoạc)				

uênh	huyênh (hoang)			

2. Tập đặt câu với những chữ mang vần “ươi, ươi, uêch, uênh”.

- Chúa Giêsu nói về việc yêu tha nhân rằng, “Những gì các **ngươi** đã làm cho một trong các anh em bé mọn nhất của Ta đây, là các **ngươi** đã làm cho chính Ta”.
- Nếu bạn muốn mua trái cây hữu cơ **tươi** thì nên đi chợ trời vào sáng Thứ Bảy để mua.
- Đám **cưới** của chú Tấn rơi vào ngày Lễ Tạ Ôn để tiện lúc gia đình khắp nơi về đây tụ họp.
- Bác Ba phải lấy **lười** bọc cây nhãn lại vì sợ chim hay dơi tới ăn.
- Hôm nay **người** tôi hơi mệt và cũng hơi **lười** nên suốt sáng đến giờ vẫn chưa làm gì.
- Những nhà có sân cỏ bỏ **sưởi** cho cỏ dại mọc và cây chết có lẽ là những nhà cho muốn.
- Ba má tôi dùng **bưởi** như trái cây chính trong mâm ngũ quả ngày Tết.
- Chú Mạnh hay bị lạnh nên dưới gầm bàn làm việc của chú phải có một máy **sưởi** nhỏ.
- Tôi đề nghị chúng ta nên tới nhà hàng Bonjour ăn món ra ru **lười** bò nấu kiểu Pháp rất ngon.
- Nhờ chị tiện dịp mua giùm em đôi giày thể thao cỡ bảy **rười** được không?
- Anh ấy ho rũ **rười** như thế thì phải đi bác sĩ khám xem phổi có chuyện gì không.
- Ngày mai tôi phải đi nha sĩ để xem lại **nướu** răng vì thấy hàm bị sưng và hơi đau.

- m) Bữa tiệc hôm nay không có **rượu** mà chỉ có bia thôi nghe!
- n) Nghe Bình **khuyến** đại việc làm của hắn mà cứ tưởng như nó có ba đầu sáu tay.
- o) Nãy giờ đầu óc cứ rối **tuếch** chẳng viết được chữ gì.
- p) Chữ viết của Hảo **nguệch** ngoạc như con giun thì đủ biết nó không giỏi văn chương.
- q) Lộc đang **huyên** hoang với các bạn về chuyện đi câu cá ngoài khơi của nó hôm qua.

Ngữ vựng

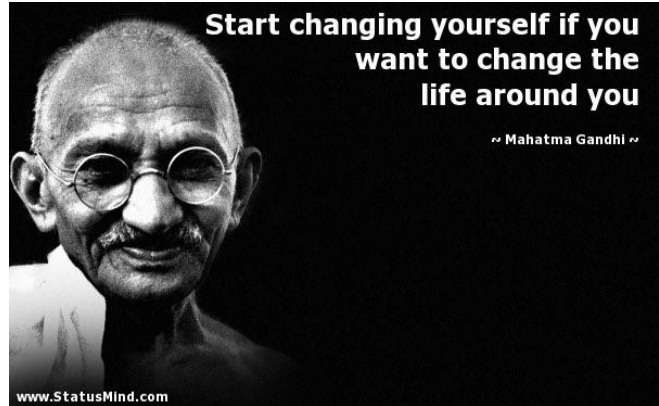
tha nhân	others	giày thể thao	athletic shoes
hữu cơ	organic	cỡ	size
tươi	fresh	ho rũ rượi	coughing (hard)
chợ trời	flea market	khám	to examine
rơi vào	to fall into	nướu rang	gum
lưới	net	khuyến đại	to amplify
nhãn	longan	rỗng tuếch	empty
bỏ sười	left untouched	nguệch ngoạc	squiggly
bưởi	grapefruit	văn chương	literature
đề nghị	to suggest	huyên hoang	to brag
lưỡi	tongue	ngoài khơi	open sea
tiện	by the way		

D. BÀI TẬP ĐỌC

Thay Đổi Chính Mình Chứ Không Phải Thế Giới

Hãy bắt đầu thay đổi chính mình nếu bạn muốn thay đổi thế giới chung quanh bạn.

Ngày xưa, có một vương quốc mà người dân sống hạnh phúc dưới sự cai quản của một ông vua tốt. Mọi người dân đều hài lòng với cuộc sống đầy đủ và không có những điều bất hạnh xảy ra.



Một hôm, nhà vua quyết định làm một chuyến du hành đi thăm những di tích lịch sử quan trọng. Ông muốn đi bộ để có thể tiếp xúc với dân chúng. Dân chúng ở những nơi xa xôi rất vui được có dịp trò chuyện với nhà vua. Họ cảm thấy hãnh diện khi biết được vua của họ là một người rất tốt bụng và tử tế!

Sau vài tuần, nhà vua trở về cung điện. Ông khá hài lòng sau khi đã đến thăm nhiều di tích lịch sử và có thể nhìn thấy thần dân của ông có một cuộc sống thoải mái. Tuy nhiên, ông vẫn có một điều không vừa ý.

Chân của ông đã bị sưng lên và đau nhói do đây là chuyến đi bộ đường xa đầu tiên của ông. Ông than phiền với các vị quan trong triều rằng đường sá không bằng phẳng và có nhiều đá sỏi. Ông đã không thể chịu nổi cơn đau nhức khi bước đi trên những con đường gập ghềnh đó.

Ông lo lắng cho người dân phải lội bộ hằng ngày trên những con đường này vì họ cũng đau đớn như ông!

Ông liền ra lệnh, ngay lập tức, dùng da bò phủ hết các con đường trên khắp nước để người dân đi bộ được êm chân.

Nhà vua nghĩ rằng ông làm điều này cho hạnh phúc của người dân.

Các quan trong triều rất ngạc nhiên khi nghe được lệnh này vì sẽ phải giết chết hàng ngàn con bò mới có đủ số lượng da và sẽ phải trả một số tiền rất lớn.

Lúc đó có một vị quan khôn ngoan tới trình với nhà vua rằng ông có một ý kiến khác.

Nhà vua hỏi ý kiến khác của ông quan là gì. Vị quan trả lời, “Tại sao nhà vua muốn giết những con bò linh thiêng để lấy da phủ các con đường? Thay vì như vậy, nhà vua chỉ cần cho người may một mảnh da bò để bọc bàn chân của nhà vua”.

Nhà vua chợt hiểu ra và hoan nghênh đề nghị của vị quan. Nhà vua liền ra lệnh làm một đôi giày da cho ông và yêu cầu thần dân của ông mang giày.

Bài học luân lý: *Nhiều người trong chúng ta chỉ biết chê trách thế giới này. Chúng ta nguyền rủa và đổ lỗi cho mọi thứ xung quanh chúng ta và không bao giờ hiểu được rằng chính chúng ta mới cần phải thay đổi. Thay đổi là chuyện không thể tránh khỏi trên đời này, và thay đổi nên bắt nguồn từ chính chúng ta.*

Giải thích chữ khó:

Sự cai quản: *the rule* – vương quốc: *kingdom* – điều bất hạnh: *misfortune* – du hành: *travel* – di tích lịch sử: *historic site* – gập ghềnh: *uneven, rough* – ra lệnh: *to order* – phủ: *to cover* – da bò: *(cow) leather* – linh thiêng: *sacred* – hoan nghênh: *to applaud* – nguyền rủa: *to curse* – đổ lỗi: *to blame*

Đ. TRẢ LỜI CÂU HỎI

(1) Người dân của vương quốc cảm thấy cuộc sống thế nào?

(2) Nhà vua đi thăm các di tích lịch sử để làm gì?

(3) Dân chúng nghĩ gì sau khi gặp được nhà vua?

(4) Sau chuyến đi, nhà vua không hài lòng về chuyện gì?

(5) Nhà vua muốn làm gì với những con đường sỏi đá?

(6) Vị quan khôn ngoan khuyên nhà vua nên làm gì?

(7) Bài học luân lý là gì?

E. BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi một cách đầy đủ

(xem phần A)

- a. Bước đầu tiên để thực tập tính khiêm nhường là bỏ đi tính tự cao tự đại hay tự ái cá nhân. Hãy cho biết phải có nhận thức thể nào mới từ bỏ được tính tự cao tự đại hay tự ái cá nhân.

- b. Hãy giải thích tại sao thực hiện khiêm nhường sẽ dễ thành công hơn trên đường đời.

- c. Tại sao khiêm nhường không phải nhút nhát mà là can đảm.

d. Tại sao người có tính ích kỷ sẽ khó khiêm nhường?

2. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần B)

(nhưng nếu) _____

(nhưng mà) _____

(hơn nhiều) _____

(hơn nhiều) _____

(thua xa) _____

(kém xa) _____

3. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần C)

(tươi) _____

(cười) _____

(lười) _____

(bưởi) _____

(rười) _____

(rượu) _____

(khuyếch đại) _____

4. Tập đọc

Tập đọc bài “Thay đổi chính mình chứ không phải thay đổi thế giới”
với sự trôi chảy và tốc độ nhanh.

Ghi chú:

1. Để có thể tiến bộ trong khả năng đọc, học sinh phải đọc từng câu cho tới khi quen lưỡn rồi mới tiếp tục đọc câu sau. Cuối cùng phải đọc lại toàn bài vào lần cho thành thuộc.

2. Hai vấn đề khó của tập đọc là nhận diện chữ để phát âm cho đúng và uốn lưỡn cho kịp nhanh. Một người không quen nói tiếng Việt thường bị khựng lại với những vấn khó và sự lên xuống của các dấu.

5. Viết chính tả bài “Thay đổi chính mình chứ không phải thay đổi thể giới”.

Ghi chú: Có thể lấy ra một phần của bài để viết.

BÀI ĐỌC THÊM

Bảy Kỳ Quan Thể Giới



Anna là một cô bé gái 9 tuổi sống tại một làng nhỏ. Cô bé đã học xong tiểu học tại trường ở làng. Cô sẽ phải lên thành phố để tiếp tục học trung học. Anna rất mừng khi biết mình được một trường trung học có tiếng

ở thành phố chấp nhận. Hôm nay là ngày đầu tiên tới trường. Cô rất háo hức.

Khi xe buýt chở cô vừa tới cổng trường thì có tiếng chuông reng và tất cả học sinh bắt đầu đi vào lớp học. Anna cũng tới lớp học của mình đứng giờ sau khi nhờ học sinh khác chỉ dẫn. Các học sinh trong lớp chú ý và xem thường Anna khi thấy cô ăn bận với quần áo đơn giản và biết được cô từ một ngôi làng nhỏ lên. Chẳng bao lâu, cô giáo vào lớp. Cô yêu cầu mọi người giữ im lặng và giới thiệu Anna với cả lớp.

Sau đó cô giáo nói với các học sinh hãy chuẩn bị cho một bài kiểm bất ngờ! Cô bảo học sinh hãy kể ra bảy kỳ quan của thế giới. Tất cả các học sinh đều có câu trả lời mau chóng, ngoại trừ Anna.

Trong khi mọi học sinh đều nộp bài kiểm thì Anna vẫn chưa xong. Cô giáo liền hỏi Anna, “Em làm bài thế nào? Đừng lo lắng quá, cứ viết xuống những gì mình biết như các học sinh khác đã học trong vài ngày qua”.

Anna trả lời, “Em nghĩ ra rất nhiều thứ nhưng không biết chọn 7 thứ gì”. Và rồi, cô cũng viết xong và nộp bài cho cô giáo. Cô giáo bắt đầu đọc câu trả lời của mỗi học sinh. Đa số học sinh đã trả lời chính xác như: Vạn Lý Trường Thành ở Trung Quốc, Đấu trường La Mã ở Rô Ma, Stonehenge ở Anh, Kim tự tháp Giza ở Ai Cập, Tháp nghiêng Pisa ở Ý, Lăng Taj Mahal ở Ấn Độ, Vườn Treo Babylon ở Iraq, v.v.

Cô giáo rất vui khi các học sinh đều nhớ rõ những gì cô đã dạy. Cuối cùng cô giáo lấy bài của Anna và bắt đầu đọc.

“7 Kỳ quan thế giới là – Có thể thấy được, Có thể nghe được, Có thể cảm nhận được, Có thể cười được, Suy nghĩ được, Tử tế được, Thương yêu được!”

Cô giáo sững sờ và cả lớp không nói nên lời. Hôm nay, một cô bé từ một ngôi làng nhỏ nhắc nhở họ về những món quà quý giá mà Thượng Đế đã ban cho họ. Đây mới chính là những kỳ quan thực sự.

Bài học: *Hãy trân quý những gì bạn có, tận dụng những gì bạn có, tin tưởng vào những gì bạn có. Bạn không nên đi tìm nguồn cảm hứng ở nơi xa xôi. Thượng Đế đã ban cho bạn tất cả những thứ cần thiết để giúp bạn đạt được các mục tiêu của mình.*

Giải thích chữ khó:

kỳ quan: *wonder*; tiểu học: *elementary school*; trung học: *high school*; chấp nhận: *to accept*; háo hức: *to excite*; chuông: *bell*; chỉ dẫn: *to direct*; chú ý: *to take notice*; xem thường: *to disregard*; giới thiệu: *to introduce*; chuẩn bị: *to prepare*; bài kiểm: *quiz*; bất ngờ: *surprised; unexpected*; bảo: *to ask*; Vạn Lý Trường Thành: *the Great Wall*; Trung Quốc: *China*; Đấu Trường La Mã: *Colosseum*; kim tự tháp: *pyramid*; Ai Cập: *Egypt*; Tháp Nghiêng: *Leaning Tower*; Ý: *Italy*; Ấn Độ: *India*; cảm nhận: *to feel*; tử tế: *kind*; sững sờ: *stunned*; trân quý: *to value*; tận dụng: *to utilize*; nguồn cảm hứng: *inspiration*; mục tiêu: *goal*

BÀI 9 – LESSON 9

TÍNH TRUNG THỰC

Honesty



A. TỔNG QUÁT VỀ TÍNH TRUNG THỰC

1. Ý nghĩa về tính trung thực

a. Trung thực là gì?

Trung thực là thành thật, công bằng, thẳng thắn, có sao nói vậy, không lừa dối, không giả dối, không đạo đức giả. Trung thực đòi hỏi phải có sự luyện tập và luôn kiểm điểm chính mình về những hành động mình làm. Trung thực cũng đòi hỏi sự can đảm tốt bụng vì khuynh hướng tự ái cá nhân sẽ ngăn chặn việc nhìn nhận lỗi lầm hay những yếu kém của mình, và từ đó dẫn tới sự không trung thực.

b. Lợi ích của sự trung thực.

- Tạo uy tín, lòng tin với người khác: Một người trung thực trong lời nói và hành động sẽ dễ lấy lòng tin của người khác. Đơn giản chỉ vì sự lừa dối không thể gạt người mãi mãi và khi bị phát giác thì tư cách của người dối gạt sẽ bị mất hết. Vì vậy, sự trung thực là nguyên tắc cần thiết và căn bản trong các liên hệ với người khác trong công việc. Điển hình là trong thương mại. Không có sự trung thực trong lời hứa hay sản phẩm làm ra sẽ bị mất khách hàng và sẽ không thành công.
- Trung thực giúp tránh những phiền phức là hệ quả của sự lừa dối. Một khi bắt đầu bằng sự lừa dối thì sẽ càng lún sâu vào lừa dối để che đậy sự lừa dối trước đây, và vì thế sẽ dẫn đến những hậu quả xấu hay thất bại trên đường đời.
- Giúp bản thân nhận ra khuyết điểm của mình để sửa chữa, tránh bị lặp lại lỗi lầm. Tập sống trung thực là tập khắc khe với khuyết điểm, lỗi lầm của mình. Vì chỉ khi nhìn nhận những lỗi lầm thì mới có thể sửa chữa những lỗi lầm đó.
- Tạo sự tự tin cho chính mình: Trung thực là có lòng can đảm nhìn nhận lỗi lầm để sửa chữa và từ đó gây nên cảm giác tự tin hơn. Vì đơn giản, một người không sợ nhìn nhận lỗi lầm và sẵn sàng chuộc lỗi thì hẳn nhiên là một người tự tin. Sự tự tin sẽ giúp mình có tư tưởng độc lập và sẽ dễ dàng thành công trong mọi việc.
- Tạo nên sắc thái riêng cho mình trong con mắt của người khác: người trung thực còn là người dám sống thực với suy nghĩ của mình, và từ đó tạo nên cho mình một sắc thái riêng biệt. Thông thường trong một đám đông có một thứ quy luật gọi là tâm lý bầy đàn. Một người hành động giống với người chung quanh thường dễ được chấp nhận hơn sự khác biệt. Nếu quá lệ thuộc vào tâm lý bầy đàn thì ta sẽ dễ đánh mất cá tính của mình và cũng đánh mất sự trung thực.

- Gây dựng lòng can đảm: Can đảm là dám làm những gì mình muốn bất kể nỗi sợ. Thường phải có nhiều nghị lực mới dám nói hay làm những điều mình nghĩ và cần phải luyện tập. Bằng việc thực hiện sự trung thực, dần dần sẽ tạo cho mình sự tự tin và tính can đảm sẽ tăng lên.
- Trung thực chứng tỏ sự trưởng thành trong suy nghĩ. Vì người trung thực không né tránh lỗi lầm hay khuyết điểm mà dám nhìn thẳng vào vấn đề. Đây chính là sự trưởng thành và bước đầu để trở thành nhà lãnh đạo trong tương lai.
- Cửa ngõ để luyện tập những đức tính khác. Thật khó có thể có những đức tính khác mà không bắt đầu bằng tính trung thực. Nếu tỏ ra khiêm nhường mà không trung thực thì chỉ là đạo đức giả. Nếu thực hiện sự biết ơn mà không trung thực thì chỉ là hành động lừa dối. Nếu tỏ ra có trách nhiệm mà không trung thực thì chỉ là đóng kịch.

Ngữ vựng

công bằng	just	phát giác	to uncover
thẳng thắn	straight	điển hình	in particular
đạo đức giả	hypocrite	hệ quả	consequence
kiểm điểm	to check	tự tin	self-confidence
khuynh hướng	tendency	chuộc lỗi	to atone for
tự ái cá nhân	personal pride	sắc thái	characteristics
ngăn chặn	to prevent	quy luật	rule
uy tín	reputation	tâm lý bầy đàn	mob psychology
đơn giản	simply	nghị lực	determination
gạt	to cheat		

2. Trung thực rất quan trọng

a. Trung thực là yếu tố căn bản để làm người tốt.

Do nhiều yếu tố, khách quan lẫn chủ quan, ngăn cản người ta tiến tới với trung thực. Có thể nói, nếu không có sự luyện tập thì tính trung thực không đến. Giống như hình ảnh một khu vườn, nếu không được chăm lo cắt tỉa thì khu vườn sẽ nhanh chóng trở thành hoang dã. Không cây ăn trái nào mọc nhanh bằng cây dại. Muốn làm người tốt thì phải như thế.

b. Trung thực là yếu tố căn bản để thành công.

Thành công đối nghịch với thất bại. Làm việc gì cũng không tránh khỏi những thất bại xảy ra. Tuy nhiên, với sự kiên trì và sáng suốt nhìn thẳng vào thất bại để học kinh nghiệm, lỗi lầm được loại ra để không bao giờ lặp lại, thì sự thành công ắt phải xảy đến. Một việc làm thành công là việc làm không còn có những thất bại cản đường. Vì thế, biết nhìn nhận lỗi lầm, do tính trung thực, sẽ đem lại những bài học kinh nghiệm, là những viên gạch trên con đường dẫn đến thành công.

c. Trung thực là yếu tố căn bản của tổ chức hay chính quyền

Một tổ chức hay chính quyền không trung thực sẽ khó đạt được sự tin tưởng của quần chúng, và từ đó sẽ dẫn đến thất bại. Một tổ chức từ thiện, nếu không làm đúng với tiêu chí từ thiện của mình thì sớm muộn cũng sẽ bị phát giác và mất uy tín. Một công ty sản xuất, nếu không làm ra những sản phẩm đáng tin cậy thì sẽ bị khách hàng lìa xa. Một chính quyền, nếu không hành xử đúng đắn, quang minh chính đại thì sẽ đánh mất lòng tin của người dân. Vì thế trung thực là chìa khóa để đem lại thành công cho tổ chức hay chính quyền.

Ngữ vựng

khách quan	objective	sản xuất	to manufacture
chủ quan	subjective	hành xử	to act
đối nghịch	to contradict	quang minh chính đại	
phát giác	to reveal	straightforward; truthful	

3. Mẫu đối thoại về tính trung thực

Hai bạn thân, Tâm và Hải bàn luận về tính trung thực.

- Tâm Chào Hải. Bạn thấy bài học về tính trung thực hôm nay thế nào?
- Hải Thật không ngờ tính trung thực quan trọng trong cuộc sống như vậy.
- Tâm Bạn biết không? Bài học này giúp tôi tìm được câu trả lời mà mình thắc mắc từ hồi nào đến giờ. Mình cứ tự hỏi, không biết một người cần phải có những đặc tính căn bản nào để thành công trên đường đời.
- Hải Tính trung thực phải không? Bạn hiểu sâu xa hơn tôi. Tôi chỉ nghĩ tính trung thực có lợi cho cuộc sống hơn là có hại như nhiều người nghĩ.
- Tâm Đây nhé. Để thành công trong bất cứ việc gì, mình phải làm đúng. Làm đúng là không phạm lỗi lầm, và để không phạm lỗi lầm thì phải nhìn nhận lỗi lầm của mình và sửa đổi. Rất nhiều trường hợp tôi thấy người ta không chịu nhìn nhận lỗi lầm và để chứng tỏ mình đúng thì người ta tiếp tục đi theo con đường sai lạc, và cuối cùng dẫn đến thất bại.
- Hải Cái này gọi là bản ngã quá lớn, hay gọi nôm na là tự ái cao phải không?
- Tâm Hóa ra chân lý là mọi chuyện đều phải bắt đầu bằng việc tự thắng bản thân mình trước.

Hải Ừ! Đúng vậy. Thật phải có tính can đảm mới trung thực trong hành động được.

Ngữ vựng

không ngờ	unexpectedly	bản ngã	ego
thắc mắc	to question	tự ái cao	high regard of oneself
từ hồi nào đến giờ	ever	chân lý	the truth
căn bản	basic		

B. CẤU TRÚC CÂU ĐÀM THOẠI

1. Cách dùng “vừa... vừa”

- Mấy ngày lễ này bận rộn đến mức phải **vừa** ăn **vừa** làm.
- Tôi thật sự khó chịu với thời tiết **vừa** nóng **vừa** ẩm của mùa hè năm nay.
- Chị **vừa** sốt **vừa** ho thì chắc có lẽ bị cúm rồi.
- Anh chị có chuyện gì gấp mà **vừa** đi **vừa** chạy vậy?
- Tôi thấy nó **vừa** học **vừa** dán mắt vào TV thì làm sao có chữ vào đầu được.

2. Cách dùng “mình”

a. Mình: nghĩa là tôi (ngôi thứ nhất số ít)

- Nếu anh cần thì **mình** cũng có thể giúp một tay.
- Các chị thích đi mua sắm thì cứ đi, còn **mình** thì chỉ thích ở nhà nấu ăn.

b. Mình: có nghĩa là chúng ta (ngôi thứ nhất số nhiều)

- **Mình** đã có tới 10 người ghi danh đi cắm trại tuần tới rồi.
- Con đường trong khu **mình** sẽ được tráng nhựa lại vào ngày mai.

c. Mình: nghĩa là nó (ngôi thứ ba)

- Chính tay Hải đã sửa chiếc xe đạp của **mình**.
- Lâm lo lắng về con chó của **mình** vừa đi lạc sáng nay.

d. Mình: lỗi xung hô thân mật giữa vợ chồng

- **Mình** ra sân hái cho em vài cọng rau quế vào ăn phở được không?
- **Mình** phải cẩn thận, đang cảm lạnh thì đừng đụng tay vào nước.

e. Mình: thân thể

- Con chó kia có lẽ bị dị ứng đồ ăn nên **mình** rụng hết lông.
- Hôm qua tôi bị lên cơn sốt và đau nhức khắp **mình** nên phải nằm trên giường cả ngày.

Ngữ vựng

thời tiết	weather	ghi danh	to register
sốt	fever	dị ứng	allergic
dán	to glue	rụng	to shed

C. HỌC VẦN

1. Vần “uya, uynh, uyt, uyu, uych, uât”

uya	khuya	tuya			
uynh	huynh	khuynh			
uỳnh	quỳnh				
uyt	buýt	huýt	quýt	suýt	tuýt
uyt	quýt	xuýt			
uyu	khuỷu				

uých	huých				
uých	huých toẹt				
uất	khuất	quất	tuất	truất	xuất
uật	luật	quật	thuật		
uây	khuây	quây			
uây	khuây	quây			
uây	quây				
uẩ	nguẩ	quẩ			
uẩ	quẩ	quẩ			

2. Tập đặt câu với những chữ mang vần “uya, uynh, uyt, uyu, uych, uât”.

- Tối nay là đêm giao thừa nên chúng ta sẽ thức **khuya** một chút để đón năm mới.
- Cái quần này đã cũ và phộc mơ **tuya** bị hư nhưng bác Lâm vẫn chưa muốn giục đi.
- Chú Nam hiện đang là một **huynh** trưởng của Liên đoàn Hướng đạo Chi Lăng.
- Ông tổng thống mới có **khuyh** hướng muốn nâng đỡ giáo dục.
- Bác Tuấn có đầy một nhà hoa **quynh** với đủ màu đủ loại khác nhau.
- Chú Phúc làm tài xế xe **buýt** trường học đã hai chục năm nay.
- Suýt** chút nữa là tôi quên phon tay ở nhà rồi.
- Đừng nên cho anh ấy mượn tiền vì anh hay **quýt** nợ lắm.

- i) Con chó nhỏ này sửa có vẻ dữ dằn nhưng chỉ cần **xuýt** một cái là nó bỏ chạy liền.
- j) Mấy đứa bé chơi rượt đuổi cả buổi chiều nên đứa nào cũng không xước **khủy** tay thì cũng trầy đầu gối.
- k) Hãy **huých** cho nó một cái để nó tỉnh ngủ.
- l) Các anh làm gì mà chạy **huỳnh huých** vào đây như ma đuổi vậy?
- m) Người ta nói sổ chị ấy sưng, chưa bao giờ phải đi làm hăng, vì chị ấy tuổi **tuất**.
- n) Tôi nghe nói Việt Nam là nước **xuất** khẩu cà phê đứng thứ nhì thế giới, phải không?
- o) Năm nay **luật** di trú sẽ khắt khe hơn vì ông tổng thống mới muốn chặn di dân lậu.
- p) Không biết anh chị có biết mệt không mà thấy anh chị làm việc quần **quật** suốt ngày.
- q) Bà ngoại không thích đi chơi đâu mà chỉ thích có con cháu **quây** quần bên cạnh.
- r) Xin mọi người đừng **quấy** rầy nó vì nó đang phải học thi để lấy bằng hành nghề của tiểu bang.
- s) Nhân viên **quầy** thịt của chợ này mới hay sao mà gói hàng không được kỹ lưỡng.
- t) Con ghé qua Little Saigon mua giùm mẹ ít dầu cháo **quẩy** để ăn cháo lòng được không?
- u) Con chó của cô Mai hiền đến nỗi gặp ai cũng **quẫy** đuôi mừng.
- v) Thấy em bé cựa **quậy** lăn qua một bên thì chắc cũng sắp thức dậy rồi.

Ngữ vựng

đêm giao thừa	newyear eve	phục mơ tuya	zipper
thức khuya	to stay late	giục đi	to throw away

huynh trưởng	leader	suýt	almost
liên đoàn hướng đạo	scout group	quỵt nợ	delinquent on a loan
khuynh hướng	tendency	trầy, xước	scratched
nâng đỡ	to support	huých	to nudge
giáo dục	education	huỳnh huých	(run with) heavy
xe buýt trường học	school bus	steps	

D. BÀI TẬP ĐỌC

Người Tài Xế Trung Thực

Vào một đêm lạnh lẽo và gió buốt. Tôi gặp lại một người bạn cũ. Chúng tôi nói chuyện thật lâu đến nỗi không biết đã đến mười giờ khuya. Chúng tôi quyết định gọi một chiếc xe lam chở chúng tôi về nhà.

Lúc này trời bắt đầu đổ mưa. Chúng tôi vội vã chạy ra lề đường vẫy tay gọi những chiếc xe lam chạy ngang. Đợi mãi mới có một chiếc chịu dừng lại đón chúng tôi.

Người tài xế xe lam hỏi chúng tôi nơi muốn đi. Không nói gì về giá cả chuyến xe, người tài xế nói, “Xin mời lên xe!” Chúng tôi cảm ơn ông ta đã dừng lại đón chúng tôi.

Vì trời rất lạnh, tôi yêu cầu người tài xế dừng lại ở một nhà hàng nhỏ hoặc quán trà để chúng tôi mua trà nóng uống. Ông ta cho xe dừng lại ở một nhà hàng nhỏ.

Chúng tôi gọi trà ra và mời người tài xế cùng dùng trà với chúng tôi. Ông ta từ chối. Tôi nài nỉ ông ta uống một ly trà cho ấm người, nhưng ông một mực từ chối.



Bạn tôi hỏi, “Ông không thích uống trà ở tiệm này hay chuyện gì khác?”

Người tài xế trả lời: “Thưa ông, tôi không cảm thấy muốn uống trà bây giờ”.

Tôi hỏi thêm, “Sao vậy, một ly trà không có hại gì mà?”

Người tài xế mỉm cười trả lời: “Cám ơn các ông, nhưng tôi xin lỗi”.

Bạn tôi hỏi, “Có phải ông có thói quen không ăn uống ở ngoài không?”

Người tài xế nói, “Không!”

Bạn tôi giận lên với người tài xế và nói: “Có phải ông nghĩ chúng tôi không đủ tư cách để uống với ông một ly trà không?”

Người tài xế vẫn im lặng không trả lời.

Tôi thật sự ngạc nhiên với cách cư xử của người tài xế và yêu cầu bạn tôi không nên ép buộc ông ta.

Khoảng 15 phút sau, chúng tôi về đến nhà. Chúng tôi trả tiền xe và người tài xế cảm ơn chúng tôi.

Tôi chặn ông ta lại để hỏi tại sao ông từ chối không uống trà.

Ông suy nghĩ một lúc rồi trả lời: “Thưa ông, con trai tôi qua đời vào buổi trưa hôm nay trong một tai nạn lưu thông. Tôi không có đủ tiền cho đám tang của con tôi. Vì vậy, tôi hứa sẽ không uống ngay cả nước, cho đến khi tôi kiếm được đủ tiền cho đám tang của con trai tôi. Đó là lý do tại sao tôi không uống trà khi các ông mời. Xin đừng hiểu lầm”.

Cả hai chúng tôi thật bàng hoàng khi nghe chuyện này và tặng ông ta một số tiền cho đám tang của con trai ông.

Tôi nói, “Xin ông vui lòng nhận tấm lòng thành của chúng tôi”.

Ông ta lịch sự từ chối, “Cám ơn sự hào phóng của các ông. Trong một hoặc hai giờ nữa, nếu tôi có được một hoặc hai khách hàng, tôi sẽ kiếm đủ số tiền tôi cần”. Và ông ta lái xe chạy đi.

Ông tài xế có thể tính tiền chúng tôi gấp đôi hoặc thậm chí gấp ba giá bình thường do trời mưa. Tuy nhiên, ông chỉ tính giá bình thường. Mặc dù với hoàn cảnh túng quẫn, trong cơn buồn khổ, người tài xế vẫn trung thực và giữ vững lời hứa của mình!

Hãy trung thực với mọi người, bởi vì trung thực là con đường đúng đắn.

Giải thích chữ khó:

tài xế: *driver* – trung thực: *honest* – xe lam: *auto rickshaw* – chở: *to carry, transport* – nài nỉ: *to ask* – một mực: *consistently* – thói quen: *habit* – không đủ tư cách: *not equal status* – cách cư xử: *behavior* – tai nạn lưu thông: *traffic accident* – đám tang: *funeral* – hứa: *to promise* – bàng hoàng: *shocked* – tấm lòng thành: *honest intention* – hào phóng: *generosity* – hoàn cảnh túng quẫn: *poor situation* – cơn buồn khổ: *sorrow*

Đ. Trả lời câu hỏi

(1) Trên đường đi, những người khách đi xe muốn dừng lại ở đâu và để làm gì?

(2) Người tài xế làm gì khi được những người khách mời uống trà?

(3) Lý do gì mà người tài xế từ chối uống trà được mời?

(4) Sau đó những người khách muốn tặng gì cho ông tài xế ta?

(5) Hãy cho biết cảm tưởng về câu chuyện. Bài học dạy cho ta bài học gì?

E. BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi một cách đầy đủ

(xem phần A)

a) Hãy cho biết tại sao phải thực tập tính trung thực? Những cá tính gì thường cản trở tính trung thực?

b) Cho biết hai yếu tố giúp đưa người có tính trung thực đến thành công?

c) Giải thích lý do tại sao sự lừa dối khó dẫn đến thành công?

d) Hãy cho biết hai lý do tại sao chúng ta đôi khi tỏ ra không trung thực.

2. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần B)

(vừa... vừa) _____

(vừa... vừa) _____

(mình) _____

(mình) _____

(mình) _____

3. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần C)

(khuya) _____

(khuyến hướng) _____

(huyết sáo) _____

(sản xuất) _____

(quy luật) _____

(quây quần) _____

(cựa quậy) _____

4. Tập đọc

Tập đọc bài “Người tài xế trung thực” với sự trôi chảy và tốc độ nhanh.

Ghi chú:

1. Để có thể tiến bộ trong khả năng đọc, học sinh phải đọc từng câu cho tới khi quen lười rồi mới tiếp tục đọc câu sau. Cuối cùng phải đọc lại toàn bài vào lần cho thành thuộc.

2. Hai vấn đề khó của tập đọc là nhận diện chữ để phát âm cho đúng và uồn lười cho kịp nhanh. Một người không quen nói tiếng Việt thường bị khựng lại với những vần khó và sự lên xuống của các dấu.

5. Viết chính tả bài “Người tài xế trung thực”.

Ghi chú: Có thể lấy ra một phần của bài để viết.

BÀI ĐỌC THÊM

Chuyến Giao Hàng Cuối Cùng



Một cặp vợ chồng giàu có sửa soạn tổ chức bữa tiệc tân niên lớn tại nhà. Họ ra chợ để mua sắm mọi thứ cần thiết. Họ muốn buổi tiệc phải sang trọng nên không ngại mua những đồ vật và thức ăn mắc tiền. Sau khi mua tất cả những thứ cần thiết, họ gọi một người phu chở hàng để mang mọi thứ về nhà họ. Người phu chở hàng là một già trông ốm yếu với bộ quần áo rách rưới, có vẻ như rất nghèo và không kiếm đủ tiền để sống.

Cặp vợ chồng hỏi giá cả. Ông lão giao hàng cho biết giá chỉ có 20 đồng thôi, thấp hơn nhiều so với giá bình thường để giao một lượng hàng nhiều cỡ này. Tuy nhiên, cặp vợ chồng vẫn tiếp tục trả giá và cuối cùng thỏa thuận với ông lão với giá 15 đồng. Ông lão chở hàng đang cần có tiền nên đành phải chấp nhận số tiền nhỏ nhoi này.

Cặp vợ chồng rất vui vì đã mặc cả được giá rẻ. Họ trả tiền cho ông lão, rồi đưa địa chỉ để ông giao hàng tới nhà. Một lúc sau cặp vợ chồng về tới nhà nhưng chưa thấy đồ đạc của mình tới. Họ chờ một tiếng đồng hồ, rồi hai tiếng mà vẫn chưa thấy ông lão tới giao hàng.

Người vợ bắt đầu nổi giận với chồng, “Tôi đã nói với ông rồi, không nên tin ông già đó, nhưng ông không bao giờ nghe tôi. Một người thậm chí không thể kiếm được đủ tiền cho một bữa ăn mà ông giao cho hẳn tất cả những thứ cần thiết để làm một bữa tiệc lớn. Tôi chắc chắn thay vì giao hàng

tối đây, ông ta đã cao chạy xa bay rồi. Chúng ta phải ngay lập tức trở lại chợ hỏi thăm về ông già đó rồi đi báo cảnh sát”.

Hai vợ chồng lên đường đi tối chợ. Khi gần tối chợ, họ thấy một người chở hàng khác. Họ chặn người này lại để hỏi thăm về ông lão chở hàng và chợt thấy ông ta đang mang đồ đạc của họ trong xe! Người vợ giận dữ hỏi ông ta, “Tên trộm già kia đâu rồi? Đây là đồ đạc của chúng tôi và ông ta đáng lẽ phải mang tới cho chúng tôi. Phải chăng những tên trộm các người đang mang đồ của chúng tôi đi bán?”

Người chở hàng trả lời, “Thưa bà, xin bà hãy bình tĩnh. Ông lão nghèo khổ kia đã bị bệnh từ tháng trước. Ông ấy thậm chí không kiếm đủ một bữa ăn trong ngày. Khi ông đang trên đường đưa những đồ đạc này tới cho ông bà, ông ta đã ngã quỵ dưới trời nắng gắt của buổi trưa. Ông đã đưa cho tôi 15 đồng để tôi chuyển lối hàng này. Những lời cuối cùng của ông ta là: “Tôi đã lấy tiền trước để giao hàng, xin bạn lấy số tiền này và giúp tôi đưa món hàng tới địa chỉ này”.

“Thưa bà, ông ta đói, ông ta nghèo, nhưng ông là một người thành thật. Tôi đang trên đường để hoàn thành chuyển giao hàng cuối cùng của ông lão tới nhà ông bà”. Sau khi nghe những lời này, người chồng ứa nước mắt và người vợ cảm thấy xấu hổ.

Bài học: Sự trung thực không có giai cấp. Hãy tôn trọng mọi người bất kể hoàn cảnh giàu nghèo hay vị thế trong xã hội của họ.

Giải thích chữ khó:

giao hàng: *to deliver*; tiệc tân niên: *New Year party*; giá cả: *price*; hàng: *goods, cargo*; trả giá, mặc cả: *to bargain*; thỏa thuận: *to agree*; cao chạy xa bay: *to run away*; báo: *to inform*; cảnh sát: *police*; bình tĩnh: *to calm down*; thậm chí: *even*; lối hàng: *load of shipment*; hoàn thành: *to complete*; ứa nước mắt: *to have tears in eyes*; xấu hổ: *ashamed*; giai cấp: *class*; tôn trọng: *to respect*; hoàn cảnh: *status, situation*

BÀI 10 – LESSON 10

LÒNG YÊU NƯỚC

Patriotism



A. TỔNG QUÁT VỀ LÒNG YÊU NƯỚC

1. Ý nghĩa về lòng yêu nước

a. Yêu nước là gì?

Yêu nước là quan tâm và chăm lo cho đất nước, quê hương của mình.

b. Thể hiện tình yêu nước thế nào?

Hai giá trị quan trọng của một đất nước là lãnh thổ và người dân. Đất nước Việt Nam ngày nay là kết quả của công sức hai ngàn năm bảo vệ bờ cõi của tiền nhân trước các cuộc xâm lăng của quân Tàu phương Bắc. Yêu nước

Việt Nam có nghĩa phải luôn nuôi ý chí bảo vệ từng tấc đất của quê hương không để lọt vào tay quân xâm lược phương Bắc. Mất nước là mất tất cả.

Giá trị thứ hai là người dân. Con người sinh ra ai cũng có quyền được sống và được hưởng tự do. Đây là những quyền do Thượng Đế ban cho, dứt khoát không phải do bất cứ nhóm cai trị hay nhà cầm quyền nào ban cho. Vì vậy yêu nước là yêu và bảo vệ nhân quyền căn bản của người dân. Một người yêu nước là người luôn hết lòng bảo vệ tự do của mình và của đồng bào mình. Một nhà cầm quyền bắt buộc người dân yêu thể chế của họ thì không thể là một nhà cai trị chính danh, vì bốn phận đích thực của nhà cầm quyền chính danh là bảo vệ tổ quốc và bảo đảm tự do của người dân. Nhà cầm quyền chính danh phải biết làm theo ý dân. Bằng việc bảo vệ tự do, người yêu nước góp phần vào sự tồn vinh của đất nước và người dân Việt.

c. Vài hành động chưa hẳn là yêu nước thực sự.

- Vấy cờ: vậy cờ, về bề ngoài, biểu lộ tình yêu nước. Nhưng chỉ vậy thôi thì chỉ là biểu tượng.
- Yêu nước với ý nghĩa đất nước là sông núi địa hình, với đồng ruộng, cánh rừng, sông hồ chẳng? Chẳng ai có thể hy sinh mạng sống mình vì yêu những quang cảnh thơ mộng này.
- Yêu nước cũng chẳng phải tuân phục giới cầm quyền một cách mù quáng hay tin vào một chủ thuyết hứa hẹn tương lai tươi đẹp viễn vông.
- Yêu nước là đi bầu? Nhiều người đi bầu chỉ vì phe phái, mong phe ta thắng để có thể hưởng lợi trên sự mất mát của phe kia.

Ngữ vựng

quan tâm	to concern	bờ cõi	territory
thể hiện	to show	tiền nhân	ancestor
lãnh thổ	sovereignty	cuộc xâm lăng	invasion

quân xâm lược	aggressor	nhân quyền	human rights
quyền	right	đồng bào	countrymen
dứt khoát	definitely	thể chế	regime
người cai trị	ruler	chính danh	righteous
nhà cầm quyền	authority	sự tồn vinh	existence

2. Yêu nước trong điều kiện đất nước Việt Nam ngày nay

Học Tiếng Việt để bảo tồn bản chất Việt Nam của mình, như câu nói, “Tiếng Việt còn thì Người Việt còn”. Không biết Tiếng Việt thì không thể hiểu được bản chất Việt như thế nào.

Siêng năng học hành để thành đạt, làm rạng danh dòng giống Việt. Người Việt ở hải ngoại chỉ là thiểu số nên khó có thể nổi danh nếu không có những cá nhân hay cộng đồng xuất sắc. Con đường học vấn chính là chìa khóa để đạt tới thành công.

Tham gia sinh hoạt cộng đồng để giúp cộng đồng người Việt thêm vững mạnh: Các cộng đồng người Việt khắp nơi chính là cái nôi nuôi dưỡng những thế hệ người Việt đầu tiên. Cái nôi này sẽ không tồn tại nếu thế hệ đầu tiên mất đi và thế hệ kế tiếp không biết nuôi dưỡng. Cái nôi cộng đồng luôn luôn cần thiết đối với bất cứ nhóm di dân thiểu số nào, vì là chỗ trở về duy nhất cho những ai muốn tìm lại sự ấm áp của tình đồng bào và hương vị quê hương.

Tìm hiểu văn hóa Việt Nam để tránh bản thân bị mất gốc: Một người không hiểu văn hóa Việt Nam sẽ không thể có suy nghĩ hay lối sống của người Việt được. Hay nói cách khác, cho dù sinh ra hay sống ở một nước bên ngoài Việt Nam, một người không nhất thiết phải đánh mất nguồn gốc của mình. Việc tìm về nguồn gốc phải bắt đầu bằng việc tìm hiểu và trân quý các giá trị văn hóa Việt Nam.

Tìm hiểu cuộc sống quá khứ cũng như suy nghĩ của ông bà, cha mẹ để tạo sự thông cảm và trân quý những gì ông bà, cha mẹ mang lại cho mình. Một người biết lẽ phải thì phải biết quý trọng đáng sinh thành của mình. Sự quý trọng này chỉ có thể thực hiện nghiêm chỉnh bằng cách tìm hiểu đời sống và những suy nghĩ của ông bà, cha mẹ. Và từ hiểu biết mới dẫn đến cảm thông và yêu quý những gì mình đang được hưởng.

Tìm hiểu về đất nước Việt Nam hiện nay, một đất nước đang bị đầy đọa dưới ách cộng sản vô thần, để nhận biết những gì cần phải làm để đưa đất nước Việt Nam thoát khỏi bóng đêm cộng sản và người dân Việt Nam có được tự do dân chủ. Nếu không hiểu biết Việt Nam thì khó có thể góp tay giúp Việt Nam có tự do dân chủ được. Là người có nguồn gốc Việt Nam và yêu nước Việt Nam thì phải góp bàn tay giúp cho đất nước.

Ngữ vựng

bảo tồn	to conserve	mất gốc	rootless
bản chất	nature, essence	nhất thiết	necessary
làm rạng danh	to make a name	trân quý	to cherish
dòng giống	race	đáng sinh thành	parents
thiểu số	minority	ách	yoke, burden
cộng đồng	community		

3. Mẫu đối thoại về lòng yêu nước

Trong giờ thảo luận, thầy giáo và học sinh cùng bản thảo về lòng yêu nước.

Thầy giáo: Bây giờ là giờ thảo luận. Các em có thể hỏi hay nêu ra bất cứ ý kiến nào về bài học lòng yêu nước mà chúng ta vừa đọc qua.

Hải: Thưa thầy em có thắc mắc. Như chúng em lớn lên ở Mỹ, chúng em mang quốc tịch Mỹ thì yêu nước Mỹ là chuyện dễ hiểu,

nhưng bài học lại nói về việc yêu nước Việt Nam. Đối với chúng em, nước Việt Nam hoàn toàn không có kỷ niệm gì.

Thầy giáo Em có thắc mắc chính xác lắm. Đối với những dân tộc khác hay những người bỏ nước mình sang một nước khác để kiếm sống thì hoàn toàn đúng theo suy nghĩ của em. Những người di dân này ra đi là đã chọn lựa quê hương mới rồi. Còn trường hợp người Việt Nam thì khác. Các em thử suy nghĩ xem khác thế nào?

Chi Thưa thầy em nghĩ có lẽ vì tinh thần “uống nước nhớ nguồn” của người Việt Nam nên phải luôn ghi nhớ nơi tổ tiên mình sinh ra.

Tú Thưa thầy, em nghĩ một giống dân, cho dù sống ở đâu, nếu không có một mảnh đất giành riêng cho mình thì sẽ dần dần bị đồng hóa. Như em thấy người da đỏ ở Mỹ này đây. Vì một số dân da đỏ không còn đất riêng của họ nên giống nòi của họ cũng dần dần bị biến mất.

Linh Thưa thầy, em nghĩ rằng hoàn cảnh người Việt Nam bỏ nước ra đi khác với những giống dân khác, như người Nam Mỹ chẳng hạn. Người Việt Nam bỏ nước ra đi vì muốn chạy trốn chế độ cộng sản độc tài. Họ vì bị áp bức mà ra đi chứ không phải đi tìm cuộc sống mới. Vì thế quê hương thực sự của người Việt ở Mỹ vẫn là Việt Nam chứ không phải ở đây.

Thầy giáo Cả ba em đã nói lên hết ý chính rồi. Đúng vậy. Người Việt Nam có truyền thống uống nước nhớ nguồn, ghi ơn ông bà tổ tiên và không bao giờ quên nơi “chôn nhau cắt rốn” của mình. Hơn nữa, người Việt Nam ra nước ngoài nhiều, và đặc biệt là ở Mỹ, nhân biến cố 30 tháng 4 năm 1975, là ngày cộng sản Miền Bắc Việt Nam thắng thế và chiếm Miền Nam. Người ta ra đi không phải để tìm quê hương mới mà bị đuổi khỏi quê hương của mình. Vì thế quê hương của người Việt Nam nước ngoài vẫn chỉ là Việt Nam.

- Thức Thưa thầy, quê hương là Việt Nam đối với những người sinh ra ở Việt Nam thì có thể hiểu được, nhưng đối với những người sinh ra ở Mỹ như chúng em thì thế nào? Em chưa hiểu.
- Thầy giáo Cha mẹ các em sinh các em ra ở Mỹ nên các em mang quốc tịch Mỹ. Tuy nhiên các em là hy vọng cho đất nước Việt Nam sau này. Đất nước Việt Nam cần phải tồn tại để dân tộc Việt Nam còn tồn tại. Người Việt Nam ở Mỹ hay trên thế giới sẽ mất đi căn cước của mình nếu đất nước Việt Nam không còn. Và để cho đất nước tồn tại và phát triển thì Việt Nam phải trở thành một đất nước tự do và dân chủ. Vì thế, sau này khi lớn lên, các em nên góp công sức vào công cuộc dân chủ hóa Việt Nam.

Ngữ vựng

đồng hóa	assimilation	nơi chôn nhau cắt rốn	birthplace
độc tài	dictatorial	biến cố	incident
bị áp bức	to be oppressed	dân chủ hóa	democratization

B. CẤU TRÚC CÂU ĐÀM THOẠI

1. Cách dùng “không những... mà”

- Nhà của chị **không những** đẹp **mà** mọi thứ đều bóng như gương.
- Chị nên chờ tới ngày Thứ Sáu Đen để sắm đồ dùng, **không những** giá thật rẻ **mà** còn rất nhiều thứ để lựa chọn.
- Đi cắm trại **không những** vui **mà** còn hiểu biết thêm về thiên nhiên.

2. Cách dùng “tuy... nhưng”

- Cuốn truyện này **tuy** dài **nhưng** rất có ý nghĩa.
- Những trái cam này **tuy** xấu xí bên ngoài **nhưng** rất ngọt.

- Tham gia công việc thiện nguyện **tuy** không mấy hứng thú **nhưng** giúp mình học hỏi và cảm nghiệm được rất nhiều điều.

3. Cách dùng “giá mà, giá như”

- **Giá mà** tôi mua nhà năm ngoái thì đã tiết kiệm được ít nhất hai chục ngàn rồi.
- **Giá mà** tôi nghe bạn học của đó lục cá nguyệt trước thì bây giờ không bị trễ ngày ra trường.
- **Giá mà** con chó này biết nói thì nó sẽ cho mình biết đang bị đau ở đâu.
- **Giá như** bạn còn ở lại đây thêm một ngày nữa thì xin mời bạn tới nhà tôi chơi.
- **Giá như** trận đấu bóng rổ với đội lớp 10 hôm qua có bạn Tiến thì chúng ta không bị thua.
- **Giá như** có nhiều tiền hơn, tôi đâu có mở nhà hàng nhỏ thế này.

Ngữ vựng

bóng	shiny	tiết kiệm	to save
Thứ Sáu Đen	Black Friday	cua	course
có ý nghĩa	meaningful	lục cá nguyệt	semester
cảm nghiệm	to experience	ngày ra trường	graduation day

C. HỌC VẦN

1. Vần “uât, uây, uyên, uyêt, iêng, yên, yêng, yêm, yêt, yêu”

uyên	chuyên	duyên	khuyên	nguyên	tuyên
uuyền	chuyển	luyện	khuyến	quyển	tuyển
uyền	chuyền	huyền	nguyên	quyền	thuyền
uuyền	chuyển	khuyến	quyển	suyển	tuyển

uỹn	huyỹn	nhuỹn	nguyỹn	suyỹn	
uỵn	chuyỵn	huyỵn	luyỵn	nguyỵn	quỵn
uỷt	huyỷt	khuyỷt	quỷt	thuyỷt	tuyỷt
uỵt	duỵt	huyỵt	nguyỵt	tuyỵt	
iêng	chiêng	khiêng	nghiêng	siêng	thiêng
iểng	biểng	điểng	miểng	tiểng	viểng
iềng	giềng	riềng	xiềng		
iẻng	kiẻng	miẻng	xiẻng liẻng		
iễng	kiễng				
iệng	liệng	miệng			
yên	yển	yểng			
yểm trợ					
yết kiến					
yêu mến	yếu ớt	yếu điệu			

2. Tập đặt câu với những chữ mang vần “uây, uyên, uyêt, iêng, yên, yêng, yêm, yêt, yêu”.

- Hãy đem xe tôi cho chú Tào xem vì hiệu xe BMW thuộc **chuyên** môn của chú ấy.
- Hộp bánh Pháp vẫn còn **nguyên** chưa ai đụng tới vì người trong nhà này không thích đồ ngọt.
- Các anh nên đi sớm một tiếng trước **chuyến** bay để không bị trễ.
- Thằng bé này không thích học và hơi cứng đầu nên phải có thái độ nhỏ nhẹ để **khuyến** khích nó.

- e) Tôi **nguyên** sẽ đi theo nghệ thuật âm nhạc suốt đời vì tôi không thể sống mà không có nó.
- f) Sau khi làm xong bài tập, ba má cho Vinh có **quyền** xem ti vi khoảng một tiếng trước khi đi ngủ.
- g) Lớp học của chúng ta đã được **chuyển** lên lầu hai vì phòng cũ cần phải được sửa chữa.
- h) Khi nào đội **tuyển** bóng rổ trường mình đấu với đội trường khác thì tôi nhất định phải đi xem.
- i) Tôi nghe nói ông ấy bị bệnh **suyễn** từ hồi nhỏ tới giờ phải không?
- j) Chúng ta cần khoảng ít nhất ba buổi tập hát thì mới có thể hát nhuần **nhuyễn** được.
- k) Hưng mê võ thuật dữ lắm nên ngày nào anh ấy cũng tập **luyện** đánh **quyền** cả tiếng đồng hồ.
- l) Buổi lễ nhân ngày Ba Mươi Tháng Tư sẽ dành để cầu **nguyện** cho đất nước Việt Nam mình mau chóng thoát khỏi ách cộng sản vô thần.
- m) Chiếc áo đầm này được may rất đẹp nhưng cô ấy không chịu mua chỉ vì một **khuyết** điểm nhỏ.
- n) Trên lý **thuyết**, từ nhà tôi tới khu Little Saigon chỉ khoảng nửa tiếng lái xe nhưng nhiều khi phải đi cả tiếng mới tới vì kẹt xe.
- o) Trời lạnh thế này mà có một tô phở nóng thì thật là **tuyệt**!
- p) Anh có thể phụ tôi **khiêng** cái máy in nặng nề này qua phòng bên kia được không?
- q) Chị **siêng** năng thế này thì chắc môn học nào cũng lấy điểm A.
- r) Hôm nay trời nóng nên tôi làm **biếng** chẳng muốn làm việc gì.
- s) Những **tiếng** nổ lực bực bên ngoài là **tiếng** pháo bông của Disleyland bắn mỗi tối đây.
- t) Tuy láng **giềng** của tôi hầu hết là người Á Châu nhưng nhà nào cũng trưng đèn Giáng Sinh đủ màu.

- u) Đây là chậu hoa lan **kiểng** hiếm quý mà tôi đã nuôi cả 5 năm nay và mãi tới giờ mới trở bông.
- v) Xin anh đứng đằng sau chịu khó **kiểng** chân cao hơn một chút để chúng tôi thấy mặt.
- w) Xin đừng **liệng** các chai lọ đi mà giữ lại để tôi đem bán gây quỹ giúp người nghèo.
- x) Bác Công rất **yêu** nước Việt Nam và bỏ ra nhiều giờ mỗi ngày để viết bình luận cổ động dân chủ cho Việt Nam.
- y) Các anh trai khỏe mạnh đầu rồi, sao để cho mấy cô thiếu nữ **yêu ới** làm công việc khiêng bàn ghế thể này.

Ngữ vựng

hiệu	brand	võ thuật	martial arts
chuyên môn	specialized	đánh quyền	to practice
còn nguyên	intact	martial arts lessons	
chuyến bay	flight	vô thần	atheist
thái độ	attitude	khuyết điểm	defect
khuyến khích	to encourage	lý thuyết	theory
nguyên	to promise	cây kiểng	ornamental plants
nghệ thuật	art	trở bông	to bloom
âm nhạc	music	chịu khó	please
quyền	right	kiểng chân	to tiptoe
chuyển	to move	liệng	to throw away
đội tuyển	(basketball) team	gây quỹ	to fundraise
nhất định	definitely	bình luận	chronicle
bệnh suyễn	asthma	cổ động	to support
nhuần nhuyễn	smoothly	dân chủ	democracy

D. BÀI TẬP ĐỌC

Abraham Lincoln

Abraham Lincoln là vị tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ. Ông là con của một nông dân nghèo. Nhưng với tính trung thực và chăm chỉ làm việc, ông đã trở nên một vĩ nhân ngay ở thời đại của mình. Ông sinh ngày 12 tháng 2 năm 1809 tại Hạt Hardin, Kentucky. Cha mẹ của ông là Thomas Lincoln và Nancy Hanks Lincoln.



Từ thuở bé, Abraham Lincoln đã phải giúp cha mẹ trong công việc đồng áng. Nhiều lúc ông không thể đi học vì quá bận với công việc ở nhà và ngoài đồng; nhưng ông rất thích đọc sách. Ông thường thức khuya để đọc sách và giải các bài toán. Việc học của ông đa phần là tự học vì tổng số thời gian tới trường của ông chưa đầy một năm.

Có lần Lincoln muốn đọc một quyển sách mà ông không có tiền để mua. Ông đã đi bộ hai mươi dặm chỉ để mượn hàng xóm quyển sách đó; đó là cuốn tiểu sử của George Washington, vị Tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ. Ông thích cuốn sách đến nỗi không thể bỏ sang một bên cho đến khi đọc hết.

Khi lên 22 tuổi, năm 1831, ông dọn đến thị trấn New Salem ở Tiểu bang Illinois, và tiếp tục tự học bằng cách mượn sách về các môn học như văn phạm, lịch sử, toán học và luật pháp. Ông đã làm nhiều loại công việc khác nhau trước khi trở thành một luật sư nổi tiếng. Ông dần dần bị cuốn hút vào chính trị. Từ năm 1847 đến năm 1849, Lincoln phục vụ một nhiệm kỳ duy nhất trong Hạ viện Liên bang. Ông đã phục vụ trong Quốc hội Tiểu bang Illinois qua nhiều nhiệm kỳ. Trong thời gian đó, ông theo học luật và

bắt đầu làm luật sư. Mặc dù Lincoln thua Douglas trong cuộc chạy đua vào Thượng viện Hoa Kỳ, ông đã được bầu trở thành Tổng thống vào năm 1860. Lincoln tái đắc cử vào tháng 11 năm 1864. Ông muốn giữ cho đất nước được thống nhất với bất cứ giá nào. Một cuộc nội chiến đã nổ ra giữa các tiểu bang miền Bắc và miền Nam. Ông đã dũng cảm chiến đấu và tuyên bố: “Một quốc gia không thể tồn tại với một nửa không và một nửa có nô lệ.” Ông đã chiến thắng và giữ cho đất nước được thống nhất.

Năm 1862, Lincoln tuyên bố rằng từ nay trở đi tất cả nô lệ sẽ được tự do. Điều này đã làm ông trở nên nổi tiếng. Lincoln đã bị John Wilkes Booth ám sát vào ngày 14 tháng 4 năm 1865 và qua đời ngày hôm sau.

Giải thích chữ khó:

tổng thống: *president* – tính trung thực: *honesty* – vĩ nhân: *great man* – thời đại: *time* – hạt: *small city* – đồng áng: *field* – giải: *to solve* – toán: *math* – đa phần: *majority* – chưa đầy một năm: *less than a year* – tiểu sử: *biography* – tự học: *self-education* – văn phạm: *grammar* – lịch sử: *history* – phục vụ: *to serve* – luật pháp: *law* – luật sư: *lawyer* – bị cuốn hút: *to be drawn into* – chính trị: *politics* – nhiệm kỳ: *term* – Hạ viện: *House of Representatives* – Quốc hội: *Congress* – liên bang: *federal* – cuộc chạy đua: *race* – Thượng viện: *Senate* – tái đắc cử: *reelected* – thống nhất: *to unite* – bất cứ giá nào: *any price* – nội chiến: *civil war* – dũng cảm: *bravely* – tuyên bố: *to declare* – nô lệ: *slave* – ám sát: *to assassinate*

Đ. TRẢ LỜI CÂU HỎI

(1) Tính tình Abarham Lincoln thế nào?

(2) Việc học thời trẻ của Lincoln thế nào?

(3) Cuốn sách gì đã làm Lincoln phải đi bộ 20 dặm để mượn?

(4) Lincoln làm mấy nhiệm kỳ trong Quốc hội Liên bang Hoa Kỳ?

(5) Lincoln được bầu làm tổng thống năm nào?

(6) Lincoln nổi tiếng về công trạng gì?

(7) Lincoln nói gì về chế độ nô lệ?

E. BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi một cách đầy đủ

(xem phần A)

- a. Hãy cho biết một việc làm có ý nghĩa “bảo vệ lãnh thổ”, ngoại trừ việc tham gia quân đội.

- b. Bảo vệ những giá trị về nhân quyền là yêu nước. Hãy cho biết một quyền căn bản của con người và giải thích tại sao phải bảo vệ nó.

- c. Giải thích lý do tại sao trung thành với một đảng phái không hẳn là yêu nước.

- d. Tìm hiểu về văn hóa, con người và đất nước Việt Nam là yêu nước. Hãy giải thích về điều này.

2. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần B)

(không những... mà) _____

(không những... mà) _____

(tuy... nhưng) _____

(tuy... nhưng) _____

(giá mà) _____

(giá như) _____

3. Đặt câu với những chữ cho sẵn.

(xem phần C)

(chuyên môn) _____

(chuyến thăm) _____

(quyền lợi) _____

(thi tuyển) _____

(cầu nguyện) _____

(khuyết điểm) _____

(ngiên) _____

(tiếng) _____

(liệt) _____

(yếu ớt) _____

4. Tập đọc

Tập đọc bài “Abraham Lincoln” với sự trôi chảy và tốc độ nhanh.

Ghi chú:

1. Để có thể tiến bộ trong khả năng đọc, học sinh phải đọc từng câu cho tới khi quen lười rồi mới tiếp tục đọc câu sau. Cuối cùng phải đọc lại toàn bài vào lần cho thành thuộc.

2. Hai vấn đề khó của tập đọc là nhận diện chữ để phát âm cho đúng và uồn lười cho kịp nhanh. Một người không quen nói tiếng Việt thường bị khựng lại với những vần khó và sự lên xuống của các dấu.

5. Viết chính tả bài “Abraham Lincoln”.

Ghi chú: Có thể lấy ra một phần của bài để viết.

BÀI ĐỌC THÊM

Hai Bà Trưng

Lịch sử Việt Nam là một cuộc chiến đấu không ngừng nghỉ suốt thời gian hai ngàn năm để chống lại sự bành trướng của người Tàu phương



Bắc. Sự chống cự bền bỉ suốt thời gian dài này ắt phải có nguồn gốc từ bản chất đặc biệt của người Việt Nam. Vậy bản chất hay truyền thống quật cường của người Việt Nam bắt đầu từ lúc nào? Nhiều sử gia đều đi đến cùng kết luận rằng, truyền thống chống ngoại xâm của người Việt Nam bắt nguồn từ cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng.

Vào năm 207 trước Công Nguyên (TCN), Triệu Đà, lập nghiệp ở vùng Quảng Đông – Quảng Tây, đem binh thôn tính Âu Lạc của Thục Phán An Dương Vương. Triệu Đà chiếm được Âu lạc và lập nên nước Nam Việt, chấm dứt thời kỳ Hùng Vương và khởi đầu đặt nước ta dưới sự đô hộ của phương Bắc. Nam Việt của Triệu Đà tồn tại đến năm 111 TCN thì mất vào tay nhà Tây Hán. Sau đó, nhà Hán đổi Nam Việt thành Giao Chỉ Bộ gồm 9 quận.

Hai bà Trưng là con của lạc tướng huyện Mê Linh, thuộc quận Giao Chỉ. Trưng Trắc là chị, kết hôn với Thi Sách, con trai của lạc tướng huyện Châu Diên cũng thuộc quận Giao Chỉ. Năm 34 CN, nhà Đông Hán cử Tô Định sang làm thái thú quận Giao Chỉ. Tô Định là người bạo ngược, cai trị hà khắc, khiến dân tình ta oán. Vợ chồng Thi Sách chuẩn bị dậy binh khởi nghĩa để đánh đuổi ngoại xâm, nhưng chưa kịp khởi binh thì Tô Định đã đánh chiếm Châu Diên và giết chết Thi Sách vào năm 40 CN. Trưng Trắc thay chồng, đứng lên lãnh đạo nghĩa quân tiếp tục cuộc kháng chiến. Nhiều quận khác như Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố cũng theo về dưới lá cờ Hai Bà Trưng. Quân Hai Bà Trưng nhanh chóng chiếm được nhiều thành trì (sử sách cho biết con số tới 65 thành trì). Tô Định thua trận và bỏ chạy về Tàu.

Sau đó Trưng Trắc xưng vương lấy hiệu là Trưng Nữ Vương và đóng đô ở huyện Mê Linh. Năm 41 CN, nhà Hán cử Mã Viện mang quân tiến đánh Hai Bà Trưng. Quân hai bà bị thua phải rút về giữ đất Cẩm Khê (phía tây nam huyện Mê Linh). Cẩm cự được 2 năm, đến năm 43 CN, quân Hai Bà Trưng bị thua trận hoàn toàn. Cuối cùng, hai bà gieo mình xuống sông Hát Giang tự tử vào ngày 6 tháng 2 năm Quý Mão (43 CN).

Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng mang hai yếu tố quan trọng là tinh thần chống ngoại xâm bất khuất của người Việt và trách nhiệm chống ngoại xâm không chỉ của đàn ông mà bao gồm cả đàn bà. Tấm gương anh hùng đứng lên đánh đuổi ngoại xâm đã ẩn hiện suốt thời gian bị phương Bắc đô hộ kéo dài cả ngàn năm. Tuy thời kỳ giành được độc lập chỉ vỏn vẹn 3 năm

nhưng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà đã để lại một tấm gương sáng cho hậu thế noi theo; để gần 1000 năm sau, người Việt hoàn toàn giành được độc lập với chiến thắng của Ngô Quyền năm 938, đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.

Việt Nam kém may mắn phải nằm cạnh một nước Trung Hoa to lớn và luôn nuôi tham vọng bành trướng. Sự tồn tại của đất nước và người Việt tùy thuộc vào tinh thần chống ngoại xâm của người Việt qua nhiều thế hệ. Vì lý do này, tinh thần chống ngoại xâm luôn nằm trong chương trình giáo dục để mọi thế hệ người Việt luôn luôn cảnh giác trước mưu đồ xâm lược của kẻ thù phương Bắc.

Giải thích chữ khó:

lịch sử: *history*; sự bành trướng: *expansion*; người Tàu: *Chinese*; chống cự: *to resist*; bền bỉ: *enduring*; nguồn gốc: *source, root*; bản chất: *nature*; quật cường: *fierce*; sử gia: *historian*; Công Nguyên: *AD* (từ tiếng Latin “*anno domini*”, nghĩa là “vào năm của Thiên Chúa”); sự đô hộ: *rule*; tồn tại: *to exist*; thái thú: *governor*; bạo ngược: *tyrannical*; hà khắc: *harsh*; ta thán: *to lament*; dấy binh: *to revolt*; khởi nghĩa: *uprising*; nghĩa quân: *insurgent*; xưng vương: *to crown king*; đóng đô: *to set up capital*; gieo mình: *to jump into*; hậu thế: *future generation*; *ambition*

PHỤ LỤC

1. Bảng hướng dẫn phát âm và đánh vần

Mẫu tự	Đánh vần để viết chính tả (spell to write)	Phát âm để tập đọc (Pronounce to read)
17 PHỤ ÂM ĐƠN	Đánh vần và phát âm khác nhau	
B	bê	bờ
C	xê	cờ
D	dê	dờ
Đ	đê	đờ
G	giê	gờ
H	hát	hờ
K	ka	cờ
L	e-lờ	lờ
M	em-mờ	mờ
N	en-nờ	nờ
P	pê	pờ
Q	cu	quờ
R	e-rờ	rờ
S	ét-sờ	sờ
T	tê	tờ
V	vê	vờ
X	ít-xờ	xờ

12 NGUYÊN ÂM	Đánh vần và phát âm giống nhau	
A	a	a
Ă	á	á
Â	ơ	ơ
E	e	e
Ê	ê	ê

I	i	i
O	o	o
Ô	ô	ô
Ơ	ơ	ơ
U	u	u
Ư	ư	ư
Y	i-cờ-rét	i
11 PHỤ ÂM GHÉP		
Ch	xê hát	chờ
Gi	giê-i	giờ
Kh	ka-hát	khờ
Ng	en-giê	ngờ
Ngh	en-giê-hát	ngờ
Gh	giê-hát	gờ
Nh	en-hát	nhờ
Ph	pê-hát	phờ
Qu	cu-u	quờ
Th	tê-hát	thờ
Tr	tê-e-rờ	trờ
RÁP VẦN		
Ba	bê-a ba	bờ-a ba
Mẹ	em-mờ-e-me nặng mẹ	mờ-e-me nặng mẹ
Chị	xê-hát-i-chi nặng chị	chờ-i-chi nặng chị
Thầy	tê-hát-ô-i-cà-rét-thầy huyền thầy	ô-i-cà-rét-ây, thờ-ây-thầy-huyền thầy
Khỏe	ka-hát-o-e khoe hỏi khỏe	o-e-oe, khờ-oe-khoe hỏi khỏe
Việt	vê-i-ê-tê-viết nặng việt	i-ê-tờ-iết, vờ-iết-viết nặng việt
Ngoan	en-giê-o-a-en-oan, ngoan	o-a-nờ-oan, ngờ-oan ngoan

Ngoè	en-giê-o-e-o-eo huyền ngoè	o-e-o-oeo, ngờ-oeo-ngoeo huyền ngoè
Khuy	ka-hát-u-i-cờ-rết-uy khuy	u-i-uy, khờ-uy khuy
Khuynh	ka-hát-u-i-cờ-rết-en-hát-uynh khuynh	u-i-nhờ uynh, khờ-uynh khuynh
Khuyên	ka-hát-u-i-cờ-rết-ê-en-uyên khuyên	u-i-ê-nờ-uyên, khờ-uyên khuyên
Giỏ	giê-i-o hỏi giỏ	giờ-o gio hỏi giỏ
Giảng	giê-i-a-en-giê-giang hỏi giảng	a-ngờ-ang, giờ-ang giang hỏi giảng
Gìn	giê-i-en-gin huyền gìn	giờ-in-gin huyền gìn
Quả	cu-u-a hỏi quả	quờ-a-qua hỏi quả
Quần	cu-u-ô-en-quân sắc quần	ớ-nờ-ân, quờ-ân-quân sắc quần

2. Hướng dẫn đọc chính tả

a. Mục đích: nghe và viết

b. Tiến trình đọc chính tả

- Đọc trước toàn bài một cách chậm rãi và rõ ràng.
- Giải nghĩa nội dung của bài.
- Ghi các chữ khó lên bảng, phát âm thật rõ ràng và chính xác, và giải nghĩa từng chữ.
- Đọc cho học sinh viết chính tả.
- Đọc từng câu. Độ dài ngắn của câu tùy vào trình độ các lớp. Độ nhanh cũng tăng lên theo trình độ. Mỗi câu đọc nên được lặp lại hai lần và với thời gian cách xa nhau đủ để học sinh viết được câu vừa đọc.
- Dấu chấm câu chỉ được đọc ở lần cuối cùng.
- Sau khi đọc hết bài, thầy cô đọc lại toàn bài một lần một cách chậm rãi và ngắt câu như khi đọc từng câu, để học sinh dò lại.
- Chuyển đổi bài chính tả giữa học sinh với nhau để chấm lỗi chính tả.
- Nhắc nhở chung cho cả lớp về những lỗi chính tả mà đa số các em viết sai.
- Thu bài chính tả lại để vô điểm.

c. Những điểm cần lưu ý về cách phát âm

- Nên phát âm đúng. Không nên phát âm theo giọng địa phương.
- Phát âm phải phân biệt giữa “s” và “x”, “ch” và “tr”, “d” và “gi”.
- Phát âm rõ ràng dấu hỏi và ngã.

d. Thang điểm chấm chính tả

- | | |
|---|------------------------------|
| a) Sai dấu thanh: Sắc – Huyền – Hỏi – Ngã – Nặng | ½ lỗi |
| b) Vị trí của dấu thanh đặt sai chỗ | miễn lỗi |
| c) Sai dấu lập chữ: ă – â – ê – ô – ơ – ư | ½ lỗi |
| d) Những nguyên âm có dấu nhấn giọng viết sai tùy theo miền | |
| a. Ví dụ: giàu, giầu, phảy, phẩy, nhảy, nhẩy, v.v. | miễn lỗi |
| e) Sai mẫu tự (dù sai 1 hay nhiều mẫu tự trong 1 chữ) | 1 lỗi |
| f) Mỗi chữ sai bị tính tối đa 1 lỗi | 1 lỗi |
| g) Một chữ sai nhiều lần. | chỉ tính 1 lỗi |
| h) Thiếu dấu ngắt câu (chấm, phẩy, v...v...) | ½ lỗi |
| i) Chữ đầu câu không viết hoa. | ½ lỗi |
| j) Danh từ riêng (tên người, thành phố, quốc gia) không viết hoa. | ½ lỗi (cấp nhỏ miễn lỗi này) |
| k) Ngoài ra những chữ khác, viết hoa, viết thường. | miễn lỗi |
| l) Viết dư chữ, thiếu chữ. | mỗi chữ 1 lỗi |

e. Bài chính tả mẫu

Bữa cơm gia đình em //

Sau khi đi làm về, // bố mẹ em sửa soạn // nấu bữa cơm tối. // Bố không biết nấu cơm // nên chỉ phụ mẹ // vo gạo và rửa rau. // Mẹ nêm nếm thức ăn // rất vừa miệng. / Em thấy mẹ nấu // món nào cũng ngon. // Bữa ăn hôm nay có // món thịt gà kho, // rau muống xào và canh bầu. //

Trong khi mẹ nấu cơm // thì bố dọn sẵn // chén bát và muống dưa // đầy đủ lên bàn ăn. // Em cũng phụ giúp với // việc lấy khăn giấy. // Nhờ vậy mà chỉ khoảng // một tiếng đồng hồ sau // là đã có bữa cơm nóng hổi. //

Mẹ nói rằng, / nếu cả nhà cùng nấu ăn // thì bữa cơm sẽ ngon hơn. //

Ghi chú: gạch chéo (/) sau mỗi câu đọc ám chỉ số lần đọc, có nghĩa một gạch chéo là một lần đọc và hai gạch là hai lần đọc.

2. Văn phạm tóm lược

Văn phạm là môn học để nói và viết đúng. Văn phạm chỉ suy xét ngôn ngữ về mặt luận lý, đúng sai mà không xét về mặt thẩm mỹ.

Đặc điểm của Tiếng Việt là đơn âm và không biến dạng.

Văn phạm chủ yếu nghiên cứu về các loại từ ngữ, gồm 7 chữ chính và 2 chữ phụ.

7 chữ chính: danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ, giới từ và liên từ;

2 chữ phụ: thán từ và chữ đệm

Chữ chính có nhiệm vụ văn phạm. Chữ phụ không có nhiệm vụ văn phạm mà chỉ làm thẩm mỹ cho câu chữ.

a. Danh từ là chữ chỉ sự vật, sự việc. Danh từ gồm 2 thể loại: danh từ chung và danh từ riêng.

- Thí dụ danh từ chung: cái nhà, quả cam, lòng tin, tính kiên nhẫn
- Thí dụ danh từ riêng: Trần Hưng Đạo, Sài Gòn, Đức Mẹ La Vang

b. Đại (danh) từ: đại danh từ là chữ dùng để thay thế cho một chữ, nhóm chữ, mệnh đề hay câu.

- **Đại danh từ về người** (Nhân vật đại danh từ)

	Ngôi thứ nhất	Ngôi thứ hai	Ngôi thứ ba
Số ít	Tôi	Cô Bà Cậu Anh Chị Ông	Cô ấy Bà ấy Cậu ấy Anh ấy Chị ấy Ông ấy
Số nhiều	Chúng tôi Chúng ta (tất cả)	Các cô Các bà Các cậu Các anh Các chị Các ông	Các cô ấy Các bà ấy Các cậu ấy Các anh ấy Các chị ấy Các ông ấy

- **Cách gọi ngắn của ngôi thứ ba số ít**

cô ấy: cô

anh ấy: anh

mợ ấy: mợ

chị ấy: chị

ông ấy: ông

dì ấy: dì

cậu ấy: cậu

bà ấy: bà

duyệt ấy: duyệt

- **Các đại danh từ đặc biệt:** người ta, người, kẻ, ai, nhau, tự, chính

Thí dụ:

- Ở đây vào Tháng Tám, **người ta** thường đi chơi xa nên thành phố trở nên vắng vẻ.
- **Người** tới trước, **người** tới sau nhưng tất cả đều tới trước giờ quy định.
- Tuy rằng có nhiều **kẻ** ra **người** vào nhưng đồ đạc chúng tôi chưa hề bị mất cắp bao giờ.
- Có **ai** trong chúng ta thuộc lời bài hát đó không?
- Thương **nhau** cởi áo cho **nhau**, về nhà mẹ hỏi, qua cầu gió bay!
- Thằng bé mới hai tuổi mà đã biết **tự** ăn cơm một mình rồi!
- Học không phải là chuẩn bị cho đời sống; học **chính** là đời sống.

- **Đại danh từ “mà”**

Dùng để thay thế một danh từ.

Thí dụ:

- Người đẹp **mà** tôi nói đến là cô mặc áo dài xanh kia kìa.
- Chắc chắn hẳn là người **mà** tôi đã gặp ở buổi lễ hôm qua.
- Đây là nơi **mà** vợ chồng tôi gặp nhau lần đầu tiên.

Ghi chú: đại từ “mà” thường được hiểu ngầm.

- Người (mà) tôi thích phải có tính thành thực.
- Những chiếc áo (mà) tôi mua cho nó hôm qua đều quá rộng.
- Tôi có một sổ sách truyện (mà) anh thích.

c. Động từ

Động từ có hai loại: động từ thể hiện động tác và động từ thể hiện sự hiện hữu.

Động từ chỉ sự hiện hữu gọi là động từ đặc biệt. Một số động từ đặc biệt: thì, là, có, có vẻ, thấy/cảm thấy, trông, như... Động từ đặc biệt thường được hiểu ngầm, gọi là ở thể tĩnh lược.

Thí dụ: (động từ đặc biệt)

- California **là** tiểu bang nổi tiếng ẩm áp.
- Tôi **thấy** anh **có vẻ** xanh xao hơi trước.
- Đi làm ngày 8 tiếng mà tôi **thấy** dài như cả mấy chục tiếng.

- i. Động từ nhóm:

Thí dụ: muốn ăn, đứng chờ, học nói, thích học làm

ii. Các thời của động từ:

- Hiện tại: hiện, đang, hiện đang
- Quá khứ: đã
- Tương lai: sẽ, sắp

iii. Thể thụ động: được (ý tốt), bị (ý xấu)

iv. Thể phủ định và thụ động phủ định

- Phủ định: không, chẳng + động từ
- Thụ động phủ định: không được, chẳng được, không bị, chẳng bị + động từ

d. Tính từ: cho thông tin về danh từ

Nhận diện các tính từ:

- Các số thứ tự: tuần **thứ ba**, ngày **mười hai**
- Các số đếm: **ba** tháng, **năm** ngày
- Các danh từ đóng vai tính từ phụ nghĩa cho danh từ: đường **Trần Hưng Đạo**, máy bay **tổng thống**, xe buýt **trường học**

e. Trạng từ: chữ cho thông tin về những chữ không phải là danh từ.

- Cô ấy **chỉ** thích hoa hồng.
- Anh ta nói **đúng**.
- Hạnh là người tới đây sớm **nhất**.

f. Mạo từ: chữ đứng trước danh từ để cho biết về

- Tính chất xác định hay bất định của danh từ
- Số lượng ít nhiều của danh từ.

MẠO TỪ	XÁC ĐỊNH	BẤT ĐỊNH
SỐ ÍT chỉ ý niệm chỉ ý niệm hay vật chất chỉ động vật	sự cái con	một / không mạo từ một / không mạo từ một / không mạo từ
SỐ NHIỀU	các, những	những / không mạo từ

Ghi chú:

- Mạo từ **những** có thể là xác định hay bất định tùy ý nghĩa của nó trong câu.
- **Các** ám chỉ “toàn thể” một số đông, trong khi **những** dùng cho một phần của số đông.
- Thông thường người ta dùng danh từ mà không có mạo từ đứng trước. Trường hợp này, tính xác định hay bất định, số ít hay số nhiều tùy theo ý nghĩa của chúng trong câu.

g. Giới từ: chữ nối liền một chữ/nhóm chữ với một chữ/nhóm chữ khác. Một số giới từ như: của, trên, dưới, trong, ngoài, về, giữa, trước, sau, với...

h. Liên từ: là chữ dùng để nối các nhóm chữ, mệnh đề hay câu với nhau. Một số liên từ: nhưng, với, rằng, vì, bởi, rồi...

i. Thán từ: diễn tả cảm xúc, như: ôi, thôi, ời, à...

j. Chữ đệm (trợ từ): chữ đệm được dùng trong ngôn ngữ nhưng không có nhiệm vụ văn phạm. Nếu chữ đệm được loại bỏ khỏi câu, câu vẫn đúng văn phạm.

Thí dụ:

- **Dạ** vâng. **Thưa** vâng. Vâng **ạ**.
- Các con ăn cơm **đi**.
- Nó lại đi học trễ nữa **à**.
- Anh ấy học khá **nhỉ**?

Chữ đệm cũng thường xuất hiện trong các chữ đôi:

buồn bã – rầu rĩ – rậm rạp – xa xôi – xấu xí – đẹp đẽ

k. Dấu ngoặc kép: theo văn phạm Tây Phương: dấu chấm câu được đặt bên trong ngoặc kép đóng câu. Theo văn phạm Việt Nam, dấu chấm câu được đặt bên ngoài ngoặc kép đóng câu.

Thí dụ:

- Theo Tây Phương: Mọi người nên phụ đóng góp cho ngân quỹ sinh hoạt của hội, “có thực mới vực được đạo chứ.”
- Theo Việt Nam: Mọi người nên phụ đóng góp cho ngân quỹ sinh hoạt của hội, “có thực mới vực được đạo chứ”.

1. Dấu hỏi ngã: Tiếng Việt thường luyện lấy theo âm giọng trầm bổng. Đối với chữ đôi, cả hai chữ thường đều trầm hoặc bổng.

Các dấu có giọng bổng: **không dấu, sắc, hỏi**

Các dấu có giọng trầm: **huyền, nặng, ngã**

Từ đây hiện ra quy tắc cho dấu hỏi và ngã:

Một chữ là không dấu hay sắc thì dấu kia là hỏi

Một chữ là huyền hay nặng thì dấu kia là ngã

Thí dụ về giọng bổng:

- **Không dấu + dấu hỏi:** đảm đang, bánh bao, thơ thần, hỏi han

- **Dấu sắc + dấu hỏi:** sắc xảo, khỏe khoắn, trắng trẻo, hỏi hã

Thí dụ về giọng trầm:

- **Dấu huyền + dấu ngã:** dễ dàng, bão bùng, hảo huyền, giữ gìn

- **Dấu nặng + dấu ngã:** mạnh mẽ, giặc giã, lạnh lẽo, nhạt nhẽo

Ngoại lệ: Quy tắc về trầm bổng này không áp dụng cho từ có nguồn gốc Hán Việt. Thí dụ: kế hoạch, kỹ sư, hòa giải, pháp luật...

m. Quy tắc viết hoa:

- Chữ đầu câu;
- Chữ đầu của câu hoàn chỉnh theo sau các dấu chấm câu sau đây: dấu chấm câu (.), dấu chấm hỏi (?), dấu chấm than (!), dấu ba chấm (...), dấu hai chấm (:).
- Các loại từ ngữ: quy tắc viết hoa có vài khác biệt giữa trong và ngoài nước. Sau đây là bảng đối chiếu.

	NGOÀI NƯỚC	TRONG NƯỚC
TỰA ĐỀ	Ăn Khế Trả Vàng	Ăn khế trả vàng
TÊN RIÊNG	Trần Văn Bảo	Trần Văn Bảo
TÊN HIỆU + TÊN RIÊNG	Vua Quang Trung, Công Chúa Huyền Trân, Thánh Gióng	Vua Quang Trung, Công Chúa Huyền Trân, Thánh Gióng
TÊN CHỨC VỤ/HỌC VỤ + TÊN RIÊNG	Giáo Sư Vũ Mạnh Hùng, Chủ tịch Lê Thành, Bác Sĩ Nguyễn Kim Hoa, Phó Chủ	Giáo sư Vũ Mạnh Hùng, Chủ tịch Lê Thành, Bác sĩ Nguyễn Kim Hoa, Phó Chủ tịch Đỗ

	Tịch Đỗ Anh, Chủ tịch Ngoại Vụ Lưu Thanh Mai	Anh, Chủ tịch Ngoại vụ Lưu Thanh Mai
NGÔN NGỮ	Tiếng Việt, Việt Ngữ, Anh Văn, Anh Ngữ	tiếng Việt, Việt ngữ, Anh văn, Anh ngữ
TÊN NƯỚC	Việt Nam, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, Mễ Tây Cơ, Ả Rập Xê Út, Tiểu Vương Quốc Ả Rập	Việt Nam, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, Mễ Tây Cơ, Ả rập Xê út, Tiểu vương quốc Ả rập
TÊN ĐỊA DANH	Sài Gòn, Nha Trang, Bến Bạch Đằng, Đồng Tháp Mười	Sài Gòn, Nha Trang, Bến Bạch Đằng, Đồng Tháp Mười
ĐẠI LỤC	Á Châu, Âu Châu, Úc Châu	châu Á, châu Âu, châu Úc
BIỂN/ĐẠI DƯƠNG	Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Biển Đông, Biển Nhật Bản	Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, biển Đông, biển Nhật Bản
DANH XUNG + ĐỊA DANH	Quận Cam, Thành Phố Los Angeles, Tiểu Bang California, Sông Cửu Long, Giáo Phận Orange	quận Cam, thành phố Los Angeles, tiểu bang California, sông Cửu Long, giáo phận Orange
PHƯƠNG HƯỚNG	Đông, Tây, Nam, Bắc, Miền Bắc, Miền Nam, Chính Phủ Miền Nam Việt Nam	Đông, Tây, Nam, Bắc, miền Bắc, miền Nam, chính phủ miền Nam Việt Nam
NGÀY TRONG TUẦN	Thứ Hai, Thứ Ba, Thứ Tư, Thứ Năm, Thứ Sáu, Chủ Nhật	thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm, thứ Sáu, Chủ nhật
THÁNG	Tháng Giêng, Tháng Hai, Tháng Ba, Tháng Mười Hai	tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba, tháng Mười (H)hai
MÙA	Mùa Xuân 2000, Mùa Hè 1972 (tên mùa chỉ viết hoa khi có năm đi kèm)	mùa xuân 2000, mùa hè 1972
LỄ HỘI	Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu, Ngày Hiền Mẫu, Ngày Quốc Tế Lao Động, Ngày	tết Nguyên Đán, tết Trung Thu, ngày Hiền Mẫu, ngày Quốc tế Lao động, ngày

	Quốc Khánh, Lễ Tạ Ơn, Lễ Phật Đản, Lễ Giáng Sinh	Quốc khánh, lễ Tạ ơn, lễ Phật đản, lễ Giáng sinh
TÔN GIÁO	Đạo Thiên Chúa, Đạo Phật, Đạo Tin Lành, Đạo Hòa Hảo, Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo	đạo Thiên Chúa, đạo Phật, đạo Tin Lành, đạo Hòa Hảo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo
SỰ KIỆN	Phong Trào Duy Tân, Nạn Đói Năm Ất Dậu, Cách Mạng Mùa Xuân Ả Rập	Phong trào Duy Tân, nạn đói năm Ất Dậu, cách mạng Mùa xuân Ả rập
TỔ CHỨC	Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, Tổ Chức Theo Dõi Nhân Quyền, Ngân Hàng Thế Giới, Bộ Quốc Phòng, Bộ Giáo Dục, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường, Trường Trung Học Phổ Thông Chu Văn An	Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Tổ chức Theo dõi Nhân quyền, Ngân hàng Thế giới, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Trường Trung học Phổ thông Chu Văn An
SÁCH BÁO	Nhật Báo Người Việt, Tạp Chí Quê Hương, Tuyển Tập Nhạc vàng	nhật báo Người Việt, tạp chí Quê hương, tuyển tập Nhạc vàng

n. Chữ và từ:

Chữ là âm tiếng (1 tiếng phát âm ra). Tiếng Việt là đơn âm nên mỗi tiếng phát ra được gọi là 1 chữ.

Từ là đơn vị cấu tạo của ngôn ngữ như danh từ, tính từ... Một từ có thể có một chữ, hai hoặc ba chữ. Thí dụ: “vui” là từ có 1 chữ; “vui vẻ” là từ có 2 chữ, “hách xì xằng” là từ có 3 chữ; “lôi thôi lếch thếch” là từ có 4 chữ.

Nguyên âm: **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y**

Bán nguyên âm: **iê, uô, ươ**

CONVERSATIONAL VIETNAMESE

VIỆT NGỮ ĐÀM THOẠI

LEVEL 1 – CẤP 1

Tác giả: Trần Văn Minh

Ấn bản 2018

Địa chỉ liên lạc: tranvminh77@gmail.com